QUỸ ETF DCVFMVN30
DCVFMVN30 ETF

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số/*No*: 230426/2026-CBTT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2026
Ho Chi Minh City, 23 April 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: **- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**
State Securities Commission of Vietnam

- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Hochiminh Stock Exchange

1. **Tên Công ty Quản lý quỹ**: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM (DCVFM).
***Name of Fund Management Company**: Dragon Capital Vietfund Management Joint Stock Company (DCVFM)*

   - Tên Quỹ ETF niêm yết: **QUỸ ETF DCVFMVN30**
   Name of Fund: ***DCVFMVN30 ETF***
   - Mã chứng khoán: **E1VFVN30**
   Stock code: ***E1VFVN30***
   - Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Phường Sài Gòn, TP. HCM.
   Head office address: 15th Floor, Me Linh Point Building, 02 Ngo Duc Ke, Saigon Ward, Ho Chi Minh City.
   - Điện thoại/*Phone*: 028-3825 1488 Fax: 028-3825 1489
   - Email: cskh@dragoncapital.com Website: http://dragoncapital.com.vn

2. **Nội dung thông tin công bố**: Về việc Quỹ ETF DCVFMVN30 (Mã chứng khoán: **E1VFVN30**) công bố thông tin Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu Đại hội Nhà đầu tư Thường niên năm tài chính 2025 ngày 23/04/2026.
***Content of information disclosure:** Regarding the disclosure of DCVFMVN30 ETF (Stock Code: **E1VFVN30**) to disclose information on the Resolution and Vote Counting Minutes of the Annual General Meeting of Investors for the fiscal year 2025 dated April 23, 2026.*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ vào ngày 23/04/2026 tại đường dẫn http://dragoncapital.com.vn của công ty quản lý quỹ.
This information was published on the DCVFM's website on April 23, 2026 at the link www.dragoncapital.com.vn .

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.
We would like to commit that the information published above is true and fully responsible before the law for the content of the published information.

Tài liệu đính kèm

Attached documents

Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu Đại hội Nhà đầu tư Thường niên năm tài chính 2025 của Quỹ ETF DCVFMVN30.

Resolution and Vote Counting Minutes of the Annual General Meeting of Investors for the fiscal year 2025 of DCVFMVN30 ETF.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM

FOR AND ON BEHALF OF DRAGON CAPITAL VIETFUND MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY

Người được UQ CBTT

Authorized person

Lê Hoàng Anh

Le Hoang Anh

Quyền Giám đốc Nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư Công ty DCVFM

Acting Director Investment Service Department of DCVFM

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM
Date: 2026.04.24 17:13:40 +07'00'

QUỸ ETF DCVFMVN30
DCVFMVN30 ETF

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Independence _ Freedom _ Happiness

Số/No: 01/NQ-E1VFVN30-2026

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2026
Ho Chi Minh City, 23 April 2026

NGHỊ QUYẾT
RESOLUTION

ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2025
OF THE ANNUAL GENERAL MEETING OF INVESTORS IN FISCAL YEAR 2025

QUỸ ETF DCVFMVN30
DCVFMVN30 ETF

Căn cứ:
Pursuant to:

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và các sửa đổi bổ sung tại mỗi thời điểm;
  Law on Securities No. 54/2019/QH14 passed by the National Assembly on 26 November 2019 and amendments and supplementations from time to time;

- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
  Decree No. 155/2020/ND-CP dated 31 December 2020 of the Government providing detailed regulations on implementation of a number of articles of the Law on Securities;

- Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
  Decree No. 245/2025/ND-CP dated 11 September 2025 of the Government amending Decree No. 155/2020/ND-CP dated 31 December 2020 of the Government providing detailed regulations on implementation of a number of articles of the Law on Securities;

- Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
  Circular No. 98/2020/TT-BTC dated 16 November 2020 of the Ministry of Finance providing guidelines on operation and management of securities investment funds;

- Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
  Circular No. 136/2025/TT-BTC dated 29 December 2025 of the Ministry of Finance amending Circular No. 98/2020/TT-BTC dated 16 November 2020 of the Ministry of Finance providing guidelines on operation and management of securities investment funds;

- Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
  Circular No. 99/2020/TT-BTC dated 16 November 2020 of the Ministry of Finance providing guidelines on operation of securities investment fund management companies;

- Điều lệ Tổ chức và hoạt động hiện hành của QUỸ ETF DCVFMVN30;
  The prevailing Organization and Operation Charter of DCVFMVN30 ETF;

- Kết quả kiểm phiếu Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2025 và Biên bản kiểm phiếu Đại hội Nhà đầu tư số 01/BBKP-E1VFVN30-2026 ngày 23 tháng 4 năm 2026.
  Results of the vote-counting of the Annual General Meeting of Investors for FY 2025 and Minutes of Vote Counting of the General Meeting of Investors No. 01/BBKP-E1VFVN30-2026 dated 23 April 2026.

Đại hội Nhà Đầu Tư QUỸ ETF DCVFMVN30 (sau đây gọi tắt là Quỹ)
The General Meeting of Investors of DCVFMVN30 ETF (hereinafter referred to as the Fund)

QUYẾT NGHỊ
RESOLVES

Điều 1. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ năm 2025
Article 1. To approve Fund's 2025 performance report

Đại hội Nhà đầu tư thông qua báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ năm 2025.
The General Meeting of Investors approved the Fund's 2025 performance report.

Điều 2. Thông qua báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán của Quỹ
Article 2. To approve Fund's audited financial statements for 2025

Đại hội Nhà đầu tư thông qua báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán của Quỹ.
The General Meeting of Investors approved the Fund's audited financial statements for 2025.

Điều 3. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025
Article 3. To approve 2025 profit distribution plan

Đại hội Nhà đầu tư thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025.
The General Meeting of Investors approved the 2025 profit distribution plan.

Điều 4. Thông qua kế hoạch hoạt động của Quỹ năm 2026
Article 4. To approve Fund's 2026 business plan

Đại hội Nhà đầu tư thông qua kế hoạch hoạt động của Quỹ năm 2026.
The General Meeting of Investors approved the Fund's 2026 business plan.

Điều 5. Thông qua lựa chọn công ty kiểm toán cho Quỹ năm 2026
Article 5. To approve selection of the auditing firm for the Fund in 2026

Đại hội Nhà đầu tư thông qua lựa chọn công ty kiểm toán cho Quỹ năm 2026.
The General Meeting of Investors approved the selection of the auditing firm for the Fund in 2026.

Điều 6. Thông qua tổng ngân sách hoạt động trong năm 2026 của Ban đại diện Quỹ
Article 6. To approve total budget of the Board of Representative for 2026

Đại hội Nhà đầu tư thông qua tổng ngân sách hoạt động trong năm 2026 của Ban đại diện Quỹ.
The General Meeting of Investors approved the total budget of the Board of Representative for 2026.

Điều 7. Thông qua Điều chỉnh, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ
Article 7. To approve Amendments and supplements to the Charter of the Fund

Đại hội Nhà đầu tư thông qua việc điều chỉnh, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.
The General Meeting of Investors approved the amendments and supplements to the Charter of the Fund.

Điều 8. Hiệu lực Nghị quyết
Article 8. Effect of the Resolution

Nghị quyết Đại hội có hiệu lực kể từ ngày ký.
The Resolution takes effect from the date of signing.

Thay mặt Ban đại diện quỹ
On behalf of Fund's Board of Representatives

Bà Nguyễn Bội Hồng Lê

Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ
Chairperson of the Board of Representatives

Đại diện Công ty quản lý quỹ
For and on behalf of the Fund Management Company

TUQ. Tổng Giám đốc
PP. General Director

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM

Lê Hoàng Anh
Quyền Giám đốc Nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư
Acting Director Investment Service Department

QUỸ ETF DCVFMVN30
DCVFMVN30 ETF

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Independence – Freedom – Happiness

Số/No: 01/BBKP-E1VFVN30-2026

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2026
Ho Chi Minh City, 23 April 2026

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU (LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN)
MINUTES OF VOTE COUNTING (FOR COLLECTING WRITTEN OPINION)

ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2025
OF THE ANNUAL GENERAL MEETING OF INVESTORS IN FISCAL YEAR 2025

QUỸ ETF DCVFMVN30
DCVFMVN30 ETF

I. THÔNG TIN VỀ QUỸ
INFORMATION OF THE FUND

Tên quỹ *Name of fund*	**QUỸ ETF DCVFMVN30 (sau đây gọi tắt là Quỹ)** ***DCVFMVN30 ETF (hereinafter referred to as the Fund)***
Tên viết tắt *Short name*	**E1VFVN30** ***E1VFVN30***
Được quản lý bởi *Managed by*	**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam** (sau đây gọi tắt là ***Công ty quản lý quỹ*** hoặc ***DCVFM***) ***Dragon Capital Vietfund Management Joint Stock Company*** *(hereinafter referred to as the* ***Fund Management Company*** *or* ***DCVFM****)*
Giấy phép thành lập số *Establishment license No.*	14/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (UBCKNN) cấp ngày 18/09/2014 *14/GCN-UBCK issued by the State Securities Commissions (SSC) on 18/09/2014*
Giấy phép đổi tên số *Amended license No.*	06/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 28/04/2021 *06/GCN-UBCK issued by the SSC on 28/04/2021*
Địa chỉ *Address*	Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, 2 Ngô Đức Kế, Phường Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh *15th Floor, Melinh Point Tower, 2 Ngo Duc Ke, Saigon Ward, Ho Chi Minh City*
Điện thoại/ *Telephone*	(84) 28 3825 1488 Fax: (84) 28 3825 1489

II. THÔNG TIN VỀ VIỆC KIỂM PHIẾU, NHỮNG NGƯỜI THAM GIA KIỂM PHIẾU VÀ MỤC ĐÍCH VÀ CÁC VẤN ĐỀ CẦN LẤY Ý KIẾN ĐỂ THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT
INFORMATION OF THE VOTE-COUNTING SESSION, ATTENDANCE AND PURPOSE AND MATTERS TO BE VOTED

1. Thời gian, địa điểm kiểm phiếu
Time, venue of vote counting

Thời gian bắt đầu *Time of commencement*	**16:00, ngày 23 tháng 4 năm 2026** ***16:00, 23 April 2026***
Địa điểm tổ chức *Venue*	Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, 2 Ngô Đức Kế, Phường Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh *15th Floor, Melinh Point Tower, 2 Ngo Duc Ke, Saigon Ward, Ho Chi Minh City*

2. Thành phần tham gia
Attendance

2.1 Ban kiểm phiếu
Vote-counting committee

- Ông Lê Hoàng Anh — Quyền Giám đốc, Nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư Công ty DCVFM: Trưởng ban
  Mr. Le Hoang Anh — Acting Director of Investment Service Department of DCVFM: Head of the Committee

- Ông Nguyễn Xuân Phát — Luật sư nội bộ DCVFM: Thành viên
  Mr. Nguyen Xuan Phat — Senior Associate (Legal & Compliance) of DCVFM: Member

2.2 Giám sát kiểm phiếu
Vote-counting supervisor

- Bà Nguyễn Bội Hồng Lê — Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ
  Mrs. Nguyen Boi Hong Le — Chairperson of the Board of Representatives

3. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua Nghị Quyết
Purpose and matters to be voted

Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến Nhà Đầu Tư được ghi nhận tại Tài liệu Đại Hội đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Quỹ/ DCVFM tại địa chỉ www.dragoncapital.com.vn và đính kèm theo Biên bản kiểm phiếu này.
The purpose and matters to be voted are set forth in the Meeting Material posted on the Fund's/ DCVFM's website at www.dragoncapital.com.vn and attached to this Vote-Counting Minutes.

III. THÔNG TIN VỀ VIỆC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ MÀ DCVFM ĐÃ THỰC HIỆN
INFORMATION ON COLLECTION OF WRITTEN OPINIONS FROM THE INVESTOR CONDUCTED BY DCVFM

1. Thời gian lấy ý kiến bằng văn bản của Nhà Đầu Tư
Time frame of collection of written opinions from the Investors

DCVFM đã thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản của Nhà Đầu Tư liên quan đến các mục đích và vấn đề đã nêu tại mục 3 Phần II của Biên bản kiểm phiếu này từ ngày 26/03/2026 đến 17:30 ngày 22/04/2026.
DCVFM collected Investors' written opinions for the purposes and matters stated in section 3 of Part II of this Vote-counting Minutes from 26/03/2026 to 17:30, 22/04/2026.

2. Thống kê số lượng phiếu biểu quyết
Statistics of ballots

2.1 Tổng số phiếu biểu quyết
Total number of ballots

DCVFM đã gửi đi:
DCVFM dispatched:

- **26.182 phiếu lấy ý kiến bằng văn bản cho 26.182 Nhà Đầu Tư,**
  26,182 voting slips to 26,182 Investors,

- với tổng số phiếu biểu quyết là 180.500.000 phiếu biểu quyết, tương ứng với 180.500.000 Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành và có quyền biểu quyết,
  with the total number of ballots is 180,500,000, equivalent to 180,500,000 voting-eligible Fund Certificates in circulation,

theo danh sách người sở hữu đơn vị quỹ nêu tại sổ đăng ký chốt ngày 23/03/2026 do Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp.
according to the list of fund certificate holders as of 23/03/2026, provided by Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation.

2.2 Tổng số phiếu biểu quyết tham gia biểu quyết
Total number of ballots returned

Tính đến thời điểm kết thúc nhận phiếu biểu quyết (17:30 ngày 22/04/2026), DCVFM đã nhận được:
As of the closing time of receiving the voting slips (17:30, 22/04/2026), DCVFM received:

(a) Số phiếu biểu quyết nhận được: 6 phiếu biểu quyết bằng văn bản, đại diện cho 96.763.523

Chứng chỉ Quỹ, chiếm 53,61% số lượng Chứng chỉ Quỹ có quyền biểu quyết.
Number of ballots received: 6 voting slips, representing 96,763,523 Fund Certificates, accounting for 53.61% of the total voting-eligible fund certificates.

(b) Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 6 phiếu biểu quyết bằng văn bản, đại diện cho 96.763.523 Chứng chỉ Quỹ, chiếm 53,61% số lượng Chứng chỉ Quỹ có quyền biểu quyết.
Number of valid ballots: 6 voting slips, representing 96,763,523 Fund Certificates, accounting for 53.61% of the total voting-eligible fund certificates.

(c) Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0, chiếm 0% số lượng Chứng chỉ Quỹ có quyền biểu quyết.
Number of void ballots: 0, accounting for 0% of the total voting-eligible fund certificates.

(d) Phương thức gửi phiếu biểu quyết:
Method of casting ballots:

- Gửi thư: 06 phiếu biểu quyết bằng văn bản
  Via post: 06 voting slips
- Gửi fax: 0 phiếu biểu quyết bằng văn bản
  Via fax: 0 voting slips
- Gửi thư điện thử (email): 0 phiếu biểu quyết bằng văn bản
  Via email: 0 voting slips

IV. BIỂU QUYẾT VÀ KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT
VOTING AND VOTING RESULTS

1. Báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ năm 2025
Fund's 2025 performance report

Đại hội Nhà đầu tư đã thông qua báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ năm 2025, với nội dung chi tiết được thể hiện tại Tài liệu Đại Hội đính kèm theo Biên Bản này, với tỷ lệ biểu quyết như sau:
The General Meeting of Investors approved the Fund's 2025 performance report, with details stated in the Meeting Material attached herewith, with the voting results as follows:

		Số phiếu biểu quyết *Number of ballots*	Tỷ lệ (%) *Pct. (%)*
Tổng số phiếu biểu quyết ***Total number of ballots***	Tổng số phiếu biểu quyết *Total number of ballots*	180.500.000/ 180,500,000	100%
	Số phiếu tham gia biểu quyết *Number of ballots casted*	96.763.523/ 96,763,523	53,61%/ 53.61%
	Hợp lệ *Valid*	96.763.523/ 96,763,523	100%
	Không hợp lệ *Void*	0	0%
Biểu quyết ***Vote***	Tán thành/ Đồng ý *For/ Agree*	96.763.523/ 96,763,523	53,61%/ 53.61%
	Không tán thành/ Không đồng ý *Against/ Disagree*	0	0%
	Không có ý kiến *No opinion*	0	0%
Kết quả ***Result***		**đã thông qua** ***approved***	

2. Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán của Quỹ
Fund's audited financial statements for 2025

Đại hội Nhà đầu tư đã thông qua báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán của Quỹ, với nội dung chi tiết được thể hiện tại Tài liệu Đại Hội đính kèm theo Biên Bản này, với tỷ lệ biểu quyết như sau:
The General Meeting of Investors approved the Fund's audited financial statements for 2025, with details stated in the Meeting Material attached herewith, with the voting results as follows:

		Số phiếu biểu quyết *Number of ballots*	Tỷ lệ (%) *Pct. (%)*
Tổng số phiếu biểu quyết ***Total number of ballots***	Tổng số phiếu biểu quyết *Total number of ballots*	180.500.000/ 180,500,000	100%
	Số phiếu tham gia biểu quyết *Number of ballots casted*	96.763.523/ 96,763,523	53,61%/ 53.61%
	Hợp lệ *Valid*	96.763.523/ 96,763,523	100%
	Không hợp lệ *Void*	0	0%
Biểu quyết ***Vote***	Tán thành/ Đồng ý *For/ Agree*	96.763.523/ 96,763,523	53,61%/ 53.61%
	Không tán thành/ Không đồng ý *Against/ Disagree*	0	0%
	Không có ý kiến *No opinion*	0	0%
Kết quả ***Result***		**đã thông qua** ***approved***	

3. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025
2025 profit distribution plan

Đại hội Nhà đầu tư đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025, với nội dung chi tiết được thể hiện tại Tài liệu Đại Hội đính kèm theo Biên Bản này, với tỷ lệ biểu quyết như sau:
The General Meeting of Investors approved the 2025 profit distribution plan, with details stated in the Meeting Material attached herewith, with the voting results as follows:

		Số phiếu biểu quyết *Number of ballots*	Tỷ lệ (%) *Pct. (%)*
Tổng số phiếu biểu quyết ***Total number of ballots***	Tổng số phiếu biểu quyết *Total number of ballots*	180.500.000/ 180,500,000	100%
	Số phiếu tham gia biểu quyết *Number of ballots casted*	96.763.523/ 96,763,523	53,61%/ 53.61%
	Hợp lệ *Valid*	96.763.523/ 96,763,523	100%
	Không hợp lệ *Void*	0	0%
Biểu quyết ***Vote***	Tán thành/ Đồng ý *For/ Agree*	96.670.523/ 96,670,523	53,56%/ 53.56%
	Không tán thành/ Không đồng ý *Against/ Disagree*	0	0%
	Không có ý kiến *No opinion*	93.000/ 93,000	0,05%/ 0.05%
Kết quả ***Result***		**đã thông qua** ***approved***	

4. Kế hoạch hoạt động của Quỹ năm 2026
Fund's 2026 business plan

Đại hội Nhà đầu tư đã thông qua kế hoạch hoạt động của Quỹ năm 2026, với nội dung chi tiết được thể hiện tại Tài liệu Đại Hội đính kèm theo Biên Bản này, với tỷ lệ biểu quyết như sau:
The General Meeting of Investors approved the Fund's 2026 business plan, with details stated in the Meeting Material attached herewith, with the voting results as follows:

		Số phiếu biểu quyết *Number of ballots*	Tỷ lệ (%) *Pct. (%)*
Tổng số phiếu biểu quyết ***Total number of ballots***	Tổng số phiếu biểu quyết *Total number of ballots*	180.500.000/ 180,500,000	100%
	Số phiếu tham gia biểu quyết *Number of ballots casted*	96.763.523/ 96,763,523	53,61%/ 53.61%
	Hợp lệ *Valid*	96.763.523/ 96,763,523	100%
	Không hợp lệ *Void*	0	0%
Biểu quyết ***Vote***	Tán thành/ Đồng ý *For/ Agree*	96.763.523/ 96,763,523	53,61%/ 53.61%
	Không tán thành/ Không đồng ý *Against/ Disagree*	0	0%
	Không có ý kiến *No opinion*	0	0%
Kết quả ***Result***		**đã thông qua** ***approved***	

5. Lựa chọn công ty kiểm toán cho Quỹ năm 2026
Selection of the auditing firm for the Fund in 2026

Đại hội Nhà đầu tư đã thông qua lựa chọn công ty kiểm toán cho Quỹ năm 2026, với nội dung chi tiết được thể hiện tại Tài liệu Đại Hội đính kèm theo Biên Bản này, với tỷ lệ biểu quyết như sau:
The General Meeting of Investors approved the selection of the auditing firm for the Fund in 2026, with details stated in the Meeting Material attached herewith, with the voting results as follows:

		Số phiếu biểu quyết *Number of ballots*	Tỷ lệ (%) *Pct. (%)*
Tổng số phiếu biểu quyết ***Total number of ballots***	Tổng số phiếu biểu quyết *Total number of ballots*	180.500.000/ 180,500,000	100%
	Số phiếu tham gia biểu quyết *Number of ballots casted*	96.763.523/ 96,763,523	53,61%/ 53.61%
	Hợp lệ *Valid*	96.763.523/ 96,763,523	100%
	Không hợp lệ *Void*	0	0%
Biểu quyết ***Vote***	Tán thành/ Đồng ý *For/ Agree*	96.670.523/ 96,670,523	53,56%/ 53.56%
	Không tán thành/ Không đồng ý *Against/ Disagree*	93.000/ 93,000	0,05%/ 0.05%
	Không có ý kiến *No opinion*	0	0%
Kết quả ***Result***		**đã thông qua** ***approved***	

6. Tổng ngân sách hoạt động trong năm 2026 của Ban đại diện Quỹ
Total budget of the Board of Representative for 2026

Đại hội Nhà đầu tư đã thông qua tổng ngân sách hoạt động trong năm 2026 của Ban đại diện Quỹ, với nội dung chi tiết được thể hiện tại Tài liệu Đại Hội đính kèm theo Biên Bản này, với tỷ lệ biểu quyết như sau:

The General Meeting of Investors approved the total budget of the Board of Representative for 2026, with details stated in the Meeting Material attached herewith, with the voting results as follows:

		Số phiếu biểu quyết *Number of ballots*	Tỷ lệ (%) *Pct. (%)*
Tổng số phiếu biểu quyết ***Total number of ballots***	Tổng số phiếu biểu quyết *Total number of ballots*	180.500.000/ 180,500,000	100%
	Số phiếu tham gia biểu quyết *Number of ballots casted*	96.763.523/ 96,763,523	53,61%/ 53.61%
	Hợp lệ *Valid*	96.763.523/ 96,763,523	100%
	Không hợp lệ *Void*	0	0%
Biểu quyết ***Vote***	Tán thành/ Đồng ý *For/ Agree*	96.763.523/ 96,763,523	53,61%/ 53.61%
	Không tán thành/ Không đồng ý *Against/ Disagree*	0	0%
	Không có ý kiến *No opinion*	0	0%
Kết quả ***Result***		**đã thông qua** ***approved***	

7. Điều chỉnh, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ
Amendments and supplements to the Charter of the Fund

7.1 Sửa đổi mục "Căn cứ pháp lý"
Amendment to "Legal Basis" section

Đại hội Nhà đầu tư đã thông qua Sửa đổi mục "Căn cứ pháp lý", với nội dung chi tiết được thể hiện tại Tài liệu Đại Hội đính kèm theo Biên Bản này, với tỷ lệ biểu quyết như sau:

The General Meeting of Investors approved the Amendment to "Legal Basis" section, with details stated in the Meeting Material attached herewith, with the voting results as follows:

		Số phiếu biểu quyết *Number of ballots*	Tỷ lệ (%) *Pct. (%)*
Tổng số phiếu biểu quyết ***Total number of ballots***	Tổng số phiếu biểu quyết *Total number of ballots*	180.500.000/ 180,500,000	100%
	Số phiếu tham gia biểu quyết *Number of ballots casted*	96.763.523/ 96,763,523	53,61%/ 53.61%
	Hợp lệ *Valid*	96.763.523/ 96,763,523	100%
	Không hợp lệ *Void*	0	0%
Biểu quyết ***Vote***	Tán thành/ Đồng ý *For/ Agree*	96.763.523/ 96,763,523	53,61%/ 53.61%
	Không tán thành/ Không đồng ý *Against/ Disagree*	0	0%
	Không có ý kiến *No opinion*	0	0%

		Số phiếu biểu quyết *Number of ballots*	Tỷ lệ (%) *Pct. (%)*
Kết quả ***Result***		**đã thông qua** ***approved***	

7.2 Sửa đổi mục "Các định nghĩa"
Amendment to "Definitions" section

Đại hội Nhà đầu tư đã thông qua Sửa đổi mục "Các định nghĩa", với nội dung chi tiết được thể hiện tại Tài liệu Đại Hội đính kèm theo Biên Bản này, với tỷ lệ biểu quyết như sau:
The General Meeting of Investors approved the Amendment to "Definitions" section, with details stated in the Meeting Material attached herewith, with the voting results as follows:

		Số phiếu biểu quyết *Number of ballots*	Tỷ lệ (%) *Pct. (%)*
Tổng số phiếu biểu quyết ***Total number of ballots***	Tổng số phiếu biểu quyết *Total number of ballots*	180.500.000/ 180,500,000	100%
	Số phiếu tham gia biểu quyết *Number of ballots casted*	96.763.523/ 96,763,523	53,61%/ 53.61%
	Hợp lệ *Valid*	96.763.523/ 96,763,523	100%
	Không hợp lệ *Void*	0	0%
Biểu quyết ***Vote***	Tán thành/ Đồng ý *For/ Agree*	96.763.523/ 96,763,523	53,61%/ 53.61%
	Không tán thành/ Không đồng ý *Against/ Disagree*	0	0%
	Không có ý kiến *No opinion*	0	0%
Kết quả ***Result***		**đã thông qua** ***approved***	

7.3 Cập nhật địa chỉ liên hệ của Quỹ tại Điều 1 (Tên và địa chỉ liên hệ)
Update of the Fund's contact address in Article 1 (Name and Contact Address)

Đại hội Nhà đầu tư đã thông qua Cập nhật địa chỉ liên hệ của Quỹ tại Điều 1 (Tên và địa chỉ liên hệ), với nội dung chi tiết được thể hiện tại Tài liệu Đại Hội đính kèm theo Biên Bản này, với tỷ lệ biểu quyết như sau:
The General Meeting of Investors approved the Update of the Fund's contact address in Article 1 (Name and Contact Address), with details stated in the Meeting Material attached herewith, with the voting results as follows:

		Số phiếu biểu quyết *Number of ballots*	Tỷ lệ (%) *Pct. (%)*
Tổng số phiếu biểu quyết ***Total number of ballots***	Tổng số phiếu biểu quyết *Total number of ballots*	180.500.000/ 180,500,000	100%
	Số phiếu tham gia biểu quyết *Number of ballots casted*	96.763.523/ 96,763,523	53,61%/ 53.61%
	Hợp lệ *Valid*	96.763.523/ 96,763,523	100%
	Không hợp lệ *Void*	0	0%
Biểu quyết ***Vote***	Tán thành/ Đồng ý *For/ Agree*	96.763.523/ 96,763,523	53,61%/ 53.61%

		Số phiếu biểu quyết *Number of ballots*	Tỷ lệ (%) *Pct. (%)*
	Không tán thành/ Không đồng ý *Against/ Disagree*	0	0%
	Không có ý kiến *No opinion*	0	0%
Kết quả ***Result***		**đã thông qua** ***approved***	

7.4 Cập nhật thông tin địa chỉ và giấy phép Công ty quản lý quỹ tại Điều 6 (Công ty quản lý quỹ)
Update of the address and license information of the Fund Management Company in Article 6 (Fund Management Company)

Đại hội Nhà đầu tư đã thông qua Cập nhật thông tin địa chỉ và giấy phép Công ty quản lý quỹ tại Điều 6 (Công ty quản lý quỹ), với nội dung chi tiết được thể hiện tại Tài liệu Đại Hội đính kèm theo Biên Bản này, với tỷ lệ biểu quyết như sau:
The General Meeting of Investors approved the Update of the address and license information of the Fund Management Company in Article 6 (Fund Management Company), with details stated in the Meeting Material attached herewith, with the voting results as follows:

		Số phiếu biểu quyết *Number of ballots*	Tỷ lệ (%) *Pct. (%)*
Tổng số phiếu biểu quyết ***Total number of ballots***	Tổng số phiếu biểu quyết *Total number of ballots*	180.500.000/ 180,500,000	100%
	Số phiếu tham gia biểu quyết *Number of ballots casted*	96.763.523/ 96,763,523	53,61%/ 53.61%
	Hợp lệ *Valid*	96.763.523/ 96,763,523	100%
	Không hợp lệ *Void*	0	0%
Biểu quyết ***Vote***	Tán thành/ Đồng ý *For/ Agree*	96.763.523/ 96,763,523	53,61%/ 53.61%
	Không tán thành/ Không đồng ý *Against/ Disagree*	0	0%
	Không có ý kiến *No opinion*	0	0%
Kết quả ***Result***		**đã thông qua** ***approved***	

7.5 Cập nhật thông tin địa chỉ của Ngân hàng giám sát tại Điều 7 (Ngân hàng giám sát)
Update of the address information of the Supervisory Bank in Article 7 (Supervisory Bank)

Đại hội Nhà đầu tư đã thông qua Cập nhật thông tin địa chỉ của Ngân hàng giám sát tại Điều 7 (Ngân hàng giám sát), với nội dung chi tiết được thể hiện tại Tài liệu Đại Hội đính kèm theo Biên Bản này, với tỷ lệ biểu quyết như sau:
The General Meeting of Investors approved the Update of the address information of the Supervisory Bank in Article 7 (Supervisory Bank), with details stated in the Meeting Material attached herewith, with the voting results as follows:

		Số phiếu biểu quyết *Number of ballots*	Tỷ lệ (%) *Pct. (%)*
Tổng số phiếu biểu quyết	Tổng số phiếu biểu quyết *Total number of ballots*	180.500.000/ 180,500,000	100%

		Số phiếu biểu quyết *Number of ballots*	Tỷ lệ (%) *Pct. (%)*
Total number of ballots	Số phiếu tham gia biểu quyết *Number of ballots casted*	96.763.523/ 96,763,523	53,61%/ 53.61%
	Hợp lệ *Valid*	96.763.523/ 96,763,523	100%
	Không hợp lệ *Void*	0	0%
Biểu quyết *Vote*	Tán thành/ Đồng ý *For/ Agree*	96.763.523/ 96,763,523	53,61%/ 53.61%
	Không tán thành/ Không đồng ý *Against/ Disagree*	0	0%
	Không có ý kiến *No opinion*	0	0%
Kết quả *Result*		**đã thông qua** *approved*	

7.6 Sửa đổi cơ cấu đầu tư của Quỹ tại tại Điểm d và e Khoản 3 Điều 9 (Chiến lược đầu tư)
Amendment to the Fund's investment structure in Points d and e Clause 3 Article 9 (Investment Strategy)

Đại hội Nhà đầu tư đã thông qua Sửa đổi cơ cấu đầu tư của Quỹ tại tại Điểm d và e Khoản 3 Điều 9 (Chiến lược đầu tư), với nội dung chi tiết được thể hiện tại Tài liệu Đại Hội đính kèm theo Biên Bản này, với tỷ lệ biểu quyết như sau:
The General Meeting of Investors approved the Amendment to the Fund's investment structure in Points d and e Clause 3 Article 9 (Investment Strategy), with details stated in the Meeting Material attached herewith, with the voting results as follows:

		Số phiếu biểu quyết *Number of ballots*	Tỷ lệ (%) *Pct. (%)*
Tổng số phiếu biểu quyết *Total number of ballots*	Tổng số phiếu biểu quyết *Total number of ballots*	180.500.000/ 180,500,000	100%
	Số phiếu tham gia biểu quyết *Number of ballots casted*	96.763.523/ 96,763,523	53,61%/ 53.61%
	Hợp lệ *Valid*	96.763.523/ 96,763,523	100%
	Không hợp lệ *Void*	0	0%
Biểu quyết *Vote*	Tán thành/ Đồng ý *For/ Agree*	96.189.923/ 96,189,923	53,29%/ 53.29%
	Không tán thành/ Không đồng ý *Against/ Disagree*	0	0%
	Không có ý kiến *No opinion*	573.600/ 573,600	0,32%/ 0.32%
Kết quả *Result*		**đã thông qua** *approved*	

7.7 Sửa đổi Điểm c và f Khoản 2 Điều 10 (Hạn chế đầu tư)
Amendment to Points c and f Clause 2 Article 10 (Investment Limits)

Đại hội Nhà đầu tư đã thông qua Sửa đổi Điểm c và f Khoản 2 Điều 10 (Hạn chế đầu tư), với nội dung chi tiết được thể hiện tại Tài liệu Đại Hội đính kèm theo Biên Bản này, với tỷ lệ biểu quyết như sau:
The General Meeting of Investors approved the Amendment to Points c and f Clause 2 Article 10 (Investment Limits), with details stated in the Meeting Material attached herewith, with the voting results as follows:

		Số phiếu biểu quyết *Number of ballots*	Tỷ lệ (%) *Pct. (%)*
Tổng số phiếu biểu quyết ***Total number of ballots***	Tổng số phiếu biểu quyết *Total number of ballots*	180.500.000/ 180,500,000	100%
	Số phiếu tham gia biểu quyết *Number of ballots casted*	96.763.523/ 96,763,523	53,61%/ 53.61%
	Hợp lệ *Valid*	96.763.523/ 96,763,523	100%
	Không hợp lệ *Void*	0	0%
Biểu quyết ***Vote***	Tán thành/ Đồng ý *For/ Agree*	96.189.923/ 96,189,923	53,29%/ 53.29%
	Không tán thành/ Không đồng ý *Against/ Disagree*	0	0%
	Không có ý kiến *No opinion*	573.600/ 573,600	0,32%/ 0.32%
Kết quả ***Result***		**đã thông qua** ***approved***	

7.8 Sửa đổi Khoản 4 Điều 13 (Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư)
Amendment to Clause 4 Article 13 (Rights and Obligations of Investors)

Đại hội Nhà đầu tư đã thông qua Sửa đổi Khoản 4 Điều 13 (Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư), với nội dung chi tiết được thể hiện tại Tài liệu Đại Hội đính kèm theo Biên Bản này, với tỷ lệ biểu quyết như sau:
The General Meeting of Investors approved the Amendment to Clause 4 Article 13 (Rights and Obligations of Investors), with details stated in the Meeting Material attached herewith, with the voting results as follows:

		Số phiếu biểu quyết *Number of ballots*	Tỷ lệ (%) *Pct. (%)*
Tổng số phiếu biểu quyết ***Total number of ballots***	Tổng số phiếu biểu quyết *Total number of ballots*	180.500.000/ 180,500,000	100%
	Số phiếu tham gia biểu quyết *Number of ballots casted*	96.763.523/ 96,763,523	53,61%/ 53.61%
	Hợp lệ *Valid*	96.763.523/ 96,763,523	100%
	Không hợp lệ *Void*	0	0%
Biểu quyết ***Vote***	Tán thành/ Đồng ý *For/ Agree*	96.189.923/ 96,189,923	53,29%/ 53.29%
	Không tán thành/ Không đồng ý *Against/ Disagree*	0	0%
	Không có ý kiến *No opinion*	573.600/ 573,600	0,32%/ 0.32%
Kết quả ***Result***		**đã thông qua** ***approved***	

7.9 Sửa đổi Điểm c Khoản 1 Điều 15 (Sổ đăng ký nhà đầu tư)
Amendment to Point c Clause 1 Article 15 (Register of Investors)

Đại hội Nhà đầu tư đã thông qua Sửa đổi Điểm c Khoản 1 Điều 15 (Sổ đăng ký nhà đầu tư), với nội dung chi tiết được thể hiện tại Tài liệu Đại Hội đính kèm theo Biên Bản này, với tỷ lệ biểu quyết như sau:

The General Meeting of Investors approved the Amendment to Point c Clause 1 Article 15 (Register of Investors), with details stated in the Meeting Material attached herewith, with the voting results as follows:

		Số phiếu biểu quyết *Number of ballots*	Tỷ lệ (%) *Pct. (%)*
Tổng số phiếu biểu quyết ***Total number of ballots***	Tổng số phiếu biểu quyết *Total number of ballots*	180.500.000/ 180,500,000	100%
	Số phiếu tham gia biểu quyết *Number of ballots casted*	96.763.523/ 96,763,523	53,61%/ 53.61%
	Hợp lệ *Valid*	96.763.523/ 96,763,523	100%
	Không hợp lệ *Void*	0	0%
Biểu quyết ***Vote***	Tán thành/ Đồng ý *For/ Agree*	96.189.923/ 96,189,923	53,29%/ 53.29%
	Không tán thành/ Không đồng ý *Against/ Disagree*	0	0%
	Không có ý kiến *No opinion*	573.600/ 573,600	0,32%/ 0.32%
Kết quả ***Result***		**đã thông qua** ***approved***	

7.10 Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 và 3 Điều 16 (Giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF và ngược lại (giao dịch sơ cấp))

Amendment and Supplement to Clauses 2 and 3 of Article 16 (Exchange of the underlying securities basket for lots of ETF fund certificates and vice versa (primary market transactions))

Đại hội Nhà đầu tư đã thông qua Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 và 3 Điều 16 (Giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF và ngược lại (giao dịch sơ cấp)), với nội dung chi tiết được thể hiện tại Tài liệu Đại Hội đính kèm theo Biên Bản này, với tỷ lệ biểu quyết như sau:

The General Meeting of Investors approved the Amendment and Supplement to Clauses 2 and 3 of Article 16 (Exchange of the underlying securities basket for lots of ETF fund certificates and vice versa (primary market transactions)), with details stated in the Meeting Material attached herewith, with the voting results as follows:

		Số phiếu biểu quyết *Number of ballots*	Tỷ lệ (%) *Pct. (%)*
Tổng số phiếu biểu quyết ***Total number of ballots***	Tổng số phiếu biểu quyết *Total number of ballots*	180.500.000/ 180,500,000	100%
	Số phiếu tham gia biểu quyết *Number of ballots casted*	96.763.523/ 96,763,523	53,61%/ 53.61%
	Hợp lệ *Valid*	96.763.523/ 96,763,523	100%
	Không hợp lệ *Void*	0	0%
Biểu quyết ***Vote***	Tán thành/ Đồng ý *For/ Agree*	96.189.923/ 96,189,923	53,29%/ 53.29%
	Không tán thành/ Không đồng ý *Against/ Disagree*	0	0%
	Không có ý kiến *No opinion*	573.600/ 573,600	0,32%/ 0.32%
Kết quả ***Result***		**đã thông qua** ***approved***	

7.11 Sửa đổi Khoản 10 Điều 16 (Giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF và ngược lại (giao dịch sơ cấp))

Amendment to Clause 10 of Article 16 (Exchange of the underlying securities basket for lots of ETF fund certificates and vice versa (primary market transactions))

Đại hội Nhà đầu tư đã thông qua Sửa đổi Khoản 10 Điều 16 (Giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF và ngược lại (giao dịch sơ cấp)), với nội dung chi tiết được thể hiện tại Tài liệu Đại Hội đính kèm theo Biên Bản này, với tỷ lệ biểu quyết như sau:

The General Meeting of Investors approved the Amendment to Clause 10 of Article 16 (Exchange of the underlying securities basket for lots of ETF fund certificates and vice versa (primary market transactions)), with details stated in the Meeting Material attached herewith, with the voting results as follows:

		Số phiếu biểu quyết *Number of ballots*	Tỷ lệ (%) *Pct. (%)*
Tổng số phiếu biểu quyết ***Total number of ballots***	Tổng số phiếu biểu quyết *Total number of ballots*	180.500.000/ 180,500,000	100%
	Số phiếu tham gia biểu quyết *Number of ballots casted*	96.763.523/ 96,763,523	53,61%/ 53.61%
	Hợp lệ *Valid*	96.763.523/ 96,763,523	100%
	Không hợp lệ *Void*	0	0%
Biểu quyết *Vote*	Tán thành/ Đồng ý *For/ Agree*	96.189.923/ 96,189,923	53,29%/ 53.29%
	Không tán thành/ Không đồng ý *Against/ Disagree*	0	0%
	Không có ý kiến *No opinion*	573.600/ 573,600	0,32%/ 0.32%
Kết quả ***Result***		**đã thông qua** ***approved***	

7.12 Sửa đổi Khoản 2, 3 và 5 Điều 20 (Đại hội nhà đầu tư)

Amendment to Clauses 2, 3 and 5 Article 20 (General Meeting of Investors)

Đại hội Nhà đầu tư đã thông qua Sửa đổi Khoản 2, 3 và 5 Điều 20 (Đại hội nhà đầu tư), với nội dung chi tiết được thể hiện tại Tài liệu Đại Hội đính kèm theo Biên Bản này, với tỷ lệ biểu quyết như sau:

The General Meeting of Investors approved the Amendment to Clauses 2, 3 and 5 Article 20 (General Meeting of Investors), with details stated in the Meeting Material attached herewith, with the voting results as follows:

		Số phiếu biểu quyết *Number of ballots*	Tỷ lệ (%) *Pct. (%)*
Tổng số phiếu biểu quyết ***Total number of ballots***	Tổng số phiếu biểu quyết *Total number of ballots*	180.500.000/ 180,500,000	100%
	Số phiếu tham gia biểu quyết *Number of ballots casted*	96.763.523/ 96,763,523	53,61%/ 53.61%
	Hợp lệ *Valid*	96.763.523/ 96,763,523	100%
	Không hợp lệ *Void*	0	0%
Biểu quyết *Vote*	Tán thành/ Đồng ý *For/ Agree*	96.189.923/ 96,189,923	53,29%/ 53.29%
	Không tán thành/ Không đồng ý *Against/ Disagree*	0	0%

		Số phiếu biểu quyết *Number of ballots*	Tỷ lệ (%) *Pct. (%)*
	Không có ý kiến *No opinion*	573.600/ 573,600	0,32%/ 0.32%
Kết quả ***Result***		**đã thông qua** ***approved***	

7.13 Sửa đổi Khoản 6 Điều 21 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội nhà đầu tư)
Amendment to Clause 6 Article 21 (Powers and Duties of the General Meeting of Investors)

Đại hội Nhà đầu tư đã thông qua Sửa đổi Khoản 6 Điều 21 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội nhà đầu tư), với nội dung chi tiết được thể hiện tại Tài liệu Đại Hội đính kèm theo Biên Bản này, với tỷ lệ biểu quyết như sau:
The General Meeting of Investors approved the Amendment to Clause 6 Article 21 (Powers and Duties of the General Meeting of Investors), with details stated in the Meeting Material attached herewith, with the voting results as follows:

		Số phiếu biểu quyết *Number of ballots*	Tỷ lệ (%) *Pct. (%)*
Tổng số phiếu biểu quyết ***Total number of ballots***	Tổng số phiếu biểu quyết *Total number of ballots*	180.500.000/ 180,500,000	100%
	Số phiếu tham gia biểu quyết *Number of ballots casted*	96.763.523/ 96,763,523	53,61%/ 53.61%
	Hợp lệ *Valid*	96.763.523/ 96,763,523	100%
	Không hợp lệ *Void*	0	0%
Biểu quyết ***Vote***	Tán thành/ Đồng ý *For/ Agree*	96.189.923/ 96,189,923	53,29%/ 53.29%
	Không tán thành/ Không đồng ý *Against/ Disagree*	0	0%
	Không có ý kiến *No opinion*	573.600/ 573,600	0,32%/ 0.32%
Kết quả ***Result***		**đã thông qua** ***approved***	

7.14 Sửa đổi Điểm b Khoản 5 Điều 23 (Thông qua quyết định của Đại hội nhà đầu tư)
Amendment to Point b Clause 5 Article 23 (Adoption of Resolutions of the General Meeting of Investors)

Đại hội Nhà đầu tư đã thông qua Sửa đổi Điểm b Khoản 5 Điều 23 (Thông qua quyết định của Đại hội nhà đầu tư), với nội dung chi tiết được thể hiện tại Tài liệu Đại Hội đính kèm theo Biên Bản này, với tỷ lệ biểu quyết như sau:
The General Meeting of Investors approved the Amendment to Point b Clause 5 Article 23 (Adoption of Resolutions of the General Meeting of Investors), with details stated in the Meeting Material attached herewith, with the voting results as follows:

		Số phiếu biểu quyết *Number of ballots*	Tỷ lệ (%) *Pct. (%)*
Tổng số phiếu biểu quyết ***Total number of ballots***	Tổng số phiếu biểu quyết *Total number of ballots*	180.500.000/ 180,500,000	100%
	Số phiếu tham gia biểu quyết *Number of ballots casted*	96.763.523/ 96,763,523	53,61%/ 53.61%
	Hợp lệ *Valid*	96.763.523/ 96,763,523	100%

		Số phiếu biểu quyết *Number of ballots*	Tỷ lệ (%) *Pct. (%)*
	Không hợp lệ *Void*	0	0%
Biểu quyết ***Vote***	Tán thành/ Đồng ý *For/ Agree*	96.189.923/ 96,189,923	53,29%/ 53.29%
	Không tán thành/ Không đồng ý *Against/ Disagree*	0	0%
	Không có ý kiến *No opinion*	573.600/ 573,600	0,32%/ 0.32%
Kết quả ***Result***		**đã thông qua** ***approved***	

7.15 Sửa đổi Khoản 8 Điều 23 (Thông qua quyết định của Đại hội nhà đầu tư)
Amendment to Clause 8 Article 23 (Resolutions of the General Meeting of Investors)

Đại hội Nhà đầu tư đã thông qua Sửa đổi Khoản 8 Điều 23 (Thông qua quyết định của Đại hội nhà đầu tư), với nội dung chi tiết được thể hiện tại Tài liệu Đại Hội đính kèm theo Biên Bản này, với tỷ lệ biểu quyết như sau:
The General Meeting of Investors approved the Amendment to Clause 8 Article 23 (Resolutions of the General Meeting of Investors), with details stated in the Meeting Material attached herewith, with the voting results as follows:

		Số phiếu biểu quyết *Number of ballots*	Tỷ lệ (%) *Pct. (%)*
Tổng số phiếu biểu quyết ***Total number of ballots***	Tổng số phiếu biểu quyết *Total number of ballots*	180.500.000/ 180,500,000	100%
	Số phiếu tham gia biểu quyết *Number of ballots casted*	96.763.523/ 96,763,523	53,61%/ 53.61%
	Hợp lệ *Valid*	96.763.523/ 96,763,523	100%
	Không hợp lệ *Void*	0	0%
Biểu quyết ***Vote***	Tán thành/ Đồng ý *For/ Agree*	96.189.923/ 96,189,923	53,29%/ 53.29%
	Không tán thành/ Không đồng ý *Against/ Disagree*	0	0%
	Không có ý kiến *No opinion*	573.600/ 573,600	0,32%/ 0.32%
Kết quả ***Result***		**đã thông qua** ***approved***	

7.16 Sửa đổi Điểm a Khoản 9 Điều 23 (Thông qua quyết định của Đại hội nhà đầu tư)
Amendment to Point a Clause 9 Article 23 (Resolutions of the General Meeting of Investors)

Đại hội Nhà đầu tư đã thông qua Sửa đổi Điểm a Khoản 9 Điều 23 (Thông qua quyết định của Đại hội nhà đầu tư), với nội dung chi tiết được thể hiện tại Tài liệu Đại Hội đính kèm theo Biên Bản này, với tỷ lệ biểu quyết như sau:
The General Meeting of Investors approved the Amendment to Point a Clause 9 Article 23 (Resolutions of the General Meeting of Investors), with details stated in the Meeting Material attached herewith, with the voting results as follows:

		Số phiếu biểu quyết *Number of ballots*	Tỷ lệ (%) *Pct. (%)*
Tổng số phiếu biểu quyết ***Total number of ballots***	Tổng số phiếu biểu quyết *Total number of ballots*	180.500.000/ 180,500,000	100%
	Số phiếu tham gia biểu quyết *Number of ballots casted*	96.763.523/ 96,763,523	53,61%/ 53.61%
	Hợp lệ *Valid*	96.763.523/ 96,763,523	100%
	Không hợp lệ *Void*	0	0%
Biểu quyết ***Vote***	Tán thành/ Đồng ý *For/ Agree*	96.189.923/ 96,189,923	53,29%/ 53.29%
	Không tán thành/ Không đồng ý *Against/ Disagree*	0	0%
	Không có ý kiến *No opinion*	573.600/ 573,600	0,32%/ 0.32%
Kết quả ***Result***		**đã thông qua** ***approved***	

7.17 Sửa đổi Điểm b Khoản 2 Điều 25 (Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ)
Amendment to Point b Clause 2 Article 25 (Term of office and criteria for selection of members of the Fund's Board of Representatives)

Đại hội Nhà đầu tư đã thông qua Sửa đổi Điểm b Khoản 2 Điều 25 (Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ), với nội dung chi tiết được thể hiện tại Tài liệu Đại Hội đính kèm theo Biên Bản này, với tỷ lệ biểu quyết như sau:
The General Meeting of Investors approved the Amendment to Point b Clause 2 Article 25 (Term of office and criteria for selection of members of the Fund's Board of Representatives), with details stated in the Meeting Material attached herewith, with the voting results as follows:

		Số phiếu biểu quyết *Number of ballots*	Tỷ lệ (%) *Pct. (%)*
Tổng số phiếu biểu quyết ***Total number of ballots***	Tổng số phiếu biểu quyết *Total number of ballots*	180.500.000/ 180,500,000	100%
	Số phiếu tham gia biểu quyết *Number of ballots casted*	96.763.523/ 96,763,523	53,61%/ 53.61%
	Hợp lệ *Valid*	96.763.523/ 96,763,523	100%
	Không hợp lệ *Void*	0	0%
Biểu quyết ***Vote***	Tán thành/ Đồng ý *For/ Agree*	96.189.923/ 96,189,923	53,29%/ 53.29%
	Không tán thành/ Không đồng ý *Against/ Disagree*	0	0%
	Không có ý kiến *No opinion*	573.600/ 573,600	0,32%/ 0.32%
Kết quả ***Result***		**đã thông qua** ***approved***	

7.18 Sửa đổi Khoản 9 Điều 26 (Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện Quỹ)
Amendment to Clause 9 Article 26 (Rights and Obligations of the Fund's Board of Representatives)

Đại hội Nhà đầu tư đã thông qua Sửa đổi Khoản 9 Điều 26 (Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện Quỹ), với nội dung chi tiết được thể hiện tại Tài liệu Đại Hội đính kèm theo Biên Bản này, với tỷ lệ biểu quyết như sau:

The General Meeting of Investors approved the Amendment to Clause 9 Article 26 (Rights and Obligations of the Fund's Board of Representatives), with details stated in the Meeting Material attached herewith, with the voting results as follows:

		Số phiếu biểu quyết ***Number of ballots***	**Tỷ lệ (%)** ***Pct. (%)***
Tổng số phiếu biểu quyết ***Total number of ballots***	Tổng số phiếu biểu quyết *Total number of ballots*	180.500.000/ 180,500,000	100%
	Số phiếu tham gia biểu quyết *Number of ballots casted*	96.763.523/ 96,763,523	53,61%/ 53.61%
	Hợp lệ *Valid*	96.763.523/ 96,763,523	100%
	Không hợp lệ *Void*	0	0%
Biểu quyết ***Vote***	Tán thành/ Đồng ý *For/ Agree*	96.763.523/ 96,763,523	53,61%/ 53.61%
	Không tán thành/ Không đồng ý *Against/ Disagree*	0	0%
	Không có ý kiến *No opinion*	0	0%
Kết quả ***Result***		**đã thông qua** ***approved***	

7.19 Sửa đổi Khoản 13, 19, 22 và 23 Điều 26 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban đại diện quỹ)

Amendment to Clauses 13, 19, 22 and 23 Article 26 (Powers and Duties of the Fund's Board of Representatives)

Đại hội Nhà đầu tư đã thông qua Sửa đổi Khoản 13, 19, 22 và 23 Điều 26 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban đại diện quỹ), với nội dung chi tiết được thể hiện tại Tài liệu Đại Hội đính kèm theo Biên Bản này, với tỷ lệ biểu quyết như sau:

The General Meeting of Investors approved the Amendment to Clauses 13, 19, 22 and 23 Article 26 (Powers and Duties of the Fund's Board of Representatives), with details stated in the Meeting Material attached herewith, with the voting results as follows:

		Số phiếu biểu quyết ***Number of ballots***	**Tỷ lệ (%)** ***Pct. (%)***
Tổng số phiếu biểu quyết ***Total number of ballots***	Tổng số phiếu biểu quyết *Total number of ballots*	180.500.000/ 180,500,000	100%
	Số phiếu tham gia biểu quyết *Number of ballots casted*	96.763.523/ 96,763,523	53,61%/ 53.61%
	Hợp lệ *Valid*	96.763.523/ 96,763,523	100%
	Không hợp lệ *Void*	0	0%
Biểu quyết ***Vote***	Tán thành/ Đồng ý *For/ Agree*	96.189.923/ 96,189,923	53,29%/ 53.29%
	Không tán thành/ Không đồng ý *Against/ Disagree*	0	0%
	Không có ý kiến *No opinion*	573.600/ 573,600	0,32%/ 0.32%

		Số phiếu biểu quyết *Number of ballots*	Tỷ lệ (%) *Pct. (%)*
Kết quả ***Result***		**đã thông qua** ***approved***	

7.20 Sửa đổi Điểm d Khoản 2 Điều 27 (Chủ tịch Ban đại diện Quỹ)
Amendment to Point d Clause 2 Article 27 (Chairperson of the Fund's Board of Representatives)

Đại hội Nhà đầu tư đã thông qua Sửa đổi Điểm d Khoản 2 Điều 27 (Chủ tịch Ban đại diện Quỹ), với nội dung chi tiết được thể hiện tại Tài liệu Đại Hội đính kèm theo Biên Bản này, với tỷ lệ biểu quyết như sau:
The General Meeting of Investors approved the Amendment to Point d Clause 2 Article 27 (Chairperson of the Fund's Board of Representatives), with details stated in the Meeting Material attached herewith, with the voting results as follows:

		Số phiếu biểu quyết *Number of ballots*	Tỷ lệ (%) *Pct. (%)*
Tổng số phiếu biểu quyết ***Total number of ballots***	Tổng số phiếu biểu quyết *Total number of ballots*	180.500.000/ 180,500,000	100%
	Số phiếu tham gia biểu quyết *Number of ballots casted*	96.763.523/ 96,763,523	53,61%/ 53.61%
	Hợp lệ *Valid*	96.763.523/ 96,763,523	100%
	Không hợp lệ *Void*	0	0%
Biểu quyết ***Vote***	Tán thành/ Đồng ý *For/ Agree*	96.189.923/ 96,189,923	53,29%/ 53.29%
	Không tán thành/ Không đồng ý *Against/ Disagree*	0	0%
	Không có ý kiến *No opinion*	573.600/ 573,600	0,32%/ 0.32%
Kết quả ***Result***		**đã thông qua** ***approved***	

7.21 Sửa đổi Khoản 5 Điều 29 (Cuộc họp Ban đại diện Quỹ)
Amendment to Clause 5 Article 29 (Meetings of the Fund's Board of Representatives)

Đại hội Nhà đầu tư đã thông qua Sửa đổi Khoản 5 Điều 29 (Cuộc họp Ban đại diện Quỹ), với nội dung chi tiết được thể hiện tại Tài liệu Đại Hội đính kèm theo Biên Bản này, với tỷ lệ biểu quyết như sau:
The General Meeting of Investors approved the Amendment to Clause 5 Article 29 (Meetings of the Fund's Board of Representatives), with details stated in the Meeting Material attached herewith, with the voting results as follows:

		Số phiếu biểu quyết *Number of ballots*	Tỷ lệ (%) *Pct. (%)*
Tổng số phiếu biểu quyết ***Total number of ballots***	Tổng số phiếu biểu quyết *Total number of ballots*	180.500.000/ 180,500,000	100%
	Số phiếu tham gia biểu quyết *Number of ballots casted*	96.763.523/ 96,763,523	53,61%/ 53.61%
	Hợp lệ *Valid*	96.763.523/ 96,763,523	100%
	Không hợp lệ *Void*	0	0%

		Số phiếu biểu quyết *Number of ballots*	Tỷ lệ (%) *Pct. (%)*
Biểu quyết ***Vote***	Tán thành/ Đồng ý *For/ Agree*	96.763.523/ 96,763,523	53,61%/ 53.61%
	Không tán thành/ Không đồng ý *Against/ Disagree*	0	0%
	Không có ý kiến *No opinion*	0	0%
Kết quả ***Result***		**đã thông qua** ***approved***	

7.22 Bổ sung Khoản 4 đến 8 Điều 46 (Điều kiện lựa chọn đại lý phân phối chứng chỉ quỹ mở)
Supplement Clauses 4 to 8 Article 46 (Conditions for Selection of Open-End Fund Certificate Distribution Agents)

Đại hội Nhà đầu tư đã thông qua Bổ sung Khoản 4 đến 8 Điều 46 (Điều kiện lựa chọn đại lý phân phối chứng chỉ quỹ mở), với nội dung chi tiết được thể hiện tại Tài liệu Đại Hội đính kèm theo Biên Bản này, với tỷ lệ biểu quyết như sau:
The General Meeting of Investors approved the Supplement Clauses 4 to 8 Article 46 (Conditions for Selection of Open-End Fund Certificate Distribution Agents), with details stated in the Meeting Material attached herewith, with the voting results as follows:

		Số phiếu biểu quyết *Number of ballots*	Tỷ lệ (%) *Pct. (%)*
Tổng số phiếu biểu quyết ***Total number of ballots***	Tổng số phiếu biểu quyết *Total number of ballots*	180.500.000/ 180,500,000	100%
	Số phiếu tham gia biểu quyết *Number of ballots casted*	96.763.523/ 96,763,523	53,61%/ 53.61%
	Hợp lệ *Valid*	96.763.523/ 96,763,523	100%
	Không hợp lệ *Void*	0	0%
Biểu quyết ***Vote***	Tán thành/ Đồng ý *For/ Agree*	96.189.923/ 96,189,923	53,29%/ 53.29%
	Không tán thành/ Không đồng ý *Against/ Disagree*	0	0%
	Không có ý kiến *No opinion*	573.600/ 573,600	0,32%/ 0.32%
Kết quả ***Result***		**đã thông qua** ***approved***	

7.23 Sửa đổi Điều 48 (Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán)
Amendment to Article 48 (Criteria for Selection and Replacement of the Auditing Firm)

Đại hội Nhà đầu tư đã thông qua Sửa đổi Điều 48 (Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán), với nội dung chi tiết được thể hiện tại Tài liệu Đại Hội đính kèm theo Biên Bản này, với tỷ lệ biểu quyết như sau:
The General Meeting of Investors approved the Amendment to Article 48 (Criteria for Selection and Replacement of the Auditing Firm), with details stated in the Meeting Material attached herewith, with the voting results as follows:

		Số phiếu biểu quyết *Number of ballots*	Tỷ lệ (%) *Pct. (%)*
Tổng số phiếu biểu quyết	Tổng số phiếu biểu quyết *Total number of ballots*	180.500.000/ 180,500,000	100%

		Số phiếu biểu quyết *Number of ballots*	Tỷ lệ (%) *Pct. (%)*
Total number of ballots	Số phiếu tham gia biểu quyết *Number of ballots casted*	96.763.523/ 96,763,523	53,61%/ 53.61%
	Hợp lệ *Valid*	96.763.523/ 96,763,523	100%
	Không hợp lệ *Void*	0	0%
Biểu quyết ***Vote***	Tán thành/ Đồng ý *For/ Agree*	96.189.923/ 96,189,923	53,29%/ 53.29%
	Không tán thành/ Không đồng ý *Against/ Disagree*	0	0%
	Không có ý kiến *No opinion*	573.600/ 573,600	0,32%/ 0.32%
Kết quả ***Result***		**đã thông qua** ***approved***	

7.24 Sửa đổi Khoản 3 Điều 51 (Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ)
Amendment to Clause 3 Article 51 (Determination of the Net Asset Value of the Fund)

Đại hội Nhà đầu tư đã thông qua Sửa đổi Khoản 3 Điều 51 (Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ), với nội dung chi tiết được thể hiện tại Tài liệu Đại Hội đính kèm theo Biên Bản này, với tỷ lệ biểu quyết như sau:
The General Meeting of Investors approved the Amendment to Clause 3 Article 51 (Determination of the Net Asset Value of the Fund), with details stated in the Meeting Material attached herewith, with the voting results as follows:

		Số phiếu biểu quyết *Number of ballots*	Tỷ lệ (%) *Pct. (%)*
Tổng số phiếu biểu quyết ***Total number of ballots***	Tổng số phiếu biểu quyết *Total number of ballots*	180.500.000/ 180,500,000	100%
	Số phiếu tham gia biểu quyết *Number of ballots casted*	96.763.523/ 96,763,523	53,61%/ 53.61%
	Hợp lệ *Valid*	96.763.523/ 96,763,523	100%
	Không hợp lệ *Void*	0	0%
Biểu quyết ***Vote***	Tán thành/ Đồng ý *For/ Agree*	96.763.523/ 96,763,523	53,61%/ 53.61%
	Không tán thành/ Không đồng ý *Against/ Disagree*	0	0%
	Không có ý kiến *No opinion*	0	0%
Kết quả ***Result***		**đã thông qua** ***approved***	

7.25 Sửa đổi Điểm d Khoản 2 Điều 52 (Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ)
Amendment to Point d Clause 2 Article 52 (Method for Determining the Net Asset Value of the Fund)

Đại hội Nhà đầu tư đã thông qua Sửa đổi Điểm d Khoản 2 Điều 52 (Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ), với nội dung chi tiết được thể hiện tại Tài liệu Đại Hội đính kèm theo Biên Bản này, với tỷ lệ biểu quyết như sau:
The General Meeting of Investors approved the Amendment to Point d Clause 2 Article 52 (Method for Determining the Net Asset Value of the Fund), with details stated in the Meeting Material attached herewith, with the voting results as follows:

		Số phiếu biểu quyết *Number of ballots*	Tỷ lệ (%) *Pct. (%)*
Tổng số phiếu biểu quyết ***Total number of ballots***	Tổng số phiếu biểu quyết *Total number of ballots*	180.500.000/ 180,500,000	100%
	Số phiếu tham gia biểu quyết *Number of ballots casted*	96.763.523/ 96,763,523	53,61%/ 53.61%
	Hợp lệ *Valid*	96.763.523/ 96,763,523	100%
	Không hợp lệ *Void*	0	0%
Biểu quyết ***Vote***	Tán thành/ Đồng ý *For/ Agree*	96.189.923/ 96,189,923	53,29%/ 53.29%
	Không tán thành/ Không đồng ý *Against/ Disagree*	0	0%
	Không có ý kiến *No opinion*	573.600/ 573,600	0,32%/ 0.32%
Kết quả ***Result***		**đã thông qua** ***approved***	

7.26 Sửa đổi Điểm b Khoản 2 Điều 55 (Các loại giá dịch vụ, phí do Quỹ trả)

Amendment to Point b Clause 2 Article 55 (Types of service prices and fees payable by the Fund)

Đại hội Nhà đầu tư đã thông qua Sửa đổi Điểm b Khoản 2 Điều 55 (Các loại giá dịch vụ, phí do Quỹ trả), với nội dung chi tiết được thể hiện tại Tài liệu Đại Hội đính kèm theo Biên Bản này, với tỷ lệ biểu quyết như sau:

The General Meeting of Investors approved the Amendment to Point b Clause 2 Article 55 (Types of service prices and fees payable by the Fund), with details stated in the Meeting Material attached herewith, with the voting results as follows:

		Số phiếu biểu quyết *Number of ballots*	Tỷ lệ (%) *Pct. (%)*
Tổng số phiếu biểu quyết ***Total number of ballots***	Tổng số phiếu biểu quyết *Total number of ballots*	180.500.000/ 180,500,000	100%
	Số phiếu tham gia biểu quyết *Number of ballots casted*	96.763.523/ 96,763,523	53,61%/ 53.61%
	Hợp lệ *Valid*	96.763.523/ 96,763,523	100%
	Không hợp lệ *Void*	0	0%
Biểu quyết ***Vote***	Tán thành/ Đồng ý *For/ Agree*	96.189.923/ 96,189,923	53,29%/ 53.29%
	Không tán thành/ Không đồng ý *Against/ Disagree*	0	0%
	Không có ý kiến *No opinion*	573.600/ 573,600	0,32%/ 0.32%
Kết quả ***Result***		**đã thông qua** ***approved***	

7.27 Sửa đổi Khoản 2 Điều 62 (Đăng ký điều lệ)

Amendment to Clause 2 Article 62 (Registration of the Charter)

Đại hội Nhà đầu tư đã thông qua Sửa đổi Khoản 2 Điều 62 (Đăng ký điều lệ), với nội dung chi tiết được thể hiện tại Tài liệu Đại Hội đính kèm theo Biên Bản này, với tỷ lệ biểu quyết như sau:

The General Meeting of Investors approved the Amendment to Clause 2 Article 62 (Registration of the Charter), with details stated in the Meeting Material attached herewith, with the voting results as follows:

		Số phiếu biểu quyết *Number of ballots*	Tỷ lệ (%) *Pct. (%)*
Tổng số phiếu biểu quyết ***Total number of ballots***	Tổng số phiếu biểu quyết *Total number of ballots*	180.500.000/ 180,500,000	100%
	Số phiếu tham gia biểu quyết *Number of ballots casted*	96.763.523/ 96,763,523	53,61%/ 53.61%
	Hợp lệ *Valid*	96.763.523/ 96,763,523	100%
	Không hợp lệ *Void*	0	0%
Biểu quyết ***Vote***	Tán thành/ Đồng ý *For/ Agree*	96.189.923/ 96,189,923	53,29%/ 53.29%
	Không tán thành/ Không đồng ý *Against/ Disagree*	0	0%
	Không có ý kiến *No opinion*	573.600/ 573,600	0,32%/ 0.32%
Kết quả ***Result***		**đã thông qua** ***approved***	

7.28 Sửa đổi Địa chỉ của Công ty quản lý quỹ tại Phụ lục 1 (CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ)
Amendment to the address of the Fund Management Company in Appendix 1 (Undertakings of the Fund Management Company)

Đại hội Nhà đầu tư đã thông qua Sửa đổi Địa chỉ của Công ty quản lý quỹ tại Phụ lục 1 (CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ), với nội dung chi tiết được thể hiện tại Tài liệu Đại Hội đính kèm theo Biên Bản này, với tỷ lệ biểu quyết như sau:
The General Meeting of Investors approved the Amendment to the address of the Fund Management Company in Appendix 1 (Undertakings of the Fund Management Company), with details stated in the Meeting Material attached herewith, with the voting results as follows:

		Số phiếu biểu quyết *Number of ballots*	Tỷ lệ (%) *Pct. (%)*
Tổng số phiếu biểu quyết ***Total number of ballots***	Tổng số phiếu biểu quyết *Total number of ballots*	180.500.000/ 180,500,000	100%
	Số phiếu tham gia biểu quyết *Number of ballots casted*	96.763.523/ 96,763,523	53,61%/ 53.61%
	Hợp lệ *Valid*	96.763.523/ 96,763,523	100%
	Không hợp lệ *Void*	0	0%
Biểu quyết ***Vote***	Tán thành/ Đồng ý *For/ Agree*	96.763.523/ 96,763,523	53,61%/ 53.61%
	Không tán thành/ Không đồng ý *Against/ Disagree*	0	0%
	Không có ý kiến *No opinion*	0	0%
Kết quả ***Result***		**đã thông qua** ***approved***	

7.29 Sửa đổi Mục 4 Phụ lục 3 (CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT)

Amendment to Section 4 of Appendix 3 (Joint Undertakings of the Fund Management Company and the Supervisory Bank)

Đại hội Nhà đầu tư đã thông qua Sửa đổi Mục 4 Phụ lục 3 (CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT), với nội dung chi tiết được thể hiện tại Tài liệu Đại Hội đính kèm theo Biên Bản này, với tỷ lệ biểu quyết như sau:

The General Meeting of Investors approved the Amendment to Section 4 of Appendix 3 (Joint Undertakings of the Fund Management Company and the Supervisory Bank), with details stated in the Meeting Material attached herewith, with the voting results as follows:

		Số phiếu biểu quyết ***Number of ballots***	**Tỷ lệ (%)** ***Pct. (%)***
Tổng số phiếu biểu quyết ***Total number of ballots***	Tổng số phiếu biểu quyết *Total number of ballots*	180.500.000/ 180,500,000	100%
	Số phiếu tham gia biểu quyết *Number of ballots casted*	96.763.523/ 96,763,523	53,61%/ 53.61%
	Hợp lệ *Valid*	96.763.523/ 96,763,523	100%
	Không hợp lệ *Void*	0	0%
Biểu quyết ***Vote***	Tán thành/ Đồng ý *For/ Agree*	96.763.523/ 96,763,523	53,61%/ 53.61%
	Không tán thành/ Không đồng ý *Against/ Disagree*	0	0%
	Không có ý kiến *No opinion*	0	0%
Kết quả ***Result***		**đã thông qua** ***approved***	

Biên bản kiểm phiếu này được lập vào thời điểm việc kiểm phiếu kết thúc, vào lúc 17 giờ 00 phút, ngày 23 tháng 4 năm 2026. Nội dung biên bản kiểm phiếu đã được các thành viên tham gia việc kiểm phiếu thông qua.

This Vote-counting Minutes was made at the time of completion of vote counting, at 17:00, 23 April 2026. Attendees of the vote-counting session adopted this Minutes.

[chữ ký ở trang tiếp theo]

[signature page follows]

Trưởng Ban kiểm phiếu
Head of Counting Commitee

Lê Hoàng Anh
Le Hoang Anh

Quyền Giám đốc Nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư Công ty DCVFM
Acting Director Investment Service Department of DCVFM

Thành viên Ban kiểm phiếu
Member of Counting Commitee

Nguyễn Xuân Phát

Giám sát kiểm phiếu
Vote-counting Supervisor

Bà Nguyễn Bội Hồng Lê

Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ
Chairperson of the Board of Representatives

DRAGON CAPITAL

E1VFVN30

DCVFMVN30
ETF

QUỸ ETF DCVFM VN30

TÀI LIỆU ĐẠI HỘI

MEETING MATERIALS

Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên Năm Tài Chính 2025

The Annual General Meeting of Investors for the Fiscal Year 2025

Bản gốc của tài liệu này được lập bằng tiếng Việt và được dịch sang tiếng Anh chỉ với mục đích tham khảo. Trong trường hợp có bất kỳ khác biệt nào giữa nội dung bằng tiếng Việt và nội dung tiếng Anh, nội dung bằng tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

This document was originally made in Vietnamese and translated to English for information purposes only. In case there is any discrepancy between contents in Vietnamese and English, the Vietnamese contents will prevail.

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2025

ANNUAL GENERAL MEETING OF INVESTORS FOR THE FISCAL YEAR 2025

A. Thời gian tổ chức

Meeting Schedule

Hình thức tổ chức *Method of organization*	:	Lấy ý kiến bằng văn bản *Collection of written opinions*
Thời gian gửi thư xin ý kiến *Date of sending voting slip*	:	26/03/2026 *March 26, 2026*
Thời gian nhà đầu tư gửi lại ý kiến *Deadline for submission of voting slip*	:	từ 26/03/2026 đến 22/04/2026 *From March 26, 2026, to April 22, 2026*
Thời gian tổng hợp ý kiến *Voting consolidation period*	:	từ 23/04/2026 đến 24/04/2026 *From April 23, 2026, to April 24, 2026*
Địa điểm nhận thư *Mailing Address*		Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Dragon Capital Việt Nam (DCVFM) Tầng 15, Toà nhà Melinh Point, số 2 Ngô Đức Kế, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam *Dragon Capital Vietfund Management Joint Stock Company (DCVFM)* *15th Floor, Melinh Point Tower, No. 2 Ngo Duc Ke Street, Saigon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam*

B. Các nội dung lấy ý kiến bằng văn bản

Voting matters

- Báo cáo kết quả hoạt động Quỹ năm 2025;
  Fund's 2025 performance report;
- Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán của Quỹ;
  Fund's audited financial statements for 2025;
- Phương án phân chia lợi nhuận năm 2025 của Quỹ;
  2025 profit distribution plan;
- Kế hoạch hoạt động của Quỹ năm 2026;
  Fund's 2026 business plan;
- Lựa chọn công ty kiểm toán cho Quỹ năm 2026;
  Selection of the auditing firm for the Fund in 2026;
- Tổng ngân sách của Ban đại diện Quỹ trong năm 2026;
  Total budget of the Board of Representatives for 2026;
- Điều chỉnh, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ;
  Amendments and supplements to the Fund's Charter;
- Các nội dung khác (nếu có).
  Other matters (if any).

C. Tài liệu Đại hội

Meeting Materials

Tài liệu đại hội được đăng tải trên trang thông tin điện tử của DCVFM tại địa chỉ www.dragoncapital.com.vn.

The meeting materials are available on DCVFM's official website at www.dragoncapital.com.vn.

A. CÁC BÁO CÁO
REPORTS

I. Báo cáo tổng kết của Ngân hàng giám sát năm 2025
2025 Supervisory Bank Summary Report

PUBLIC

standard chartered

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Liberty – Happiness
----------***----------

Hà Nội, ngày tháng năm 2026
Hanoi, 2026

BÁO CÁO GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ HOÁN ĐỔI DANH MỤC
QUỸ ETF DCVFMVN30 ("DCVFMVN30") NĂM 2025
SUPERVISORY REPORT FOR EXCHANGE TRADED FUND
DCVFMVN30 ETF ("DCVFMVN30") YEAR 2025

Kính gửi/*To*: **- Đại hội Nhà Đầu tư ETF DCVFMVN30/ *The General Meeting of Investors of DCVFMVN30 ETF***

- Ban Đại diện Quỹ/ *The Board of Representatives*
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam ("DCVFM")/ *Dragon Capital Vietfund Management Joint Stock Company ("DCVFM")*

Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) ("SC") xin báo cáo đến Đại hội Nhà Đầu tư về việc cung cấp dịch vụ lưu ký và giám sát đối với Quỹ như sau:

Standard Chartered Bank (Vietnam) Ltd ("SC") would like to report to the General Meeting of Investors regarding our provision of custody and supervisory services to the Fund as follows:

1. Tóm tắt các thông tin chung về Quỹ/ *General information of the Fund*

Tên quỹ/ *Fund name*	:	Quỹ ETF DCVFMVN30/ *DCVFMVN30 ETF*
Giấy chứng nhận đăng ký số/ *Fund license*	:	Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ đầu tư chứng khoán số 14/GCN-UBCK được cấp bởi UBCKNN ngày 18 tháng 09 năm 2014 và các giấy Chứng Nhận điều chỉnh (như được sửa đổi vào từng thời điểm) *The Establishment Registration Certificate of Public fund No. 14/GCN-UBCK issued by State Securities Commission dated 18th September 2014 and the amended certificates (as amended from time to time)*
Trụ sở chính/ *Head office*	:	Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam *15th Floor, Me Linh Point Building, 02 Ngo Duc Ke Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam*

Dựa theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Quỹ, tình hình biến động vốn của Quỹ kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

According to the audited report of the Fund, the movements in Funds' equity from 01st January 2025 to 31st December 2025 were as follows:

	Đơn vị Unit	31/12/2024	Phát sinh trong kỳ Incurred during the year	31/12/2025
Vốn góp phát hành **Capital issued**				
Số lượng CCQ (1) Number of fund units	CCQ	1.487.400.000,00	31.300.000,00	1.518.700.000,00
Giá trị ghi theo mệnh giá (2) Subscribed capital at face value	VND	14.874.000.000.000	313.000.000.000	15.187.000.000.000
Thặng dư vốn góp phát hành (3) Share premium	VND	10.947.856.358.823	603.669.827.866	11.551.526.186.689
Tổng giá trị phát hành CCQ (4) = (2) + (3) **Total capital issued**	**VND**	**25.821.856.358.823**	**916.669.827.866**	**26.738.526.186.689**
Vốn góp mua lại **Capital redeemed**				
Số lượng CCQ (5) Number of fund units	CCQ	(1.199.300.000,00)	(134.500.000,00)	(1.333.800.000,00)
Giá trị ghi theo mệnh giá (6) Redeemed capital at face value	VND	(11.993.000.000.000)	(1.345.000.000.000)	(13.338.000.000.000)
Thặng dư vốn góp mua lại (7) Share premium	VND	(10.976.896.995.969)	(2.296.888.632.848)	(13.273.785.628.817)
Tổng giá trị mua lại CCQ (8) = (6) + (7) **Total capital redeemed**	**VND**	**(22.969.896.995.969)**	**(3.641.888.632.848)**	**(26.611.785.628.817)**
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành (9) = (1) + (5) **Number of outstanding fund units**	**CCQ**	**288.100.000,00**	**(103.200.000,00)**	**184.900.000,00**
Giá trị vốn góp của Nhà đầu tư theo mệnh giá (10) = (2) + (6) **Contributed capital**	**VND**	**2.881.000.000.000**	**(1.032.000.000.000)**	**1.849.000.000.000**
Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư (11) = (3) + (7) **/ Share premium of investor**	**VND**	**(29.040.637.146)**	**(1.693.218.804.982)**	**(1.722.259.442.128)**
Lợi nhuận chưa phân phối (12) **Retained earnings**	**VND**	**3.919.333.940.688**	**2.583.837.510.259**	**6.503.171.450.947**
NAV hiện hành (13) = (10) + (11) + (12) **NAV**	**VND**	**6.771.293.303.542**		**6.629.912.008.819**
NAV hiện hành/1 chứng chỉ quỹ (14) = (13)/(9) **NAV per unit**	**VND/CCQ**	**23.503,27**		**35.856,74**

Về chi tiết các thông tin tài chính của Quỹ, xin vui lòng tham khảo trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

For detailed of financial information of the Fund, please refer to the Audited Financial Statements of the Fund.

standard chartered

2. Báo cáo về việc giám sát hoạt động quản lý Quỹ của DCVFM đối với Quỹ ETF DCVFMVN30 ("DCVFMVN30")/ *Report on DCVFM in operation of DCVFMVN30 ETF ("DCVFMVN30")*

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, DCVFM đã thực hiện đầy đủ việc lập báo cáo định kỳ theo quy định, cung cấp cho Ngân hàng giám sát ("NHGS") các chứng từ liên quan đến các giao dịch tài sản mà Quỹ đã thực hiện.

From 01st January 2025 to 31st December 2025, DCVFM had fulfilled all responsibilities in preparation of reports as required by regulations, as well as provided all supporting documents relating to the Fund's transactions during the period to the Supervisory Bank.

Trong quá trình thực hiện các quyền và nghĩa vụ của NHGS đối với Quỹ DCVFMVN30, SC ghi nhận một số vấn đề sau:

As the Supervisory Bank of DCVFMVN30, we recognized the following events:

2.1. Cuộc họp Ban Đại Diện của Quỹ theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ/ *Board of Representative's ("BOR") Meetings in accordance with the notice of DCVFM*

Căn cứ theo Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và Điều 29, Điều lệ Quỹ quy định Ban Đại diện quỹ phải họp ít nhất mỗi quý một lần để thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường.

According to Circular 98/2020/TT-BTC dated 16th November 2020 of the Ministry of Finance providing guidance on operation and management of securities investment funds and Article 29-Fund Charter regulate that the BOR's meeting must be held at least on quarterly basis to discuss and make decision on matters within their authorities, extraordinary meetings may be held (if necessary).

Trong năm 2025, DCVFM đã tổ chức 04 cuộc họp định kỳ hàng quý của Ban Đại diện Quỹ thông qua hình thức bằng văn bản, theo đó Ban Đại diện Quỹ đã thông qua các nội dung sau:

In 2025, DCVFM held 04 quarterly meetings of the BOR via written form, accordingly, BOR members approved the following items:

(i) ***Các nội dung được thông qua tại các cuộc họp định kỳ hàng quý/ Contents approved in quarterly BOR meetings:***

- Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động Quỹ theo từng quý
  Approval on Reports of the Fund's operation results on each quarter;
- Thông qua Báo cáo kế hoạch hoạt động Quỹ theo từng quý
  Approval on Reports of the Fund's operation plan on each quarter;
- Thông qua Báo cáo công tác quản trị rủi ro theo từng quý
  Approval on Reports of the Fund's risk management on each quarter

standard chartered

(ii) ***Các nội dung khác được thông qua tại các cuộc họp/ Other contents approved in each BOR meeting:***

Cuộc họp/ *BOR meeting*	Nội dung/ *Content*
Quý IV năm 2024/ *Quarter IV/2024*	- Thông qua Chỉnh sửa tài liệu hướng dẫn Chiến lược – Chính sách Quản trị rủi ro Quỹ *Approval on the update of the guidance document -risk management policy* - Thông qua Báo cáo chi phí hoạt động Ban Đại diện Quỹ năm 2024 và Ngân sách cho năm 2025 *Approval on BOR's operating expenses in 2024 and budget in 2025* - Thông qua Đại hội thường niên năm tài chính 2024 *Approval on the Annual General Meeting for fiscal year 2024*
Quý I năm 2025/ *Quarter I/2025*	- Thông qua cập nhật chính sách quản trị rủi ro năm 2025 *Approval on the update of the risk management policy in 2025* - Thông qua lựa chọn công ty KPMG để thực hiện kiểm toán cho Quỹ năm 2025 *Approval on the appointment of KPMG as the external auditor of the Fund for 2025*
Quý II năm 2025/ *Quarter II/2025*	- Thông qua Cập nhật Cơ chế giao dịch thỏa thuận *Approval on the Update of the put-through method trading Mechanism*

2.2 Hoạt động đầu tư và giao dịch tài sản của quỹ/ *Invesment activities and asset transactions of the Fund*

Xin vui lòng xem chi tiết hoạt động đầu tư và giao dịch tài sản của quỹ đã được đề cập trong "Báo cáo của Ngân hàng giám sát" được đính kèm Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2025 của Quỹ DCVFMVN30.

For the details of the Fund's investment activities and asset transactions, please refer to "The Supervisory Bank's Report" as an integral part of DCVFMVN30's Audited Financial Statements for the year of 2025.

3. Báo cáo về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát/ *Implementation of rights and obligations of Supervisory Bank*

Với tư cách là Ngân hàng giám sát của Quỹ DCVFMVN30, SC đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ trong việc cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán, dịch vụ quản lý tài sản, giám sát việc đăng ký đối với tài sản của Quỹ DCVFMVN30, thể hiện trên một số nội dung như sau:

Appointed as the Supervisory Bank of DCVFMVN30, the Bank had fulfilled our responsibilities in custody, asset management and registration monitoring for the assets of DCVFMVN30, details were as below:

- Thực hiện việc quản lý và lưu ký, tách biệt các tài sản của Quỹ với các tài sản của các khách hàng khác của ngân hàng lưu ký/ ngân hàng giám sát;

  Separately managed and deposited the Fund's assets from assets of other clients of the custodian bank/supervisory bank;

standard chartered

- Thực hiện đúng, đầy đủ và kịp thời theo lệnh và chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ đối với các giao dịch của Quỹ;

  Exactly, fully and promptly complied with lawful orders and directions of the Fund Management Company related to the Fund's transactions;

- Thực hiện kiểm tra và xác nhận đối với các báo cáo về tài sản của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ lập, bảo đảm khối lượng tài sản trong báo cáo là đúng, đầy đủ, chính xác với thực trạng tài sản lưu ký tại ngân hàng;

  Certified reports on the Fund assets made by the Fund Management Company and ensured that the reported assets were accurate, adequate and corresponded to those deposited at the bank;

- Giám sát tính tuân thủ pháp luật và Điều lệ Quỹ trong hoạt động quản lý quỹ của Công ty Quản lý Quỹ với sự cẩn trọng và chuyên nghiệp.

  Supervised compliance check on fund transactions carried out by the Fund Management Company for ensuring the compliance with the Fund Charter and applicable laws and regulations with due care and diligence.

Báo Cáo Giám Sát hoạt động Quỹ mở được dựa trên các thông tin, tài liệu và dữ liệu được cung cấp bởi Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo này không bao gồm các vấn đề và các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của Ngân hàng giám sát do các thông tin bị che giấu hoặc được cung cấp không chính xác bởi Công ty Quản lý Quỹ.

The Supervisory Report on the operations of the Fund is based on the information, documents and data (hereby referred to as "information") provided by Fund Management Company to the Supervisory Bank. This report does not include the issues and events which are not in the knowledge of the Supervisory Bank due to the unfaithful information or concealment/deceit of the Fund Management Company.

Trân trọng thông báo./.

Sincerely./.

Đại diện Ngân hàng giám sát

Supervisory Bank's Representatives

M.S.D.N: 0103... NGÂN HÀNG TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN STANDARD CHARTERED (VIỆT NAM) C.T.T.N.H.H

Nguyễn Thuỳ Linh

Phó phòng Dịch vụ Nghiệp vụ Giám sát Quỹ

Senior Manager, Supervisory Services Operations

II. Báo cáo hoạt động của Ban đại diện Quỹ năm 2025
2025 Board of Representatives activity report

DRAGON CAPITAL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

----------***----------

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2026
Ho Chi Minh City, March 26, 2026

Kính gửi : - **Đại hội Nhà Đầu tư Quỹ ETF DCVFM VN30**
To ***The Annual General Meeting of Investors of DCVFM VN30 ETF***
- **Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM)**
Dragon Capital Vietfund Management JSC (DCVFM)

1. Giới thiệu Ban đại diện Quỹ/ *Introduction of the Fund's Board of Representative*

Bà Nguyễn Bội Hồng Lê	:	Chủ tịch, Thành viên độc lập
Mrs Nguyen Boi Hong Le		*Chair, Independent Member*
Bà Lê Thị Thu Hương	:	Thành viên độc lập
Mrs Le Thi Thu Huong		*Independent Member*
Bà Phạm Thị Thanh Thuý	:	Thành viên
Mrs Pham Thi Thanh Thuy		*Member*

2. Báo cáo kết quả hoạt động năm 2025/ *2025 Activities Report*

Theo đúng quy định để thực hiện trách nhiệm và quyền hạn của mình, trong năm 2025, Ban Đại Diện đã tham gia và thực hiện bốn cuộc họp dưới hình thức bằng văn bản để thông qua các nội dung chính sau:

In accordance with regulations and in the exercise of its responsibilities and authority, the Board of Representatives held four (04) meetings in 2025 in the form of written resolutions to approve the following key matters:

- Báo cáo kết quả hoạt động Quỹ theo từng quý;
  Report on the Fund's performance results by quarter;
- Kế hoạch hoạt động Quỹ theo từng quý;
  Plan of the Fund's activities by quarter;
- Báo cáo công tác quản trị rủi ro Quỹ theo từng quý;
  Report on the Fund's risk management activities by quarter;
- Nghĩa vụ công bố thông tin của Ban đại diện và Người có liên quan của Ban đại diện;
  Information disclosure obligations of the Board of Representatives and their related persons;
- Lựa chọn công ty kiểm toán cho quỹ cho năm tài chính 2025;

DRAGON CAPITAL VIETFUND MANAGEMENT

Selection of the Fund's auditor for the fiscal year 2025;

- Cập nhật Cơ chế giao dịch thỏa thuận;

  Update of the trading mechanism;

- Kế hoạch tổ chức Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2025;

  Plan for organizing the Annual General Meeting of Investors for the fiscal year 2025;

- Báo cáo chi phí hoạt động Ban đại diện năm 2025 và đề xuất ngân sách hoạt động Ban đại diện năm 2026;

  Report on the operating expenses of the Board of Representatives in 2025 and proposal for the 2026 budget;

- Dự thảo quy chế biểu quyết tại Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2025; và

  Draft voting regulations for the Annual General Meeting of Investors for the fiscal year 2025; and

- Các nội dung khác phục vụ cho công tác hoạt động của Quỹ.

  Other matters related to the Fund's operations.

Đại diện Ban đại diện Quỹ

On behalf of the Board of Representatives

NGUYỄN BỘI HỒNG LỄ

Chủ tịch Ban đại diện Quỹ

Chair of Board of Representatives

B. CÁC NỘI DUNG TRÌNH ĐẠI HỘI BIỂU QUYẾT

PROPOSALS FOR VOTING AT THE AGM

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM) kính trình Đại hội Nhà đầu tư thường niên Quỹ ETF DCVFM VN30 (E1VFVN30) các nội dung cần biểu quyết thông qua tại Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm Tài chính 2025 như sau:

Dragon Capital Vietfund Joint Stock Company (DCVFM) respectfully submits the following matters for approval at the Annual General Meeting of Investors for the Fiscal Year 2025 of the DCVFMVN30 ETF (E1VFVN30):

I. Báo cáo kết quả hoạt động Quỹ năm 2025

Fund's 2025 performance report

Tăng trưởng của Quỹ so với chỉ số tham chiếu
Performance of ETF and benchmark:

	Giá trị tại ngày / *Value as of* 31/12/2025	Tăng trưởng trung bình năm / *Average Annual Total Return* (%)	
		Năm / *Year* 2024	Từ khi thành lập / *Since Inception* (14/8/2014)
Giá trị tài sản ròng/chứng chỉ quỹ / *NAV/Unit*	35.856,74	52,6	11,9
Chỉ số tổng thu nhập VN30 / *VN30-Total Return Index*	2.449,83	53,8	12,6
Chỉ số VN30 – Chỉ số giá / *VN30- Price Index*	2.030,63	51,0	10,5

- Kết thúc ngày 31/12/2025, giá trị tài sản ròng/chứng chỉ quỹ của Quỹ ETF DCVFMVN30 đạt 35.856,74 đồng, tăng 52,6% so với giá trị đầu năm trong khi chỉ số tổng thu nhập VN30 có mức tăng cùng kỳ 53,8%. Tính từ khi thành lập, quỹ đạt mức tăng trưởng trung bình năm là 11,9% và chỉ số tổng thu nhập VN30 tăng trưởng 12,6% tương ứng.

  At December 31, 2025, the DCVFMVN30 ETF's net asset value per share was VND35,856.74, gained 52.6% this year whilst the return of VN30 Total Return Index (VN30-TRI) was 53.8%. Since inception, average annual total return of the ETF and the index is 11.9% and 12.6% respectively.

Biểu đồ thể hiện kết quả đầu tư của Quỹ so với chỉ số tham chiếu trong năm
Performance chart

- Mức sai lệch (Tracking Error) giữa Quỹ và chỉ số tổng thu nhập VN30 ở mức thấp 0,36%. Mức chênh lệch về tăng trưởng của Quỹ và chỉ số tổng thu nhập VN30 là -1,2%.

Tracking Difference between DCVFMVN30 ETF and VN30-TRI was -1.2% and Tracking Error was 0.36%.

- Năm 2025, Quỹ ETF DCVFMVN30 đã thực hiện việc cơ cấu danh mục đầu tư 4 lần ở mỗi Quý. Tổng giá trị mua và giá trị bán cho việc tái cơ cấu danh mục trong năm chiếm khoảng 141,9% tổng giá trị danh mục.

  DCVFMVN30 ETF portfolio rebalanced quarterly in a year, with turnover ratio of 141.9% of average portfolio value.

Biến động tổng giá trị tài sản ròng (NAV) và số lượng chứng chỉ quỹ của Quỹ
***NAV and outstanding shares chart*:**

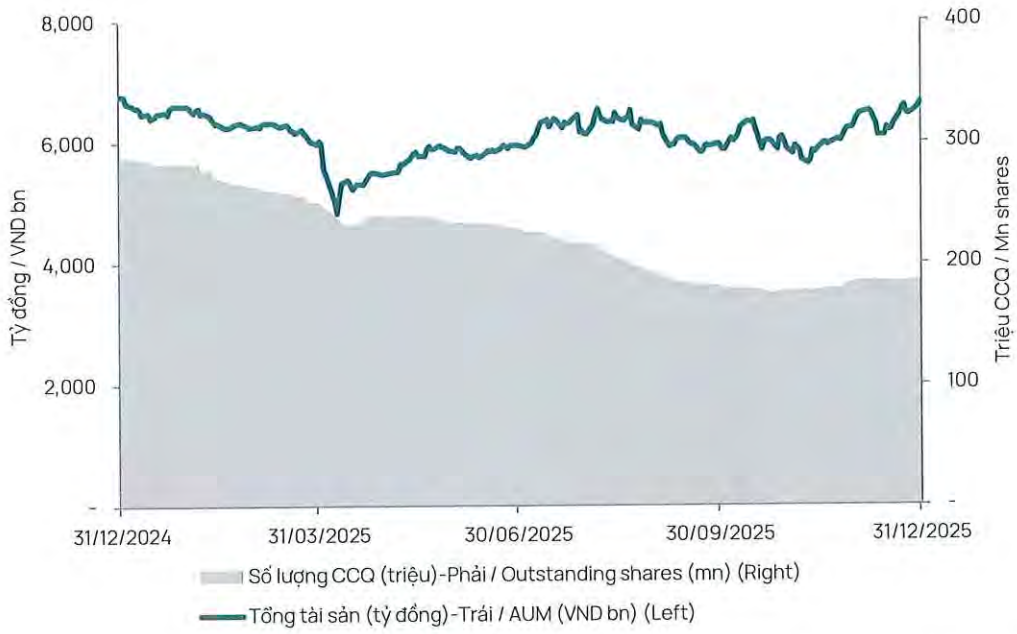

- Trong năm 2025, Quỹ ETF DCVFMVN30 bị rút vốn ròng 2.747,6 tỷ đồng. Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày 31/12/2025 là 184,9 triệu, giảm 103,2 triệu chứng chỉ so với cùng kỳ năm trước.

  In 2025, DCVFMVN30 ETF was redeemed VND2,747.6 billion net value. Total outstanding share as of 31/12/2025 was 184.9 million, decreased 103.2 million shares compared to last year. Net asset value of the fund by the end of 2025 was VND6,629.9 billion, declined 2.1% compared

- Giá trị tài sản ròng của Quỹ cuối năm 2025 đạt 6.629,9 tỷ đồng, giảm 2,1% so với cuối năm 2024. Sự sụt giảm về giá trị tài sản ròng của Quỹ đến từ việc rút vốn của nhà đầu tư trong năm.

  Net asset value of the fund by the end of 2025 was VND6,629.9 billion, declined 2.1% compared to 2024, due to net redemption from investors.

Biểu đồ phân bổ danh mục đầu tư của Quỹ theo ngành
Sector allocation:

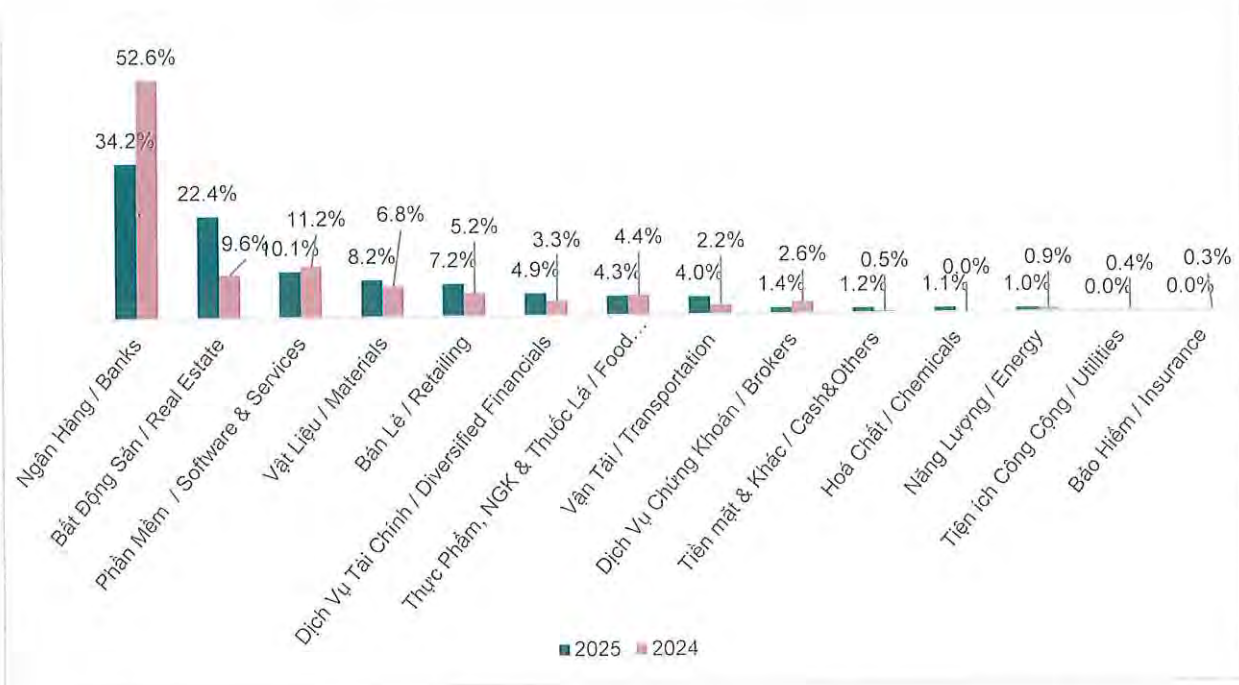

- Kết thúc ngày 31/12/2025, ngành Ngân hàng có tỷ trọng lớn nhất với 34,2%, xếp theo sau lần lượt là ngành Bất Động Sản với 22,4%, ngành Phần Mềm & Dịch Vụ Phần Mềm với 10,1%, ngành Vật liệu với 8,2%, ngành Bán lẻ với 7,2%, và các ngành còn lại đều có tỷ trọng thấp dưới 5%.

  At the end of 2025, Banking sector had the highest weight with 34.2%, followed by, Real Estate 22.4%, Software & Services 10.1%, Materials 8.2%, Retailing 7.2%. Other sectors accounted for less than 5% of NAV.

- So với cuối năm 2024, ngành Bất Động Sản có mức tăng tỷ trọng lớn nhất là 12,8% sau đó là ngành Bán Lẻ với mức tăng 2,0%. Ở chiều ngược lại, ngành Ngân Hàng giảm tỷ trọng 18,3% và ngành Dịch Vụ Chứng Khoán giảm 1,2%

  In comparison to 2024, Real Estate gained the most weight with 12.8% whilst Retailing gained 2.0%. On the other hand, Banks reduced 18.3% and Brokers decreased 1.2%.

Bảng thống kê đặc tính của Quỹ qua các năm / Portfolio characteristics:

	2023	2024	2025
Số chứng chỉ quỹ hiện hành (triệu CCQ) / *Number of fund units (billion)*	386,8	288,1	184,9
Giá trị tài sản ròng (NAV) (tỷ đồng) / *Net Asset Value (NAV) (VND billion)*	7.549,8	6.771,3	6.629,9
Giá trị tài sản ròng/chứng chỉ quỹ (đồng) / *Net Asset Value/unit (VND)*	19.518,7	23.503,3	35.856,7
Tăng trưởng so với đầu năm / *Year-to-date growth* (%)			
Giá trị tài sản ròng/chứng chỉ quỹ / Net Asset Value/Unit	13,9	20,4	52,6
Chỉ số tổng thu nhập VN30 / VN30 Total Return Index	14,8	21,4	53,8
Chỉ số giá VN30 / VN30 Index	12,6	18,9	51,0
Chi phí bình quân năm / *Total Expense Ratio* (%)	0,82	0,81	0,81
Mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu / *Tracking Error* (%)	0,12	0,04	0,36
Tốc độ vòng quay danh mục đầu tư / *Turnover Rate* (%)	53,1	28,9	141,9
Đặc trưng rủi ro của danh mục / *Risk Ratios*			
Chỉ số Beta (so với VN-Index) / Beta (versus VN-Index)	1,1	1,0	1,0

Độ biến động trung bình năm / Standard Deviation (%)	18,2	20,0	19,1
Mức giảm tối đa từ đỉnh trong năm / Maximum Drawdown (%)	17,6	8,3	16,2
Chỉ số cơ bản của danh mục / *Portfolio Characteristics*			
Số lượng cổ phiếu / Number of Stocks	30	30	30
Tỷ suất lợi nhuận cổ tức / Dividend Yield (%)	2,1	2,0	1,6
Chỉ số P/E / Price/Earnings Ratio	11,0	10,9	15,4
Chỉ số P/B / Price/Book Ratio	1,6	1,6	2,4

II. Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán của Quỹ

Fund's audited financial statements for 2025

Quý Nhà đầu tư vui lòng xem Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán trên trang thông tin điện tử của DCVFM tại đường dẫn www.dragoncapital.com.vn.

Kindly refer to the audited Financial Statements for the year 2025 available on DCVFM's website at www.dragoncapital.com.vn.

III. Phương án phân chia lợi nhuận năm 2025 của Quỹ

2025 profit distribution plan

Theo Điều lệ của Quỹ ETF DCVFMVN30

According to DCVFMVN30 ETF Charter:

- Để hạn chế tối đa chi phí phát sinh và không ảnh hưởng đến mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu, Quỹ ETF DCVFMVN30 sẽ không phân phối lợi nhuận.

  The objective of DCVFMVN30 ETF is to replicate the performance of VN30 Total Return Index as closest as possible. Therefore, the fund will not pay dividend.

- Toàn bộ lợi nhuận của Quỹ phát sinh trong quá trình hoạt động sẽ được tích lũy tái đầu tư để làm gia tăng giá trị tài sản ròng của Quỹ.

  All profit from DCVFMVN30 ETF will be re-invest to increase net asset value.

IV. Kế hoạch hoạt động của Quỹ năm 2026

Fund's 2026 business plan

Để thực hiện mục tiêu của Quỹ ETF DCVFMVN30 là mô phỏng gần nhất có thể về biến động của chỉ số tham chiếu, Quỹ ETF DCVFMVN30 sẽ tiếp tục tập trung những điểm chính như sau:

To achieve the objective of the DCVFMVN30 ETF Fund is to replicate the performance of the Benchmark Index as closest as possible; DCVFMVN30 ETF will focus on the main points as follow:

- Theo dõi và cập nhật diễn biến về giá trị giao dịch, sự kiện doanh nghiệp các cổ phiếu cấu thành nên chỉ số tham chiếu để có những điều chỉnh tỷ trọng danh mục đầu tư bám sát tỷ trọng danh mục chỉ số.

  Monitor and update the volume and corporate action events of constituents in Benchmark Index to adjust the proportion of the portfolio closely the proportion of the Benchmark Index.

- Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến mức sai lệch giữa Quỹ và chỉ số tham chiếu (nếu có) để có giải pháp quản lý danh mục mô phỏng đạt hiệu quả.

  Analyze the factors affecting the tracking error between the Fund and the Benchmark Index (if any) to have portfolio management solutions effectively.

- Nghiên cứu các chiến lược quản lý danh mục hiệu quả khi chỉ số tham chiếu thay đổi định kỳ.

  Research rebalancing strategies to adjust the proportion of the portfolio when Benchmark Index changes its constituents.

V. Lựa chọn công ty kiểm toán cho Quỹ năm 2026

Selection of the auditing firm for the Fund in 2026

DCVFM đề xuất Nhà đầu tư thông qua lựa chọn Chi nhánh Công ty TNHH KPMG thực hiện kiểm toán cho Quỹ năm 2026.

DCVFM proposes that the Investors approve the appointment of KPMG Limited Branch as the auditor of the Fund for 2026.

Việc lựa chọn này dựa trên mức phí hợp lý, tính liên tục của kiểm toán, tính chuyên nghiệp cao và đáp ứng được các yêu cầu của Quỹ.

This appointment is based on the competitive and reasonable fee proposal, continuity and efficiency of the audit process, high level of professionalism and expertise and ability to meet the Fund's specific requirements.

VI. Tổng ngân sách của Ban đại diện Quỹ trong năm 2026

Total budget of the Board of Representatives for 2026

1. Báo cáo chi phí hoạt động Ban Đại Diện trong năm 2025:

Report on the operating expenses of the Board of Representatives in 2025:

STT *No.*	Loại chi phí *Expense Category*	Thực tế 2025 (VNĐ) *Actual 2025 (VND)*	Ngân sách 2025 (VNĐ) *Budget 2025 (VND)*	% tăng/ giảm *% Increase/ Decrease*
I	Thù lao *Remuneration*	117.000.000 *117,000,000*	117.000.000 *117,000,000*	0% *0%*
II	Chi phí đi lại và khách sạn *Travel and Accommodation Expenses*	0	Theo chi phí thực tế phát sinh *Based on actual expenses incurred*	

Thù lao của Ban Đại Diện năm 2025 được tính trên cơ cấu Ban Đại Diện gồm 1 Chủ tịch, 2 thành viên và 1 thư ký như sau:

The remuneration for the Board of Fund Representatives in 2025 was determined based on the board's structure, which consists of one Chairman, two members, and one Secretary, as follows:

- Chủ tịch Ban Đại Diện: 6 triệu đồng/tháng;
  Chairman: VND 6 million/month;
- Thành viên Ban Đại Diện: 3 triệu đồng/tháng; và
  Member: VND 3 million/month; and
- Thư ký Ban Đại Diện: 1 triệu đồng/tháng
  Secretary: VND 1 million/month

Thành viên hoặc Thư ký của Ban Đại Diện là nhân viên của DCVFM sẽ không nhận thù lao.

Members or the Secretary of the Board of Representatives who are employees of DCVFM shall not receive remuneration.

2. Ngân sách Thù lao Ban đại diện năm 2026:

Remuneration budget for the Board of Representatives in 2026:

Loại chi phí *Expense Category*	Ngân sách 2026 (VNĐ) *Budget 2026 (VND)*	Thực tế 2025 (VNĐ) *Actual 2025 (VND)*
Thù lao *Remuneration*	117.000.000 *117,000,000*	117.000.000 *117,000,000*

- Ngân sách Thù lao của Ban Đại diện năm 2026 nêu trên được tính dựa trên cơ cấu Ban Đại diện gồm 1 Chủ tịch, 2 thành viên và 1 thư ký với mức thù lao không thay đổi so với năm

2025. Thành viên hoặc Thư ký của Ban Đại Diện là nhân viên của DCVFM sẽ không nhận thù lao.

The remuneration budget for the Board of Representatives in 2026 is determined based on the board's structure, which consists of one Chairman, two members, and one Secretary, with the same remuneration rate as in 2025. Members or the Secretary of the Board of Representatives who are employees of DCVFM shall not receive remuneration.

- Trong trường hợp Ban Đại diện tăng số lượng thành viên, chi phí cho thành viên mới sẽ được tính dựa trên mức cấu thành chi phí tương tự.

  In the event of an increase in the number of board members, the remuneration for the new members shall be calculated based on the same fee structure.

3. Ngân sách chi phí hoạt động của Ban Đại Diện năm 2026:

   Operating expense budget for the Board of Representatives in 2026:

   Năm 2026, Ban Đại Diện Quỹ chủ yếu sẽ họp trực tuyến, họp bằng văn bản hoặc tại văn phòng DCVFM nên chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ sẽ không đáng kể. Do đó, DCVFM không đề xuất chi tiết ngân sách chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ và đề xuất ghi nhận phần chi phí này theo số thực tế phát sinh. Chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ theo số thực tế phát sinh (nếu có) sẽ được ghi nhận vào báo cáo Giá trị tài sản ròng của Quỹ, DCVFM sẽ báo cáo cho Ban Đại Diện Quỹ tại cuộc họp Quý 4 hàng năm và Đại hội Nhà đầu tư gần nhất sau đó.

   In 2026, the Board of Representatives will primarily hold meetings online, in writing, or at the DCVFM office; therefore, its operating expenses are expected to be minimal. As a result, DCVFM does not propose a detailed budget for the board's operating expenses and suggests recording these expenses based on actual incurred amounts. Any actual operating expenses (if any) will be reflected in the Fund's Net Asset Value report. DCVFM will report these expenses to the Board of Representatives at the fourth-quarter meeting each year and to the nearest subsequent Annual General Meeting of Investors.

VII. Đề xuất chỉnh sửa Điệu lệ Quỹ

Proposed Amendments To The Fund Charter

Vui lòng tham khảo Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Quỹ ETF DCVFMVN30 đính kèm.

Kindly refer to the attached Submission regarding the amendments and supplements to the Charter of DCVFMVN30 ETF Fund.

.....&.....

Kính trình Đại hội Nhà đầu tư phê duyệt.

Respectfully submitted for the approval of the Annual General Meeting of Investors.

C. QUY CHẾ BIỂU QUYẾT VÀ BẦU CỬ TẠI ĐẠI HỘI
REGULATIONS ON VOTING AND ELECTION AT THE ANNUAL GENERAL MEETING OF INVESTORS

1. Định nghĩa
Definitions

Trong quy chế này, các thuật ngữ viết hoa sẽ có nghĩa như được định nghĩa tại Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ, ngoại trừ:
In this document, capitalized terms shall have meanings attributed to them under the Fund Charter and Prospectus, except for:

Đại Hội là Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên năm tài chính 2025.
Meeting *means to the Annual General Meeting of Investor for fiscal year 2025.*

Ngày Cuối Cùng Nhận Ý Kiến Bằng Văn Bản là thời hạn cuối cùng để Nhà Đầu Tư gửi Phiếu Bầu (đối với việc bầu cử chức danh) hoặc Phiếu Biểu Quyết (đối với việc biểu quyết khác). Ngày Cuối Cùng Nhận Ý Kiến Bằng Văn Bản phải được nêu rõ trong Phiếu Lấy Ý Kiến.
Final Date for Receiving Written Opinion *means the final deadline for Investors to submit Ballot (for elections) or Voting Slip (for other voting matters). The Final Date for Receiving Written Opinion must be clearly stated in the Opinion Collection Form.*

Phiếu Bầu là tài liệu thực hiện quyền bầu cử của Nhà Đầu Tư, theo mẫu do Công Ty Quản Lý Quỹ cung cấp.
Ballot *means the document provided by the Fund Management Company to Investors to exercise their election right.*

Phiếu Biểu Quyết là tài liệu thực hiện quyền biểu quyết của Nhà Đầu Tư, theo mẫu do Công Ty Quản Lý Quỹ cung cấp.
Voting Slip *means the document provided by the Fund Management Company to Investors to exercise their voting right.*

Phiếu Lấy Ý Kiến là phiếu lấy ý kiến được Công Ty Quản Lý Quỹ gửi đến Nhà Đầu Tư để lấy ý kiến bằng phương thức biểu quyết hoặc bầu cử.
Opinion Collection Form *means the form provided by the Fund Management Company to Investors to collect their opinions through voting or election.*

2. Quy định chung
General Provisions

2.1. Nguyên tắc biểu quyết và bầu cử
Rules of Voting and Election

2.1.1. Đảm bảo tính chính xác, đúng luật, đúng Điều lệ Quỹ
Ensuring accuracy, legality, and compliance with the Fund's Charter.

2.1.2. Số Phiếu Biểu Quyết và Phiếu Bầu được tính theo số đơn vị quỹ có quyền biểu quyết mà Nhà Đầu Tư sở hữu hoặc đại diện sở hữu.
The number of Voting Slips and Ballots is determined based on the number of voting-eligible fund units owned or represented by the Investor.

2.1.3. Kết quả biểu quyết và bầu cử được tính trên tổng số đơn vị quỹ có quyền biểu quyết.
Voting and election results are calculated based on the total number of voting-eligible fund units.

2.1.4. Tiêu chuẩn và thủ tục lựa chọn, đề cử, ứng cử thành viên ban đại diện quỹ được quy định tại Điều lệ Quỹ.

The qualifications and procedures for selecting, nominating, and electing Fund Representative Board members are specified in the Fund's Charter.

2.2. Thời hạn gửi Phiếu Lấy Ý Kiến
Deadline for sending Opinion Collection Form

Công Ty Quản Lý Quỹ phải gửi Phiếu Lấy Ý Kiến đến địa chỉ đăng ký của Nhà Đầu Tư không chậm hơn 21 ngày trước Ngày Cuối Cùng Nhận Ý Kiến Bằng Văn Bản.
The Fund Management Company must send the Opinion Collection Form to the registered address of the Investor no later than 21 days prior to the Final Date for Receiving Written Opinion.

2.3. Phiếu Biểu Quyết, Phiếu Bầu hợp lệ về mặt hình thức
Valid Voting Slip and Ballot in form

Phiếu Biểu Quyết, Phiếu Bầu HỢP LỆ phải thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:
A VALID Voting Slip, VALID Ballot must satisfy all the following conditions:

2.3.1. Phiếu do Công ty quản lý quỹ gửi đến Nhà Đầu Tư;
Issued by the Fund Management Company to the Investor;

2.3.2. Phiếu không bị tẩy xóa, sữa chữa, thay đổi nội dung;
The slip must not show any visible sign of erasures, corrections, or alterations;

2.3.3. Phiếu được ký và đóng dấu (đối với tổ chức) bởi chủ sở hữu đơn vị quỹ hoặc người ủy quyền đã đăng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc người ủy quyền hợp lệ theo quy định của pháp luật; và
The slip must be signed and stamped (for organizations) by the unit owner or an authorized person registered with the Fund Management Company, or a legally authorized representative, and;

2.3.4. Phiếu được gửi về Công Ty Quản Lý Quỹ không muộn hơn 17 giờ 30 phút Ngày Cuối Cùng Nhận Ý Kiến Bằng Văn Bản tương ứng.
Sent to the Fund Management Company no later than 17:30 on the Final Date for Receiving Written Opinion.

2.4. Phiếu Biểu Quyết, Phiếu Bầu không hợp lệ về mặt hình thức
Valid Voting Slip and Ballot in form

Phiếu Biểu Quyết, Phiếu Bầu KHÔNG HỢP LỆ là Phiếu Biểu Quyết, Phiếu Bầu không thỏa mãn toàn bộ các điều kiện đã nêu tại Điều 2.3.
A Voting Slip or Ballot is deemed to be INVALID if it does not satisfy all the conditions set out in Section 2.3.

---

3. Biểu quyết
Voting

3.1. Mục đích và các vấn đề cần thông qua
Purpose and matters for voting

Phương thức biểu quyết áp dụng với:
Voting applies to:

- các vấn đề được Công ty quản lý quỹ đề xuất và cần được Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua;

matters proposed by the Fund Management Company and requiring an approval from the General Meeting of Investors;

- bầu chức danh của thành viên Ban Đại Diện Quỹ (ví dụ: Chủ tịch, Phó Chủ tịch);

election for position for member of the Fund Representative Board (e.g., Chairman, Vice Chairman);

- bầu thay thế/bổ sung 01 thành viên Ban Đại Diện Quỹ trong trường hợp miễn nhiệm thành viên đương nhiệm của Ban Đại Diện Quỹ.

election for a replacement/an addition of one member of Fund Representative Board in case of a dismissal of an incumbent member.

Phương thức biểu quyết không áp dụng đối với việc bầu cử thành viên vào Ban Đại Diện Quỹ theo quy định tại Điều 4.

Voting does not apply to the election for member of the Fund Representative Board according to Section 4.

3.2. Cách thức biểu quyết
Voting method

Nhà Đầu Tư đánh dấu (☑ hoặc ☒) vào **một trong ba** (⅓) lựa chọn dưới đây đối với mỗi vấn đề lấy ý kiến trong Phiếu Biểu Quyết.

*Investors mark (☑ or ☒) in **one out of three** (⅓) below options for each of the matter in the Voting Slip.*

Lựa chọn ***Choice***	**Ý nghĩa** ***Meaning***
Tán thành/Đồng ý ***For***	Nhà Đầu Tư đồng ý với nội dung đề xuất về vấn đề biểu quyết. *The Investor agrees with the proposed matter.*
Không tán thành/Không đồng ý ***Against***	Nhà Đầu Tư không đồng ý với nội dung đề xuất về vấn đề biểu quyết. *The Investor disagrees with the proposed matter.*
Không có ý kiến ***No opinion***	Nhà Đầu Tư không đưa ra ý kiến đối với vấn đề biểu quyết. *The Investor gives no opinion on the voting matter.* Trong trường hợp này, Nhà Đầu Tư được xem là không đưa ra ý kiến biểu quyết đối với vấn đề biểu quyết này. *In this case, the Investor is deemed to have abstained from giving opinion on the voting matter.*

3.3. Biểu quyết hợp lệ về nội dung
Valid vote in substance

Một vấn đề biểu quyết được xem là đã được Nhà Đầu Tư biểu quyết HỢP LỆ về nội dung khi Nhà Đầu Tư đánh dấu lựa chọn **duy nhất 01 lựa chọn** đối với vấn đề biểu quyết đó.

*A voting matter is deemed to be VALID in substance if the Investor marks **only one option** for that matter.*

3.4. Biểu quyết không hợp lệ về nội dung
Invalid vote in substance

Một vấn đề biểu quyết được xem là được biểu quyết KHÔNG HỢP LỆ về nội dung khi Nhà Đầu Tư (a) đánh dấu lựa chọn nhiều hơn 01 lựa chọn, hoặc (b) không đánh dấu bất kỳ lựa chọn nào đối với vấn đề biểu quyết đó.

A voting matter is deemed to be INVALID in substance if the Investor, for one voting matter, (a) marks more than one option, or (b) leaves all option unmarked.

3.5. Ghi nhận Phiếu Biểu Quyết
Counting Voting Slips

Khi tổng hợp kết quả biểu quyết:

For the purpose of determining the voting result:

3.5.1. Phiếu Biểu Quyết Hợp Lệ về hình thức (thỏa mãn các điều kiện quy định tại Điều 2.3) **và** HỢP LỆ nội dung (thỏa mãn các điều kiện quy định tại Điều 3.3) được tính là có tham gia biểu quyết.
*VALID Voting Slip in form (satisfying the conditions in Section 2.3) **and** VALID in substance (satisfied the conditions in Section 3.3) will be counted.*

3.5.2. Phiếu Biểu Quyết KHÔNG HỢP LỆ về hình thức **và/hoặc** KHÔNG HỢP LỆ nội dung sẽ không được tính là tham gia biểu quyết.
INVALID Voting Slip in form and/or INVALID in substance will not be counted.

3.6. Thông qua vấn đề biểu quyết
Adoption of the voting matter

Các vấn đề đưa ra biểu quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua khi có trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số Phiếu Biểu Quyết của tất cả Nhà Đầu Tư có quyền biểu quyết tán thành.
Matters put to a vote by the method of collecting written opinions are approved when more than fifty percent (50%) of the total Voting Ballots of all Investors with voting rights are in favor.

---

4. Bầu cử
Election

4.1. Mục đích và các vấn đề cần thông qua
Purpose and matters for election

Phương thức bầu cử áp dụng với việc bầu Thành Viên Ban Đại Diện Quỹ.
The election method is applied to electing Member of the Fund Representative Board.

4.2. Phương thức bầu cử
Election method

Việc bầu thành viên Ban Đại Diện Quỹ thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Cụ thể:
The cumulative voting method is used for election of members of the Fund Representative Board, in particular:

4.2.1. Mỗi Nhà Đầu Tư có tổng số Phiếu Bầu tương ứng với tổng số Đơn Vị Quỹ mà Nhà Đầu Tư đó sở hữu nhân với (×) tổng số thành viên được bầu của Ban Đại Diện Quỹ.
Each Investor has a total number of votes equal to the total of his/her number of fund units multiplied by the total number of members to be elected.

Ví dụ 1: Nhà Đầu Tư X sở hữu 1.000 Chứng Chỉ Quỹ và tổng số thành viên được bầu của Ban Đại Diện Quỹ là 03, Nhà Đầu Tư X sẽ có tổng số phiếu bầu được tính như sau:
Example 1: If Investor X owns 1,000 Fund Units and the total number of members of the Fund Representative Board to be elected is 03, the total number of Ballots of Investor X will be calculated as follows:

Số Phiếu Bầu *Ballots*	=	Số lượng CCQ *Number of fund units*	×	Số Thành viên được bầu *Number of Members to be elected*

= 1.000 × 3 = 3.000

4.2.2. Nhà Đầu Tư có quyền phân bổ tổng số Phiếu Bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
The Investor may allocate their votes to one candidate or a number of candidates.

Ví dụ 2: khi bầu cử 03 Thành Viên Ban Đại Diện Quỹ trên tổng số 03 ứng cử viên, Nhà Đầu Tư X có thể phân bổ số Phiếu Bầu của mình như sau:

Example 2: when electing 03 Member of the Fund Representative Board out of 03 candidates, Investor X may allocate their Ballots in the following ways:

	Ứng cử viên *Candidates*	Phiếu Bầu *Ballots*
Phương án (1): Bầu đều phiếu cho tổng số ứng cử viên được bầu (03 ứng cử viên) ***Option (1):*** *Equal-and-even splitting of ballots for the number of candidates to be elected (03 candidates)*	Ứng cử viên #1 *Candidate #1*	1.000
	Ứng cử viên #2 *Candidate #2*	1.000
	Ứng cử viên #3 *Candidate #3*	1.000
		3.000
Phương án (2): Bầu dồn phiếu cho 01 ứng cử viên. ***Option (2):*** *Lumping all ballots for a single candidate*	Ứng cử viên #1 *Candidate #1*	3.000
	Ứng cử viên #2 *Candidate #2*	0
	Ứng cử viên #3 *Candidate #3*	0
		3.000
Phương án (3): Phân bổ số Phiếu Bầu cho một số ứng cử viên. ***Option (3):*** *Spliting ballots for various candidates.*	Ứng cử viên #1 *Candidate #1*	2.000
	Ứng cử viên #2 *Candidate #2*	500
	Ứng cử viên #3 *Candidate #3*	500
		3.000

4.3. Cách thức điền Phiếu Bầu
Filling the Ballot

Phiếu Lấy Ý Kiến về bầu cử Thành Viên Ban Đại Diện do Công Ty Quản Lý Quỹ cung cấp cho Nhà Đầu Tư sẽ thể hiện 02 lựa chọn mặc định:
The Opinion Collection Form for electing Member of Fund Representative Board provided by the Fund Management Company to Investor will show two default choices:

Lựa chọn ***Option***	**Cách điền** ***How to elect***	**Ý nghĩa** ***Meaning***
Bầu đều phiếu ***Equal-and-even***	Nhà Đầu Tư đánh dấu (☑ hoặc ☒) vào lựa chọn "Bầu đều phiếu" và bỏ trống các ô còn lại. *Mark ☑ or ☒ in "Equal-and-even" and leave other boxes blank.*	Nhà Đầu Tư đồng ý phân bổ đều tổng số Phiếu Bầu của mình cho tổng số ứng cử viên được bầu — tương ứng với Phương án (1) trong Ví dụ 2 bên trên. *The Investor agrees to split their Ballots equally among all candidates — similar to Option (1) in the Example 2 above.*
Bầu lệch phiếu ***Splitting Ballots***	Nhà Đầu Tư bỏ trống lựa chọn "Bầu đều phiếu" và điền số Phiếu Bầu phân bổ cho tối thiểu 03 ứng cử viên.	Nhà Đầu Tư tự lựa chọn phân bổ số Phiếu Bầu của mình cho mỗi ứng cử viên — tượng ứng với Phương án (2) hoặc (3) trong Ví dụ 2 bên trên. *The Investor chooses to allocate their Ballots to each of the candidate —*

Leave "Equal-and-even" unmarked and allocate ballots to at least 03 candidates.	*similar to Option (2) or (3) in the Example 2 above.*

4.4. Phiếu Bầu hợp lệ về nội dung
Valid Ballot in substance

Việc bầu cử HỢP LỆ về nội dung khi:
An election is VALID in substance when

- Nhà Đầu Tư đánh dấu (☑ hoặc ☒) vào lựa chọn "Bầu đều phiếu" và bỏ trống các ô còn lại; hoặc

The Investor marks ☑ or ☒ in "Equal-and-even" and leaves remaining boxes blank; or

- Nhà Đầu Tư bỏ trống lựa chọn "Bầu đều phiếu" và điền số Phiếu Bầu phân bổ cho tối thiểu 03 ứng cử viên.

The Investor leaves "Equal-and-even" unmarked and allocates his/her votes to at least 03 candidates.

4.5. Biểu quyết không hợp lệ về nội dung
Invalid Vote in subtance

Việc bầu cử KHÔNG HỢP LỆ về nội dung khi:
A Vote is INVALID if:

- Nhà Đầu Tư vừa đánh dấu (☑ hoặc ☒) vào lựa chọn "Bầu đều phiếu" và điền số Phiếu Bầu phân bổ cho bất kỳ ứng cử viên nào.

The Investor marks ☑ or ☒ in "Equal-and-even" and also allocates the votes to any candidates.

- Nhà Đầu Tư không đánh dấu (☑ hoặc ☒) vào lựa chọn "Bầu đều phiếu" và không điền số Phiếu Bầu phân bổ cho bất kỳ ứng cử viên nào.

The Investor neither marks ☑ or ☒ in "Equal-and-even" nor allocates the votes to any candidates.

4.6. Ghi nhận Phiếu Bầu
Counting of Ballots

Khi tổng hợp kết quả bầu cử:
For the purpose of determining election result:

4.6.1. Phiếu Bầu HỢP LỆ về hình thức (thỏa mãn các điều kiện quy định tại Điều 2.3) **và** HỢP LỆ nội dung (thỏa mãn các điều kiện quy định tại Điều 4.4) được tính là có tham gia bầu cử.
*Ballots being VALID in form (satisfying the conditions in Section 2.3) **and** VALID in substance (satisfying the conditions in Section 4.4) will be counted.*

4.6.2. Phiếu Bầu KHÔNG HỢP LỆ về hình thức **và/hoặc** KHÔNG HỢP LỆ nội dung sẽ không được tính là tham gia bầu cử.
*Ballot being INVALID in form **and/or** substance will not be counted.*

4.7. Kết quả bầu cử
Election result

Người trúng cử thành viên Ban Đại Diện Quỹ được xác định theo tổng số Phiếu Bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số Phiếu Bầu cao nhất cho đến khi đạt từ đủ số thành viên tối thiểu trở lên theo quy định tại Điều Lệ Quỹ. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau, cho thành viên cuối cùng của Ban đại diện quỹ thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều Lệ Quỹ.

The elected members of the Fund's Representative Board are determined based on the total number of Ballots, ranked from highest to lowest, starting with the candidate who received the highest number of Ballots until the minimum number of members to be elected is reached as stipulated in the Fund's Charter. In the event that two or more candidates received the same number of Ballots; to select the final member of the Representative Board, a re-election will be conducted among the candidates with the same number of votes or selection will be made according to the criteria specified in the election regulations or the Fund's Charter.

5. Kết quả biểu quyết và bầu cử
Result of voting and election

5.1. Tổng hợp kết quả biểu quyết, bầu cử
Compilation of result of voting, electing

Ban kiểm phiếu có trách nhiệm tổng hợp, lập Biên bản kiểm phiếu cho từng vấn đề, thông qua kết quả bầu cử.
The Counting Committee is responsible for compiling and recording the results of each matter and passing the election result.

5.2. Biên bản kiểm phiếu
Votes-Ballots Counting Minutes

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung sau:
The Votes-Ballot Counting Report must include:

5.2.1. Số Phiếu Biểu quyết/ Phiếu Bầu, số đơn vị quỹ biểu quyết/ bầu cử, tỷ lệ (%) số lượng đơn vị quỹ có quyền biểu quyết/ bầu cử: biểu quyết tán thành (đồng ý)/ không tán thành (không đồng ý) /không có ý kiến. Kết quả biểu quyết và bầu cử tính theo phần trăm được làm tròn đến 02 (hai) số thập phân.
Number of Voting Slips/Ballots, number of fund units voted, percentage (%) of fund units eligible to vote: approval/disapproval/no opinion. Voting and Election results are counted according to the percentage which is rounded up to 02 (two) decimal digits.

5.2.2. Tỷ lệ số Phiếu Biểu Quyết/ Phiếu Bầu không hợp lệ (tính trên tổng số Phiếu Biểu Quyết/ Phiếu Bầu được phát hành).
Percentage of invalid Voting Slip/Ballot (out of total Voting Slip/Ballot issued).

5.2.3. Kết quả biểu quyết/ bầu cử.
Voting/ Election results.

D. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT
DRAFT RESOLUTION

QUỸ ETF DCVFMVN30

DCVFMVN30 ETF

Số/No: ...../NQĐH- E1VFVN30-2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026
Ho Chi Minh City, ... 2026

DỰ THẢO/ DRAFT

NGHỊ QUYẾT/*RESOLUTION*
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2025
THE ANNUAL GENERAL MEETING OF INVESTORS-FINANCIAL YEAR 2025

Căn cứ/*Pursuant to*

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 (như được sửa đổi bổ sung tuỳ từng thời điểm);
  Law No. 54/2019/QH14 on Securities Law dated 26 November 2019 by the National Assembly (as amended from time to time);
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (như được sửa đổi bổ sung tuỳ từng thời điểm);
  Decree No 155/2020/NĐ-CP dated 31 December 2020 by the Govement, guiding the implementation of a number of articles of the Securities Law (as amended from time to time);
- Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (như được sửa đổi bổ sung tuỳ từng thời điểm);
  Circular 98/2020/TT-BTC dated 16 December 2020 by the Ministry of Finance guiding the establishment and management of the securities Fund (as amended from time to time);
- Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
  Circular 99/2020/TT-BTC dated 16 November 2020 by the Ministry of Finance guiding the establishment, organization and operation of the fund management company;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động hiện hành của Quỹ ETF DCVFMVN30;
  Current Charter of DCVFMVN30 ETF;
- Biên bản Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2025 của Quỹ ETF DCVFMVN30 ngày / /2026.
  Minutes of the Annual General Meeting of Investors for the financial year 2025 of DCVFMVN30 ETF dated ... / ... / 2026.

QUYẾT NGHỊ/ *RESOLVED*

Điều 1: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ năm 2025.
Article 1: Approval of the Fund's 2025 performance report.

Điều 2: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán của Quỹ.
Article 2: Approval of the Fund's audited financial statements for 2025.

Điều 3: Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025.
Article 3: Approval of the Fund's 2025 profit distribution plan.

Điều 4: Thông qua Kế hoạch hoạt động của Quỹ năm 2026.

Article 4: Approval of the Fund's 2026 business plan.

Điều 5: Thông qua Lựa chọn công ty kiểm toán cho Quỹ năm 2026.

Article 5: Approval of the selection of the auditing firm for the Fund in 2026.

Điều 6: Thông qua tổng ngân sách hoạt động trong năm 2026 của Ban đại diện quỹ.

Article 6: Approval of the total operating budget for Representative Board of Fund in 2026.

Điều 7: Thông qua việc điều chỉnh, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

Article 7: Approval of the amendment and supplement to the Fund Charter.

Điều 8: Hiệu lực Nghị quyết Đại hội.

Article 8: Effectiveness of the Resolution.

Nghị quyết Đại hội có hiệu lực kể từ ngày ký.

The resolution is effective from its signing date.

TM. Đại hội nhà đầu tư/ ***On behalf of The General Meeting***	**Đại diện Công ty quản lý quỹ/** ***On behalf of Fund Management Company***
Ban đại diện quỹ/ ***Representative Board of Fund***	

Thay mặt

On behalf of

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ

DRAGON CAPITAL VIỆT NAM

DRAGON CAPITAL VIETFUND MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY (DCVFM)

S.G.P: 45 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM
P. SÀI GÒN - T.P HỒ CHÍ MINH

Lê Hoàng Anh

Quyền Giám đốc, Nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư

Acting Director, Investment Services

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Quỹ ETF DCVFMVN30

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
1.	Mục 'Căn cứ pháp lý'	Mục 'Căn cứ pháp lý'	Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quỹ
2.	Mục 'Các định nghĩa'	Mục 'Các định nghĩa'	Cập nhật, bổ sung định nghĩa theo Thông tư số 136/2025/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 29/12/2025 và cập nhật phù hợp với thực tiễn hoạt động của Quỹ
3.	Điều 1 (Tên và địa chỉ liên hệ)	Điều 1 (Tên và địa chỉ liên hệ)	Cập nhật địa chỉ liên hệ của Quỹ
4.	Điều 6 (Công ty quản lý quỹ)	Điều 6 (Công ty quản lý quỹ)	Cập nhật thông tin địa chỉ và giấy phép Công ty quản lý quỹ
5.	Điều 7 (Ngân hàng giám sát)	Điều 7 (Ngân hàng giám sát)	Cập nhật thông tin địa chỉ của Ngân hàng giám sát
6.	Điểm d và e Khoản 3 Điều 9 (Chiến lược đầu tư)	Điểm d và e Khoản 3 Điều 9 (Chiến lược đầu tư)	Cập nhật, bổ sung theo Thông tư số 136/2025/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 29/12/2025
7.	Điểm c và f Khoản 2 Điều 10 (Hạn chế đầu tư)	Điểm c và f Khoản 2 Điều 10 (Hạn chế đầu tư)	Cập nhật, bổ sung theo Thông tư số 136/2025/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 29/12/2025
8.	Khoản 4 Điều 13 (Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư)	Khoản 4 Điều 13 (Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư)	Cập nhật, bổ sung theo Thông tư số 136/2025/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 29/12/2025
9.	Điểm c Khoản 1 Điều 15 (Sổ đăng ký nhà đầu tư)	Điểm c Khoản 1 Điều 15 (Sổ đăng ký nhà đầu tư)	Cập nhật, bổ sung theo Thông tư số 136/2025/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 29/12/2025
10.	Khoản 2 và 3 Điều 16 (Giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 và ngược lại (giao dịch sơ cấp))	Khoản 2 và 3 Điều 16 (Giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 và ngược lại (giao dịch sơ cấp))	Cập nhật, bổ sung theo Thông tư số 136/2025/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 29/12/2025
11.	Khoản 10 Điều 16 (Giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 và ngược lại (giao dịch sơ cấp))	Khoản 10 Điều 16 (Giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 và ngược lại (giao dịch sơ cấp))	Cập nhật, bổ sung theo Thông tư số 136/2025/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 29/12/2025
12.	Khoản 2, 3 và 5 Điều 20 (Đại hội nhà đầu tư)	Khoản 2, 3 và 5 Điều 20 (Đại hội nhà đầu tư)	Cập nhật, bổ sung theo Thông tư số 136/2025/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 29/12/2025
13.	Khoản 6 Điều 21 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội nhà đầu tư)	Khoản 6 Điều 21 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội nhà đầu tư)	Cập nhật, bổ sung theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 16/11/2020
14.	Điểm b Khoản 5 Điều 23 (Thông qua quyết định của	Điểm b Khoản 5 Điều 23 (Thông qua quyết định của	Cập nhật, bổ sung theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
	Đại hội nhà đầu tư)	Đại hội nhà đầu tư)	16/11/2020
15.	Khoản 8 Điều 23 (Thông qua quyết định của Đại hội nhà đầu tư)	Bỏ Khoản 8 Điều 23 (Thông qua quyết định của Đại hội nhà đầu tư)	Cập nhật, bổ sung theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 16/11/2020
16.	Điểm a Khoản 9 Điều 23 (Thông qua quyết định của Đại hội nhà đầu tư)	Điểm a Khoản 9 Điều 23 (Thông qua quyết định của Đại hội nhà đầu tư)	Cập nhật, bổ sung theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 16/11/2020
17.	Điểm b Khoản 2 Điều 25 (Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ)	Điểm b Khoản 2 Điều 25 (Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ)	Cập nhật phù hợp với thực tiễn hoạt động của Quỹ
18.	Khoản 9 Điều 26 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban đại diện quỹ)	Khoản 9 Điều 26 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban đại diện quỹ)	Cập nhật, bổ sung theo Thông tư số 136/2025/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 29/12/2025
19.	Khoản 13, 19, 22 và 23 Điều 26 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban đại diện quỹ)	Bỏ Khoản 13, 19, 22 và 23 Điều 26 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban đại diện quỹ)	Huỷ bỏ theo Thông tư số 136/2025/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 29/12/2025 và cập nhật phù hợp với thực tiễn hoạt động của Quỹ
20.	Điểm d Khoản 2 Điều 27 (Chủ tịch Ban đại diện Quỹ)	Điểm d Khoản 2 Điều 27 (Chủ tịch Ban đại diện Quỹ)	Cập nhật phù hợp với thực tiễn hoạt động của Quỹ
21.	Khoản 5 Điều 29 (Cuộc họp Ban đại diện Quỹ)	Khoản 5 Điều 29 (Cuộc họp Ban đại diện Quỹ)	Cập nhật, bổ sung theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 16/11/2020
22.	Không có	Bổ sung Khoản 4 đến 8 Điều 46 (Điều kiện lựa chọn đại lý phân phối chứng chỉ quỹ mở)	Cập nhật, bổ sung theo Thông tư số 136/2025/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 29/12/2025
23.	Điều 48 (Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán)	Điều 48 (Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán)	Cập nhật, bổ sung theo Thông tư số 136/2025/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 29/12/2025
24.	Khoản 3 Điều 51 (Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ)	Khoản 3 Điều 51 (Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ)	Cập nhật phù hợp với thực tiễn hoạt động của Quỹ
25.	Điểm d Khoản 2 Điều 52 (Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ)	Điều 52 (Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ)	Cập nhật, bổ sung theo Thông tư số 136/2025/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 29/12/2025
26.	Điểm b Khoản 2 Điều 55 (Các loại giá dịch vụ, phí do Quỹ trả)	Điểm b Khoản 2 Điều 55 (Các loại giá dịch vụ, phí do Quỹ trả)	Cập nhật, bổ sung theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 16/11/2020 và cập nhật phù hợp với thực tiễn hoạt động của Quỹ
27.	Khoản 2 Điều 62 (Đăng ký điều lệ)	Khoản 2 Điều 62 (Đăng ký điều lệ)	Cập nhật phù hợp với thực tiễn hoạt động của Quỹ
28.	Địa chỉ của Công ty quản lý quỹ tại Phụ lục 1 (CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ)	Địa chỉ của Công ty quản lý quỹ tại Phụ lục 1 (CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ)	Cập nhật thông tin địa chỉ của Công ty quản lý quỹ
29.	Mục 4 Phụ lục 3 (CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT)	Mục 4 Phụ lục 3 (CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT)	Xoá từ/cụm từ thừa.

NỘI DUNG CHI TIẾT SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ QUỸ ĐÃ ĐƯỢC ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THÔNG QUA

1. Mục 'Căn cứ pháp lý'

Việc thành lập và hoạt động của Quỹ ETF DCVFMVN30 và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ~~đợ~~đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp.
- Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2022;
- Luật số 76/2025/QH15 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2025;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Luật số 56/2024/QH15 ~~đợ~~đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ Quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 11 tháng 09 năm 2025;
- Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/ tháng 12/ năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- ~~Thông tư 101/2021/TT-BTC~~ Nghị định số 306/2025/NĐ-CP ngày ~~17~~25 tháng 11 năm ~~2021 do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành~~ 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo nghị định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ) và nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh, có hiệu lực từ ngày 09 tháng 01 năm 2026;
- Thông tư số 83/2024/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Bộ Tài Chính hướng dẫn cơ chế, chính sách về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán do Nhà nước định giá áp dụng tại Sở giao dịch ~~chứng~~Chứng khoán Việt Nam và các công ty con, Tổng công ty ~~lưu~~Lưu ký và ~~bù~~Bù trừ chứng khoán Việt Nam, có hiệu lực từ ngày ~~01~~10 tháng 01 năm ~~2022~~2025;
- ~~Thông tư 102/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2021 do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy định về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022;~~
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung

một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 02 tháng 11 năm 2024;

- Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính ~~hướng dẫn về~~ hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 12 tháng 02 năm 2026;
- Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 02 năm 2021;
- Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính, có hiệu lực từ ngày 05 tháng 05 năm 2025;
- Thông tư số 120/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và ~~chứng~~Chứng chỉ ~~quỹ~~Quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 02 năm 2021;
- Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở;
- Thông tư 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục;
- Các văn bản pháp lý có liên quan khác.

2. **Mục 'Các định nghĩa'**

"Đại hội nhà đầu tư"	Là đại hội của nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức ~~thường kỳ hoặc bất thường~~ để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ ETF DCVFMVN30. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ ETF DCVFMVN30.
"Giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ"	Bằng giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số lô chứng chỉ quỹ. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm ~~hàng ngày~~ xác định giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ ETF DCVFMVN30~~.~~ tại các Ngày định giá.
"Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ"	Bằng giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm ~~hàng ngày~~ xác định giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ ETF DCVFMVN30 theo quy định Pháp luật, Điều lệ Quỹ, Bản Cáo bạch.

3. **Điều 1 (Tên và địa chỉ liên hệ)**

Địa chỉ liên hệ:	Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Phường ~~Bến Nghé, Quận 1~~Sài Gòn, TP. HCM

4. **Điều 6 (Công ty quản lý quỹ)**

1. Công ty quản lý quỹ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM).

   Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số: 45/UBCK-GP ngày 08/01/2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Giấy phép điều chỉnh số 88/GPĐC-UBCK ngày 30/12/2020 của UBCKNN (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm).

2. Công ty quản lý quỹ DCVFM là Công ty quản lý quỹ chính thức của Quỹ ETF DCVFMVN30. Công ty hoạt động dưới sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan (nếu có).

3. Công ty quản lý quỹ DCVFM có trụ sở chính tại:

   Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, số 02 Ngô Đức Kế, Phường ~~Bến Nghé, Quận 1~~Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

   Điện thoại: (84-28)-3825 1488 Fax: (84-28)-3825 1489 Website: www.dragoncapital.com.vn

   ~~Và chi nhánh tại:~~

   ~~Tầng 24, Tháp 1, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam.~~

   ~~Điện thoại: (84-24) 3942 8168 Fax: (84-24) 3942 8169~~

5. **Địa chỉ văn phòng chính của Ngân hàng giám sát tại Điều 7 (Ngân hàng giám sát)**

Văn phòng chính: Tầng 3, Tháp 1 và Tháp 2, Phòng CP1.L01 & CP2.L01, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, ~~phường~~Phường Ngọc ~~Khánh, Quận Ba Đình~~Hà, Thành phố Hà Nội.

6. **Điểm d và e Khoản 3 Điều 9 (Chiến lược đầu tư)**

d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng~~.~~; cổ phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;

e) Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro ~~cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ~~ và giảm thiểu mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu;

7. **Điểm c và f Khoản 2 Điều 10 (Hạn chế đầu tư)**

Điểm c Khoản 2 Điều 10:

Trừ trường hợp là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu, không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm (a), (b), (d) và (e) khoản 3 Điều 9 Điều lệ quỹ, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ; trong đó, phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định pháp luật.

Điểm f Khoản 2 Điều 10:

Không được đầu tư vào bất động sản~~, cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, trái phiếu phát hành riêng lẻ, trừ trường hợp đó là các tài sản quỹ được hưởng lợi từ các quyền của chủ sở hữu;~~

8. **Khoản 4 Điều 13 (Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư)**

Yêu cầu, kiến nghị của nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 13 này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số ~~Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Căn cước công dân~~định danh cá nhân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập đối với nhà đầu tư là tổ chức; số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng nhà đầu tư, tổng số chứng chỉ quỹ của cả nhóm nhà đầu tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số chứng chỉ quỹ đang Lưu hành của quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường theo quy định tại điểm (b) khoản 2 Điều 13 này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát.

9. Điểm c Khoản 1 Điều 15 (Sổ đăng ký nhà đầu tư)

(c) Thông tin nhà đầu tư, thành viên lập quỹ:

(i) Đối với cá nhân: Họ và tên nhà đầu tư, số ~~chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân còn hiệu lực~~định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email (nếu có);

(ii) Đối với tổ chức: Tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập; họ và tên, số ~~chứng minh~~định danh cá nhân ~~dân~~ hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email của cá nhân được tổ chức ủy quyền giao dịch chứng chỉ quỹ;

10. Khoản 2 và 3 Điều 16 (Giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 và ngược lại (giao dịch sơ cấp))

2. Quy trình thực hiện giao dịch hoán đổi:

(a) Trước phiên giao dịch hoán đổi, Công ty quản lý quỹ DCVFM có trách nhiệm thông báo cho Thành viên lập quỹ, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và công bố trên trang thông tin điện tử của mình và của Sở giao dịch chứng khoán, ~~VSDC~~ về danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi lấy một (01) lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30. Thông tin bao gồm các mã chứng khoán cơ cấu, tỷ trọng và số lượng từng mã chứng khoán cơ cấu trong danh mục này. Danh mục chứng khoán cơ cấu nêu trên được xác định trên cơ sở giá cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ.

(b) Lệnh giao dịch hoán đổi của nhà đầu tư được chuyển tới Thành viên lập quỹ trực tiếp hoặc thông qua các Đại lý phân phối theo quy định tại Điều lệ này và các hướng dẫn tại Bản cáo bạch. Trường hợp Thành viên lập quỹ không thể tiếp nhận được lệnh từ nhà đầu tư do Đại lý phân phối, Thành viên lập quỹ bị giải thể, phá sản, bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động, bị đình chỉ, tạm ngừng hoạt động hoặc do các lỗi kỹ thuật của hệ thống công nghệ thông tin hoặc các nguyên nhân bất khả kháng như hỏa hoạn, thiên tai,... thì lệnh giao dịch của Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư được chuyển thẳng tới Công ty quản lý quỹ.

Lệnh giao dịch hoán đổi của Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư được Thành viên lập quỹ chuyển tới VSDC trước thời điểm đóng cửa thị trường theo hướng dẫn của VSDC.

(c) Trong vòng một (01) ngày làm việc, kể từ ngày giao dịch hoán đổi, VSDC sẽ hoàn tất việc chuyển danh mục chứng khoán cơ cấu từ tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư vào tài khoản lưu ký của Quỹ ETF DCVFMVN30 hoặc ngược lại, đồng thời đăng ký, lưu ký chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 vào tài khoản của Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư. Việc tiếp nhận hoặc hoàn trả các khoản thanh toán bằng tiền quy định tại khoản 3 Điều 16 này và được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác nhận hoàn tất giao dịch và VSDC xác nhận quyền sở hữu cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư.

Trong ~~vòng tối đa một (01)~~thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày giao dịch hoán đổi ~~(nhưng không quá thời~~. Ngân hàng giám sát phải hoàn tất việc hoàn trả các khoản thanh toán bằng tiền cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư quy định tại điểm ~~phân bổ kết quả giao dịch),~~a, b khoản 3 Điều này theo yêu cầu hợp pháp của Công ty quản lý quỹ.

(d) Trước thời điểm đóng sổ lệnh, nếu phát hiện lỗi do nhầm lẫn, sai sót trong quá trình đặt lệnh, tổng hợp thông tin, nhận lệnh, chuyển, nhập lệnh vào hệ thống, Đại lý phân phối, Thành viên lập quỹ phải thông báo cho VSDC, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và đề nghị sửa lỗi giao dịch theo quy trình, hướng dẫn của VSDC. Quá thời hạn nêu trên, Đại lý phân phối, Thành viên lập quỹ chịu trách nhiệm trước nhà đầu tư về các lỗi giao dịch do mình thực hiện.

(e) Sau khi tiếp nhận lệnh của Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư, VSDC có trách nhiệm kiểm tra khả năng thực hiện được lệnh của khách hàng bảo đảm đáp ứng quy định tại điểm (g) và (i) khoản 1 Điều 16 này, xác nhận và thực hiện lệnh giao dịch của Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư theo các quy định tại khoản này và quy định của VSDC.

3. Danh mục chứng khoán cơ cấu là phương tiện thanh toán chủ yếu trong giao dịch hoán đổi giữa Quỹ ETF DCVFMVN30 và Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư trừ trường hợp:

(a) Khi hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30, giá trị của danh mục chứng khoán cơ cấu thấp hơn giá trị tài sản ròng của các lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30. Phần chênh lệch phát sinh được Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thanh toán bổ sung bằng tiền vào tài khoản của Quỹ ETF DCVFMVN30 mở tại Ngân hàng giám sát được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch.

(b) Khi hoán đổi các lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 lấy danh mục chứng khoán cơ cấu, giá trị các lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 mà Công ty quản lý quỹ tiếp nhận từ Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư nhiều hơn giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu. Phần chênh lệch này được Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát hoàn trả lại bằng các chứng chỉ quỹ ETF vào các tài khoản lưu ký chứng khoán của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ tại ngày thanh toán hoặc bằng tiền ~~cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư~~ theo quy định chi tiết trong Bản cáo bạch.

Trường hợp chứng khoán cơ cấu của quỹ ETF phát sinh quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu và quỹ ETF đã có tên trên danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng do VSDC lập nhưng tại ngày thanh toán giao dịch hoán đổi, số lượng chứng khoán phát sinh từ quyền chưa được phân bổ vào tài khoản lưu ký của quỹ ETF, quỹ ETF phải sử dụng hết số lượng chứng khoán cơ cấu đã có trên tài khoản lưu ký của quỹ để hoàn trả cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư. Quỹ ETF được hoàn trả bằng tiền thay thế cho số lượng chứng khoán cơ cấu phát sinh từ quyền nhưng chưa được phân bổ vào tài khoản lưu ký của quỹ nếu Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch có quy định cho phép. Trước phiên giao dịch hoán đổi hoặc cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo cho thành viên lập quỹ, VSDC và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, Sở giao dịch chứng khoán về danh mục chứng khoán cơ cấu phát sinh từ quyền được thanh toán bằng tiền.

Thông tin bao gồm các mã chứng khoán cơ cấu, số tiền được thanh toán cho một chứng khoán cơ cấu. Danh mục chứng khoán cơ cấu nêu trên được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ.

(c) Trường hợp trong danh mục chứng khoán cơ cấu có những mã chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư hoặc Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư mà Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật liên quan, khi đó Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư được thanh toán bổ sung bằng tiền vào tài khoản của Quỹ ETF DCVFMVN30 và ngược lại, được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch. Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thực hiện thông báo các mã chứng khoán hoán đổi bổ sung bằng tiền cho Công ty quản lý quỹ, tự chịu trách nhiệm và thực hiện giải trình khi có yêu cầu từ phía cơ quan quản lý và công ty quản lý quỹ.

11. Khoản 10 Điều 16 (Giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 và ngược lại (giao dịch sơ cấp))

Giá dịch vụ phát hành, giá dịch vụ mua lại:

(a) Giá dịch vụ phát hành: là giá dịch vụ mà Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải trả cho Công ty quản lý quỹ khi mua các lô chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng hoặc thực hiện giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ này được thu khi thực hiện giao dịch và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch.

(i) Giá dịch vụ phát hành áp dụng đối với Thành viên lập quỹ được quy định tại Hợp đồng Thành viên lập quỹ và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.

(ii) Giá dịch vụ phát hành áp dụng đối với Thành viên lập quỹ làm Tổ chức tạo lập thị trường được quy định tại Hợp đồng Tổ chức tạo lập thị trường và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.

(iii) Giá dịch vụ phát hành áp dụng đối với nhà đầu tư không vượt quá 1% giá trị giao dịch.

Các mức giá dịch vụ cụ thể được công bố ~~tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt,~~ trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, ~~đại lý phân phối hoặc dưới các hình thức khác~~.

(b) Giá dịch vụ mua lại: là giá dịch vụ mà Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải trả cho Công ty quản lý quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi các lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu. Giá dịch vụ này được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch của các lô chứng chỉ quỹ.

(i) Giá dịch vụ mua lại áp dụng đối với Thành viên lập quỹ được quy định tại Hợp đồng Thành viên lập quỹ và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.

(ii) Giá dịch vụ mua lại áp dụng đối với áp dụng đối với Thành viên lập quỹ làm Tổ chức tạo lập thị trường được quy định tại Hợp đồng Tổ chức tạo lập thị trường và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.

(iii) Giá dịch vụ mua lại áp dụng đối với nhà đầu tư không vượt quá 1% giá trị giao dịch.

Các mức giá dịch vụ cụ thể được công bố ~~tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt,~~ trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ~~, đại lý phân phối hoặc dưới các hình thức khác~~.

(c) Việc điều chỉnh mức giá dịch vụ phát hành và giá dịch vụ mua lại áp dụng đối với Thành viên lập quỹ và Thành viên lập quỹ làm Tổ chức tạo lập thị trường được thực hiện theo thỏa thuận giữa công ty quản lý quỹ và thành viên lập quỹ, Thành viên lập quỹ làm Tổ chức tạo lập thị trường.

(d) Việc tăng mức giá dịch vụ phát hành và giá dịch vụ mua lại áp dụng đối với nhà đầu tư chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá 1% giá trị giao dịch. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới sớm nhất là ~~sáu~~ba mươi (~~60~~30) ngày kể từ ngày công ty quản lý quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của công ty.

(e) Trường hợp giảm mức giá dịch vụ phát hành và giá dịch vụ mua lại áp dụng đối với nhà đầu so với giá tối đa quy định tại Điều này, thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới sớm nhất là ba mươi (30) ngày kể từ ngày công ty quản lý quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của công tyBản cáo bạch công bố về mức giá dịch vụ mới. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm cập nhật mức giá dịch vụ mới này vào Điều lệ Quỹ tại kỳ họp Đại hội gần nhất.

12. Khoản 2, 3 và 5 Điều 20 (Đại hội nhà đầu tư)

~~2. Đại hội nhà đầu tư hàng năm được tổ chức trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban đại diện quỹ, cuộc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.~~

2. Quỹ không bắt buộc phải tổ chức Đại hội Nhà đầu tư thường niên.

3. Việc họp Đại hội nhà đầu tư ~~thường niên~~ có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Phiếu lấy ý kiến được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của nhà đầu tư (bao gồm gửi thư, fax và thư điện tử). ~~Họp Đại hội Nhà đầu tư dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có thể được thực hiện dưới hình thức gởi thư bằng văn bản hoặc thư điện tử.~~ Đại hội Nhà đầu tư ủy quyền cho Ban đại diện quỹ thông qua quy chế của hình thức họp lấy ý kiến bằng văn bản, hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (nếu có).

4. [...]

5. Chi phí của Đại hội nhà đầu tư ~~hàng năm và Đại hội nhà đầu tư lần đầu tiên~~ do Quỹ thanh toán.

13. Khoản 6 Điều 21 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội nhà đầu tư)

Giải thể, sáp nhập quỹ, hợp nhất~~, chia, tách~~ quỹ theo quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành, thay đổi thời hạn hoạt động của Quỹ;

14. Điểm b Khoản 5 Điều 23 (Thông qua quyết định của Đại hội nhà đầu tư)

~~Chia, tách, s~~Sáp nhập, hợp nhất quỹ; giải thể quỹ; thay đổi thời hạn hoạt động của quỹ;

15. Khoản 8 Điều 23 (Thông qua quyết định của Đại hội nhà đầu tư)

~~Những quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ, sẽ không có hiệu lực pháp lý và giá trị thi hành. Những quyết định này mặc nhiên bị hủy. Đồng thời, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban chứng khoán nhà nước~~

~~và nhà đầu tư về việc Nghị quyết không có hiệu lực thi hành và bị hủy.~~

16. **Điểm a Khoản 9 Điều 23 (Thông qua quyết định của Đại hội nhà đầu tư)**

Nhà đầu tư quỹ ETF phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại hội nhà đầu tư về việc các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát; thay đổi Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát; ~~chia, tách, s~~sáp nhập, hợp nhất quỹ; giải thể quỹ; có quyền yêu cầu Công ty quản lý quỹ mua lại chứng chỉ quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang quỹ khác cùng loại hình của công ty quản lý quỹ. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ liên lạc của nhà đầu tư, số lượng đơn vị quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển đổi sang quỹ khác của công ty quản lý quỹ. Yêu cầu phải được nhà đầu tư gửi tới trụ sở chính của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.

17. **Điểm b Khoản 2 Điều 25 (Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ)**

~~Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý kinh tế, tài chính và thị trường vốn, k~~Không nhất thiết phải là nhà đầu tư của quỹ. Thành viên độc lập không phải là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát. Nếu thành viên là Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ban đại diện thì phải có trình độ quản lý kinh tế, tài chính, am hiểu công việc hoạt động kinh doanh của Quỹ đầu tư. Chủ tịch Ban đại diện quỹ phải là thành viên độc lập.

18. **Khoản 9 Điều 26 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban đại diện quỹ)**

Phê duyệt sổ tay định giá giá trị tài sản ròng của quỹ, danh sách các tổ chức cung cấp báo giá; phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng nhận tiền gửi của quỹ, công cụ thị trường tiền tệ mà quỹ được phép đầu tư theo quy định tại điểm (a), (b) khoản 3 Điều 9 của Điều lệ này; chấp thuận các giao dịch tài sản được phép đầu tư của quỹ theo thẩm quyền đối với các giao dịch theo phương thức thỏa thuận ~~thực hiện ngoài hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán~~theo quy định pháp luật;

19. **Khoản 13, 19, 22 và 23 Điều 26 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban đại diện quỹ)**

~~13. Tham gia bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh trong Ban đại diện quỹ thuộc thẩm quyền của Ban đại diện quỹ (không bao gồm chức danh Chủ tịch Ban đại diện quỹ);~~

~~19. Có thể được Chủ tịch Ban đại diện ủy quyền quyết định một số vấn đề cụ thể trong một số lĩnh vực nhất định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ban đại diện.~~

~~22. Ngoại trừ vấn đề quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này, Ban đại diện được quyết định tất cả các vấn đề quy định tại Điều 21 Điều lệ này nếu được Đại hội nhà đầu tư gần nhất ủy quyền.~~

~~23. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ban đại diện quỹ quyết định các vấn đề quy định tại khoản 22 Điều 26 này, Ban đại diện, thông qua Công ty quản lý quỹ, phải gửi Ủy ban chứng khoán nhà nước, Ngân hàng giám sát biên bản họp và nghị quyết của Ban đại diện quỹ, đồng thời thực hiện công bố thông tin theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.~~

20. **Điểm d Khoản 2 Điều 27 (Chủ tịch Ban đại diện Quỹ)**

Ban hành Thông báo việc miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm đương nhiên quy định tại ~~khoản 1~~ Điều 28 của Điều lệ này.

21. **Khoản 5 Điều 29 (Cuộc họp Ban đại diện Quỹ)**

Cuộc họp Ban đại diện quỹ được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) tổng số thành viên trở lên tham dự, trong đó số thành viên độc lập phải chiếm trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên, bao gồm cả người đại diện họp thay thành viên Ban đại diện tại phiên họp mà được ủy quyền biểu quyết, và cả những thành viên Ban đại diện không đến dự họp trực tiếp nhưng có gửi ý kiến bằng văn bản hoặc thông qua các phương tiện truyền tin nghe, nhìn với sự chứng kiến của tất cả các thành viên dự họp. Quyết định của Ban đại diện quỹ được thông qua nếu được trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên số thành viên Ban đại diện quỹ dự họp và trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên số thành viên Ban đại diện quỹ độc lập dự họp thông qua.

22. **Bổ sung Khoản 4 đến 8 Điều 46 (Điều kiện lựa chọn đại lý phân phối chứng chỉ quỹ mở)**

4. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm đánh giá cơ sở vật chất trước khi lựa chọn đại lý phân phối và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư. Trường hợp đại lý phân phối thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ trên môi trường mạng, báo cáo đánh giá cơ sở vật chất phải liệt kê đầy đủ chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối và các nội dung đánh giá các đại lý phân phối này đáp ứng yêu cầu theo quy định pháp luật. Báo cáo đánh giá cơ sở vật chất của đại lý phân phối, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở công ty quản lý quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.

5. Hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ phải tối thiểu bao gồm các nội dung về phạm vi hoạt động phân phối, quyền và trách nhiệm của các bên trong hợp đồng, trong đó có trách nhiệm tuân thủ quy định pháp luật của đại lý phân phối. Công ty quản lý quỹ phải thường xuyên giám sát đại lý phân phối, chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ của đại lý phân phối là phù hợp với các điều khoản tại hợp đồng phân phối.

6. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi đại lý phân phối, công ty quản lý quỹ phải thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước kèm theo các tài liệu sau:

a) Thông báo về việc thay đổi đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, địa điểm phân phối;

b) Trường hợp bổ sung đại lý phân phối kèm theo các tài liệu: Hợp đồng đại lý phân phối ký với công ty quản lý quỹ, thành viên lập quỹ; Báo cáo thẩm định cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự tại các địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ do công ty quản lý quỹ xác nhận (trừ trường hợp đại lý phân phối đang là đại lý phân phối của quỹ khác do công ty quản lý).

7. Trường hợp đại lý phân phối bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại lý phân phối hoặc hợp đồng phân phối hết hiệu lực, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo trước cho nhà đầu tư đồng thời chỉ định đại lý phân phối thay thế (nếu có).

~~6.~~8. Công ty quản lý quỹ chỉ được thực hiện hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do mình quản lý. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, cập nhật thông tin tại Bản cáo bạch và tuân thủ các quy định về đại lý phân phối. Đồng thời, công ty quản lý quỹ phải bảo đảm các nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ không được kiêm nhiệm làm việc tại các bộ phận quản lý tài sản, phân tích đầu tư, kiểm soát nội bộ.

23. Điều 48 (Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán)

~~Hàng năm,~~ Công ty quản lý quỹ sẽ đề xuất ít nhất hai (02) công ty kiểm toán để trình Đại hội nhà đầu tư lựa chọn. ~~Trường hợp Đại hội nhà đầu tư ủy quyền cho Ban đại diện quỹ theo quy định tại khoản 22 Điều 26 của Điều lệ này, Ban đại diện quỹ thực hiện chọn công ty kiểm toán để tiến hành kiểm toán cho Quỹ.~~ Công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

[...]

24. Khoản 3 Điều 51 (Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ)

Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm ~~hàng ngày~~ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF DCVFMVN30, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ vào các ngày định giá theo nguyên tắc sau:

[...]

25. Điểm d Khoản 2 Điều 52 (Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ)

Giá trị tài sản ròng được xác định theo phương thức sau:

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (~~VNĐ~~VNĐ)	Số dư tiền trong ~~các~~ tài khoản không kỳ hạn tại ngày trước ngày định giá.
2.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi phải thu tính tới ngày trước ngày định giá.

3.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá ~~và theo hướng dẫn tại Sổ tay định giá đã được Ban đại diện quỹ phê duyệt~~.
4.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết bình quân (giá sạch) trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác ~~định theo phương pháp định giá được đề cập trong Sổ tay định giá đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt.~~định theo phương pháp định giá là giá Reuters (lấy theo giá Bid) gần nhất trong vòng 90 ngày trước ngày định giá. Trong trường hợp không có giá Reuters (giá Bid) nhiều hơn 90 ngày trước ngày định giá hoặc trong các tình huống thị trường có nhiều biến động Công ty quản lý quỹ sẽ đưa ra giá tham chiếu phù hợp nhất và trình Đại hội nhà đầu tư phê duyệt.
Trái phiếu		
5.	Trái phiếu niêm yết/ Trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ giao dịch tập trung trên Sở giao dịch chứng khoán	- Giá yết bình quân (giá sạch) ~~bình quân gia quyền~~ cho các giao dịch thông thường (outright) trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày ~~có~~ giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế. Trong các trường hợp sau: ~~Trong các trường hợp sau:~~ - ~~Không~~không có giao dịch trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá; hoặc - Giá yết ~~tính theo phương pháp~~ bình quân ~~gia quyền~~ trên có nhiều biến động bất thường ~~theo chi tiết~~quá ±0.5% so với giá tham chiếu được ~~đề cập trong Sổ tay định giá~~xác định theo phương pháp định tại mục ghi chú (*). ~~thì~~Thì giá của trái phiếu ~~thực hiện theo chi tiết được đề cập~~là một trong ~~Sổ tay định~~các mức giá sau: + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá tham chiếu tại mục (*) cộng lãi luỹ kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận. (*) Giá tham chiếu sẽ theo các cách thức sau: - Trái phiếu chính phủ: - Giá trái phiếu chính phủ (giá sạch) được xác định theo phương pháp định giá là giá Reuters (lấy theo giá Bid) gần nhất trong vòng 90 ngày trước ngày định giá. - Trong trường hợp không có giá Reuters (giá Bid) nhiều hơn 90 ngày trước ngày định giá; hoặc trong các tình huống thị trường có

		nhiều biến động, Công ty quản lý quỹ sẽ dùng giá Bloomberg (giá Bid), hoặc giá Finpro, hoặc giá mua gần nhất. ➢ Trái phiếu doanh nghiệp: ○ Trái phiếu doanh nghiệp thông thường (trái phiếu trơn): có thể được áp dụng một trong các cách sau: - Giá sạch là giá được xác định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền dựa trên lợi suất là tổng của lãi suất tham chiếu (lãi suất tiền gửi trung bình kỳ hạn 12 tháng tại ngày gần nhất trước ngày định giá của 4 ngân hàng thương mại nhà nước) và Chênh lệch lợi suất điều chỉnh - Giá sau khi đã phân bổ chênh lệch giữa mệnh giá với giá mua (chiết khấu/ phụ trội) đối với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ và sau khi loại trừ toàn bộ phần giá trị đã được phân bổ chiết khấu/ phụ trội đến kỳ định giá liền trước của số lượng chứng khoán bán trong kỳ. - Giá quan sát được của trái phiếu tính chất tương ứng về lãi suất, thời gian đến hạn còn lại... trên thị trường trong và ngoài nước - Trong các tình huống thị trường có biến động khác, Công ty quản lý quỹ sẽ đưa ra giá tham chiếu phù hợp nhất và trình Đại hội Nhà đầu tư thông qua. Ban đại diện Quỹ ~~phê duyệt~~sẽ xác định cách áp dụng cụ thể cho từng thời điểm và ghi nhận trong Sổ tay định giá của quỹ. ○ Trái phiếu doanh nghiệp chuyển đổi: xác định theo nguyên tắc là tổng giá trị trái phiếu trơn và giá trị quyền chọn chuyển đổi thành cổ phiếu, trong đó: (i) Giá trị phần trái phiếu trơn (giá sạch) được xác định bằng mệnh giá (ii) Giá trị quyền chọn được xác định theo Black-Scholes Model hoặc Binomial Tree Model (trong trường hợp có các điều khoản chuyển đổi phức tạp) Trường hợp trái phiếu trong giai đoạn từ khi đấu thầu thành công đến khi được niêm yết hoặc trái phiếu trong quá trình chờ niêm yết (đối với trái phiếu phát hành ra công chúng) hoặc chờ lên sàn giao dịch tập trung (đối với trái phiếu phát hành riêng lẻ), giá trái phiếu được xác định là giá mua cộng lãi lũy kế. Trường hợp trái phiếu bị hủy niêm yết/ hủy đăng ký giao dịch vì lý do gần đến ngày đáo hạn thì giá được xác định bằng mệnh giá cộng lãi lũy kế. Trường hợp trái phiếu bị hủy niêm yết vì lý do tổ chức phát hành mua lại trước hạn thì giá được xác định giá sạch được tổ chức phát hành cam kết mua lại cộng lãi luỹ kế. Các

		trường hợp trái phiếu bị hủy niêm yết vì lí do khác thì phương pháp xác định giá sẽ được Ban đại diện Quỹ thông qua theo từng trường hợp cụ thể.
6.	Trái phiếu không niêm yết	Giá yết (Giá sạch) trung bình các giao dịch thành công tại ngày gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban đại diện Quỹ phê duyệt cộng lãi lũy kế ~~(*).~~ Trường hợp có một (01) tổ chức báo giá không xác định được giá thì giá trái phiếu là giá sạch trung bình của các giao dịch thành công tại ngày gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của hai (02) tổ chức báo giá cộng lãi lũy kế ~~(*).~~ Trường hợp: - ~~không~~Không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá; hoặc - ~~có~~Có đủ báo giá nhưng có từ hai (02) đến ba (03) tổ chức báo giá không xác định được giá; ~~hoặc~~ ~~- giá sạch trung bình nêu trên (*) có biến động bất thường theo chi tiết được đề cập trong Sổ tay định giá.~~ thì giá của trái phiếu ~~thực hiện theo chi tiết~~ được ~~đề cập trong Sổ tay~~xác định là giá ~~được Ban đại diện Quỹ phê duyệt.~~mua cộng lãi lũy kế
~~7.~~	~~Chứng quyền gắn liền với trái phiếu chuyển đổi~~	~~Phương pháp đã được BĐD quỹ chấp thuận~~
87.	Trái phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	~~Giá~~ Việc xác định ~~theo phương pháp đã~~giá sẽ được Ban đại diện quỹ ~~chấp thuận~~ phê duyệt khi có phát sinh.
Cổ phiếu		
98.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở ~~giao~~Giao dịch ~~chứng~~Chứng khoán~~,~~; cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức niêm yết. Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống ~~UPCOM~~UpCom, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức đăng ký giao dịch, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức đăng ký giao dịch	- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, theo quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày ~~có~~ giao dịch gần nhất trong vòng 90 ngày trước ngày định giá; ~~- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:~~ ~~+ Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng 90 ngày trước ngày định giá;~~ + Giá mua (giá cost);

		+ Giá trị sổ sách; + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận. ~~- Trong thời gian chứng khoán đang làm thủ tục chuyển sàn thì dùng giá đóng cửa cuối cùng của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.~~ - Trường hợp cổ phiếu được chấp thuận niêm yết nhưng chưa có giao dịch đầu tiên thì định giá như trường hợp cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng ~~đang~~ trong quá trình làm thủ tục niêm yết.
~~10.~~ 9	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch do thay đổi Sở Giao Dịch Chứng Khoán	~~Ưu tiên thực hiện~~Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, theo ~~thứ tự từ trên xuống~~quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày giao dịch gần nhất trong vòng 90 ngày trước ngày định giá; + Giá mua (giá cost); + Giá trị sổ sách; ~~- Mệnh giá;~~ + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
10.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch không phải do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	Là một trong các mức giá sau: - Giá trị sổ sách; - Mệnh giá; - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
11.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	~~Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là~~Là một trong các mức giá sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp ~~thuậntheo từng trường hợp cụ thể.~~ thuận.
12.	Cổ phần, vốn góp khác (bao gồm cả cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng đang trong quá trình làm thủ tục niêm yết)	- Giá trị trung bình ~~của~~ các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá (của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban đại diện Quỹ phê duyệt) tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban đại diện Quỹ phê duyệt, ~~ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống~~ là một trong các mức giá sau: + Giá trung bình các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá từ hai (02) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban đại diện Quỹ phê duyệt;

		+ Giá của kỳ ~~báo cáo~~định giá gần nhất nhưng không quá 90 ngày tính đến ngày trước ngày định giá; + Giá mua; + Giá trị sổ sách; + Giá xác định theo Mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện ~~Quỹ~~quỹ chấp thuận.
Chứng chỉ quỹ		
13.	Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết	- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy ~~chế~~định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày ~~có~~ giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, ~~giá được xác định~~ là một trong các mức giá sau: + Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ của chứng chỉ quỹ đó được công bố thông tin trên website ~~công~~Công ty ~~quản~~Quản lý quỹ đó; hoặc trên Sở giao dịch; hoặc trên website UBCKNN ~~theo chi tiết tại Sổ tay~~tại ngày gần nhất trước ngày định giá của Quỹ; + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày giao dịch gần nhất trong vòng 90 ngày trước ngày định giá; ~~+~~ + Giá mua (giá cost); ~~Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.~~
14.	Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước ngày định giá của Quỹ
~~14.~~ 15	Chứng chỉ quỹ đại chúng ~~không~~bị hủy niêm yết do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	Là một trong các mức giá sau: - Giá trị tài sản ròng trên một ~~đơn vị quỹ~~chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày ~~định giá~~ gần nhất ~~của chứng chỉ quỹ đó~~ trước ngày định giá ~~của Quỹ ETF DCVFMVN30~~; hoặc - Giá mua; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận.
Chứng khoán phái sinh		
~~15~~16.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch ~~trước,~~ gần nhất trước ngày định giá. Trong trường hợp không có giá đóng cửa của Sở giao dịch chứng khoán như quy định tại điều này, thì giá xác định theo giá thanh toán cuối ngày/giá thanh toán cuối cùng (trong trường hợp đáo hạn) được ~~VSDC~~Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC") cung cấp tới thành viên bù trừ giao dịch phái sinh và được VSDC công bố trên trang thông tin điện tử của VSDC tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
~~16~~17.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
~~17~~18.	Giá trị cam kết từ các hợp đồng	Được quy định chi tiết tại mục ~~(e) khoản 2 Điều 52 này~~ghi chú 3 dưới đây.

	phái sinh	
Các tài sản khác		
~~18~~19.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Tùy theo từng trường hợp cụ thể, giá của các tài sản sẽ được xác định một cách phù hợp theo một trong các phương pháp sau đây: Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do ít nhất 02 (hai) tổ chức báo giá cung cấp; hoặc theo phương pháp đã được Ban đại diện chấp thuận ~~Theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.~~
20	Quyền mua cổ phiếu	Giá của quyền mua là phần chênh lệch dương giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và giá thực hiện quyền mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền.

***Ghi chú** :1: Các thuật ngữ chung*

- Lãi lũy kế: là khoản lãi tính từ ~~thời điểm~~ngày trả lãi gần nhất tới ~~thời điểm~~ ngày trước ngày định giá~~;~~.
- Giá trị sổ sách ~~(book value)~~ của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành.
- Ngày được hiểu là ngày theo lịch dương~~.~~

~~- Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá (Reuteurs/ Bloomberg/ VNBF...) để tham khảo.~~
~~- Tổ chức báo giá không phải là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát, phải được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt và cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát để giám sát việc tính toán giá trị tài sản ròng.~~
~~- Trong các tình huống phát sinh khác không thể xác định được phương thức định giá thì sẽ được áp dụng theo hướng dẫn chi tiết tại Sổ tay định giá đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.~~
~~- Phương pháp xác định cụ thể được quy định trong Sổ tay định giá do Công Ty Quản Lý Quỹ xây dựng phù hợp với quy định của pháp luật và được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.~~

- Lãi suất trung bình tiền gửi 12 tháng là trung bình lãi suất được công bố bởi bốn Ngân hàng thương mại cổ phần có vốn nhà nước (Agribank, BIDV, Vietcombank, Vietinbank).
- Trái phiếu trơn (Clean bond) là loại trái phiếu thông thường, không đi kèm các quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.
- Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể chuyển đổi thành chứng khoán vốn, cụ thể là cổ phiếu theo quyết định của trái chủ

Ghi chú 3: ***Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh***

1. Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.

2. Khi tính giá trị cam kết, ~~Công~~công ty quản lý quỹ được áp dụng:

- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;

- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;

- Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại ~~tài sản~~chứng khoán	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua ~~quyền~~p chọn bán, bán ~~quyền~~ chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền ~~chọn[1]~~chọn[1] điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = ~~Số~~số hợp đồng × ~~Khối~~khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số ~~delta[2]~~delta[2]
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền ~~chọn[3]~~chọn[3] điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = ~~Số~~số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = ~~Số~~số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = ~~Số~~số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do ~~Công~~công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ~~Ngân~~ngân hàng giám sát, và được ~~Ban~~ban đại diện quỹ chấp thuận

Ghi chú:

[1] Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

[2] Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận

[3] Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

26. Điểm b Khoản 2 Điều 55 (Các loại giá dịch vụ, phí do Quỹ trả)

Giá dịch vụ giám sát ~~tối đa~~ là 0,02% NAV/năm và tối thiểu là 16 triệu đồng/tháng (chưa bao gồm thuế GTGT(nếu có)).

27. Khoản 2 Điều 62 (Đăng ký điều lệ)

Điều lệ này được lập thành ~~05~~04 bản chính có giá trị như nhau bằng tiếng Việt Nam:

- 01 bản đăng ký tại các cơ quan Nhà nước theo luật định.
- 02 bản lưu tại văn phòng của Quỹ đầu tư.
- 01 bản lưu tại văn phòng của Công ty quản lý quỹ.
- ~~01 bản lưu tại văn phòng của Ngân hàng giám sát.~~

28. Địa chỉ của Công ty quản lý quỹ tại Phụ lục 1 (CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ)

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Phường ~~Bến Nghé, Quận 1~~Sài Gòn, TP. HCM

29. Mục 4 Phụ lục 3 (CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT)

Cùng cam kết không nhận bất kỳ một ~~bất kỳ~~ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực

~~[1] Nếu quỹ nắm vị thế mua (*long position*), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (*premium*).~~

~~[2] Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận~~

~~[3] Nếu quỹ nắm vị thế mua (*long position*), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (*premium*)~~

hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều lệ này hoặc Bản cáo bạch.

SUBMISSION

Regarding the amendment and supplementation of the Fund Charter of the DCVFMVN30 ETF Fund

STT	Item, Article of the former Fund Charter	Item, Article of the new Fund Charter	Reasons for amendment and supplementation
1.	Section "Legal Bases"	Section "Legal Bases"	Update the applicable legal instruments relevant to the Fund
2.	Section "Definitions"	Section "Definitions"	Update and supplement definitions in accordance with Circular No. 136/2025/TT-BTC of the Ministry of Finance dated 29/12/2025, and update them to align with the Fund's practical operations
3.	Article 1 (Name and contact address)	Article 1 (Name and contact address)	Update the Fund's contact address
4.	Article 6 (Fund Management Company)	Article 6 (Fund Management Company)	Update the address information and license of the Fund Management Company
5.	Article 7 (Supervisory Bank)	Article 7 (Supervisory Bank)	Update the address information of the Supervisory Bank
6.	Points (d) and (e) of Clause 3, Article 9 (Investment strategy)	Points (d) and (e) of Clause 3, Article 9 (Investment strategy)	Update and supplement in accordance with Circular No. 136/2025/TT-BTC of the Ministry of Finance dated 29/12/2025
7.	Points (c) and (f) of Clause 2, Article 10 (Investment restrictions)	Points (c) and (f) of Clause 2, Article 10 (Investment restrictions)	Update and supplement in accordance with Circular No. 136/2025/TT-BTC of the Ministry of Finance dated 29/12/2025
8.	Clause 4, Article 13 (Rights and obligations of Investors)	Clause 4, Article 13 (Rights and obligations of Investors)	Update and supplement in accordance with Circular No. 136/2025/TT-BTC of the Ministry of Finance dated 29/12/2025
9.	Point (c) of Clause 1, Article 15 (Investor register)	Point (c) of Clause 1, Article 15 (Investor register)	Update and supplement in accordance with Circular No. 136/2025/TT-BTC of the Ministry of Finance dated 29/12/2025
10.	Clauses 2 and 3, Article 16 (In-kind exchange transaction of the basket of constituent securities for a Creation Unit of the DCVFMVN30 ETF Fund's fund certificates and vice versa (primary market transaction))	Clauses 2 and 3, Article 16 (In-kind exchange transaction of the basket of constituent securities for a Creation Unit of the DCVFMVN30 ETF Fund's fund certificates and vice versa (primary market transaction))	Update and supplement in accordance with Circular No. 136/2025/TT-BTC of the Ministry of Finance dated 29/12/2025
11.	Clause 10, Article 16 (In-kind exchange transaction of the basket of constituent securities for a Creation Unit of the DCVFMVN30 ETF Fund's fund certificates and vice versa (primary market transaction))	Clause 10, Article 16 (In-kind exchange transaction of the basket of constituent securities for a Creation Unit of the DCVFMVN30 ETF Fund's fund certificates and vice versa (primary market transaction))	Update and supplement in accordance with Circular No. 136/2025/TT-BTC of the Ministry of Finance dated 29/12/2025
12.	Clauses 2, 3 and 5, Article 20 (Investors' General Meeting)	Clauses 2, 3 and 5, Article 20 (Investors' General Meeting)	Update and supplement in accordance with Circular No. 136/2025/TT-BTC of the Ministry of Finance dated 29/12/2025
13.	Clause 6, Article 21 (Powers and duties of the Investors' General Meeting)	Clause 6, Article 21 (Powers and duties of the Investors' General Meeting)	Update and supplement in accordance with Circular No. 98/2020/TT-BTC of the Ministry of Finance dated 16/11/2020
14.	Point (b) of Clause 5, Article 23 (Adoption of resolutions of the Investors' General Meeting)	Point (b) of Clause 5, Article 23 (Adoption of resolutions of the Investors' General Meeting)	Update and supplement in accordance with Circular No. 98/2020/TT-BTC of the Ministry of Finance dated 16/11/2020
15.	Clause 8, Article 23 (Adoption of resolutions of the Investors'	Delete Clause 8, Article 23 (Adoption of resolutions of the	Update and supplement in accordance with Circular No. 98/2020/TT-BTC of the Ministry

STT	Item, Article of the former Fund Charter	Item, Article of the new Fund Charter	Reasons for amendment and supplementation
	General Meeting)	Investors' General Meeting)	of Finance dated 16/11/2020
16.	Point (a) of Clause 9, Article 23 (Adoption of resolutions of the Investors' General Meeting)	Point (a) of Clause 9, Article 23 (Adoption of resolutions of the Investors' General Meeting)	Update and supplement in accordance with Circular No. 98/2020/TT-BTC of the Ministry of Finance dated 16/11/2020
17.	Point (b) of Clause 2, Article 25 (Term of office and selection criteria for members of the Fund Representative Board)	Point (b) of Clause 2, Article 25 (Term of office and selection criteria for members of the Fund Representative Board)	Update to align with the Fund's practical operations
18.	Clause 9, Article 26 (Powers and duties of the Fund Representative Board)	Clause 9, Article 26 (Powers and duties of the Fund Representative Board)	Update and supplement in accordance with Circular No. 136/2025/TT-BTC of the Ministry of Finance dated 29/12/2025
19.	Clauses 13, 19, 22 and 23, Article 26 (Powers and duties of the Fund Representative Board)	Delete Clauses 13, 19, 22 and 23, Article 26 (Powers and duties of the Fund Representative Board)	Repealed pursuant to Circular No. 136/2025/TT-BTC of the Ministry of Finance dated 29/12/2025, and updated to align with the Fund's practical operations
20.	Point (d) of Clause 2, Article 27 (Chairperson of the Fund Representative Board)	Point (d) of Clause 2, Article 27 (Chairperson of the Fund Representative Board)	Update to align with the Fund's practical operations
21.	Clause 5, Article 29 (Meeting of the Fund Representative Board)	Clause 5, Article 29 (Meeting of the Fund Representative Board)	Update and supplement in accordance with Circular No. 98/2020/TT-BTC of the Ministry of Finance dated 16/11/2020
22.	None	Supplement Clauses 4 to 8, Article 46 (Conditions for selection of distribution agents for open-ended fund certificates)	Update and supplement in accordance with Circular No. 136/2025/TT-BTC of the Ministry of Finance dated 29/12/2025
23.	Article 48 (Criteria for selection and replacement of the Audit Firm)	Article 48 (Criteria for selection and replacement of the Audit Firm)	Update and supplement in accordance with Circular No. 136/2025/TT-BTC of the Ministry of Finance dated 29/12/2025
24.	Clause 3, Article 51 (Determination of the Fund's Net Asset Value)	Clause 3, Article 51 (Determination of the Fund's Net Asset Value)	Update to align with the Fund's practical operations
25.	Point (d) of Clause 2, Article 52 (Method for determination of the Fund's Net Asset Value)	Article 52 (Method for determination of the Fund's Net Asset Value)	Update and supplement in accordance with Circular No. 136/2025/TT-BTC of the Ministry of Finance dated 29/12/2025
26.	Point (b) of Clause 2, Article 55 (Types of service charges and fees payable by the Fund)	Point (b) of Clause 2, Article 55 (Types of service charges and fees payable by the Fund)	Update and supplement in accordance with Circular No. 98/2020/TT-BTC of the Ministry of Finance dated 16/11/2020, and update to align with the Fund's practical operations
27.	Clause 2, Article 62 (Registration of the Fund Charter)	Clause 2, Article 62 (Registration of the Fund Charter)	Update to align with the Fund's practical operations
28.	Address of the Fund Management Company in Appendix 1 (UNDERTAKING OF THE FUND MANAGEMENT COMPANY)	Address of the Fund Management Company in Appendix 1 (UNDERTAKING OF THE FUND MANAGEMENT COMPANY)	Update the address information of the Fund Management Company
29.	Section 4, Appendix 3 (JOINT UNDERTAKING OF THE FUND MANAGEMENT COMPANY AND THE SUPERVISORY BANK)	Section 4, Appendix 3 (JOINT UNDERTAKING OF THE FUND MANAGEMENT COMPANY AND THE SUPERVISORY BANK)	Delete redundant word(s)/phrase(s).

DETAILED CONTENT OF THE AMENDMENTS TO THE FUND CHARTER APPROVED BY THE INVESTORS' GENERAL MEETING

1. Section "Legal Bases"

The establishment and operation of the DCVFMVN30 ETF Fund and related matters are governed by:

- The Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 ~~which~~ was passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Viet Nam on 17 June 2020 and took effect from 01 January 2021, and the implementing documents guiding the implementation of the Law on Enterprises.
- Law No. 03/2022/QH15 amending and supplementing a number of articles of the Law on Public Investment, the Law on Investment under the Public–Private Partnership (PPP) method, the Law on Investment, the Law on Housing, the Law on Bidding, the Law on Electricity, the Law on Enterprises, the Law on Special Consumption Tax, and the Law on Civil Judgment Enforcement, effective from 01 March 2022;
- Law No. 76/2025/QH15, passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Viet Nam on 17 June 2025, amending and supplementing a number of articles of the Law on Enterprises, effective from 01 July 2025;
- The Law on Securities No. 54/2019/QH14, passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Viet Nam on 26 November 2019 and effective from 01 January 2021;
- Law No. 56/2024/QH15 ~~which~~ was passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Viet Nam on 29 November 2024 amending and supplementing a number of articles of the Law on Securities, the Law on Accounting, the Law on Independent Audit, the Law on the State Budget, the Law on Management and Use of Public Property, the Law on Tax Administration, the Law on Personal Income Tax, the Law on National Reserves, and the Law on Handling of Administrative Violations, effective from 01 January 2025;
- Decree No. 155/2020/ND-CP dated 31 December 2020 of the Government detailing the implementation of a number of articles of the Law on Securities, effective from 01 January 2021;
- Decree No. 245/2025/ND-CP dated 11 September 2025 of the Government amending and supplementing a number of articles of Decree No. 155/2020/ND-CP, effective from 11 September 2025;
- Decree No. 156/2020/ND-CP dated 31/ December 12/ 2020 of the Government providing for administrative sanctions in the securities and securities market sector, effective from 01 January 2021;
- ~~Circular 101/2021/TT-BTC~~ Decree No. 306/2025/ND-CP dated ~~17~~25 November ~~2021 issued by the Minister of Finance~~ 2025 of the Government on amending and supplementing a number of articles of Decree No. 156/2020/ND-CP dated 31 December 2020 of the Government providing for administrative sanctions in the securities and securities market sector (as amended and supplemented in a number of articles under Decree No. 128/2021/ND-CP dated 30 December 2021 of the Government) and Decree No. 158/2020/ND-CP dated 31 December 2020 of the Government on derivatives securities and the derivatives securities market, effective from 09 January 2026;
- Circular No. 83/2024/TT-BTC dated 26 November 2024 of the Ministry of Finance, providing guidance on the mechanism and policies on service prices in the securities sector priced by the State and applied at the ~~Vietnam~~ Stock Exchange _and its subsidiaries, the Vietnam Securities ~~Depository~~ and ~~Clearing~~ Corporation, effective from ~~01~~10 January ~~2022~~2025;
- ~~Circular No. 102/2021/TT-BTC dated 17 November 2021, promulgated by the Minister of Finance, providing for service prices in the securities sector applicable to securities business organizations and commercial banks participating in the Vietnamese securities market, effective from 01 January 2022;~~
- Circular No. 96/2020/TT-BTC dated 16 November 2020 of the Ministry of Finance, providing guidance on information disclosure in the securities market, effective from 01 January 2021;
- Circular No. 68/2024/TT-BTC dated 18 September 2024 of the Ministry of Finance, amending and supplementing a number of articles of Circulars providing for securities trading on the securities trading

system; clearing and settlement of securities transactions; operations of securities companies; and information disclosure in the securities market, effective from 02 November 2024;

- Circular No. 98/2020/TT-BTC dated 16 November 2020 of the Ministry of Finance ~~providing guidance on~~ guiding the operation and management of securities investment funds, effective from 01 January 2021;
- Circular No. 136/2025/TT-BTC dated 29 December 2025 of the Ministry of Finance, amending and supplementing a number of articles of Circular No. 98/2020/TT-BTC dated 16 November 2020 of the Minister of Finance providing guidance on the operation and management of securities investment funds, effective from 12 February 2026;
- Circular No. 99/2020/TT-BTC dated 16 November 2020 of the Ministry of Finance, providing guidance on the operations of securities investment fund management companies, effective from 01 January 2021;
- Circular No. 119/2020/TT-BTC dated 31 December 2020 of the Ministry of Finance providing for registration, depository, clearing and settlement operations for securities transactions, effective from 15 February 2021;
- Circular No. 18/2025/TT-BTC dated 26 April 2025 of the Ministry of Finance amending and supplementing a number of articles of Circular No. 119/2020/TT-BTC dated 31 December 2020 of the Minister of Finance providing for registration, depository, clearing and settlement operations for securities transactions, and Circular No. 96/2020/TT-BTC dated 16 November 2020 of the Minister of Finance providing guidance on information disclosure in the securities market as amended and supplemented by Circular No. 68/2024/TT-BTC dated 18 September 2024 of the Minister of Finance, effective from 05 May 2025;
- Circular No. 120/2020/TT-BTC dated 31 December 2020 of the Ministry of Finance providing for trading in listed shares, shares registered for trading and ~~fund~~Fund certificates ~~of~~ ETF, corporate bonds, and covered warrants listed on the securities trading system, effective from 15 February 2021;
- Circular No. 198/2012/TT-BTC dated 15 November 2012 of the Ministry of Finance on the accounting regime applicable to open-end funds;
- Circular No. 181/2015/TT-BTC dated 13 November 2015 of the Ministry of Finance on the accounting regime applicable to exchange-traded funds;
- Other relevant legal instruments.

2. Section "Definitions"

"Investors' General Meeting"	Means a meeting of investors having voting rights convened ~~on a regular or extraordinary basis~~ to approve important matters relating to the DCVFMVN30 ETF Fund. The Investors' General Meeting is the highest authority of the DCVFMVN30 ETF Fund.
"Net Asset Value per Fund Certificate Lot"	Means the net asset value of the fund divided by the total number of fund certificate lots. The fund management company is responsible for ~~daily~~ determining the net asset value per fund certificate lot of the DCVFMVN30 ETF Fund on the Valuation Dates.
"Net Asset Value per Fund Certificate"	Means the net asset value of the fund divided by the total number of fund certificates outstanding. The fund management company is responsible for ~~daily~~ determining the net asset value per fund certificate of the DCVFMVN30 ETF Fund in accordance with Applicable Laws, the Fund Charter and the Prospectus.

3. Article 1 (Name and Contact Address)

Contact address:	15th Floor, Me Linh Point Building, 02 Ngo Duc Ke Street, Ward ~~Ben Nghe, District 1~~Ho Chi Minh City, HCMC

4. Article 6 (Fund Management Company)

1. Fund management company: Dragon Capital Vietnam Fund Management Joint Stock Company (DCVFM).

   Securities business establishment and operation license No.: 45/UBCK-GP dated 08/01/2009 issued by the State Securities Commission. Amended license No. 88/GPĐC-UBCK dated 30/12/2020 issued by the SSC ("UBCKNN") (and any amendments, supplements or replacements from time to time).

2. DCVFM, the fund management company, is the official fund management company of the DCVFMVN30 ETF Fund. The company operates under the Securities Law, the Law on Enterprises, and other relevant laws and regulations (if any).

3. The fund management company DCVFM has its head office at:

   15th Floor, Me Linh Point Building, No. 02 Ngo Duc Ke Street, Ward ~~Ben Nghe, District 1~~Ho Chi Minh City, Vietnam.

   Tel: (84-28)-3825 1488 Fax: (84-28)-3825 1489 Website: www.dragoncapital.com.vn

   ~~And its branch at:~~

   ~~24th Floor, Tower 1, Capital Place Building, No. 29 Lieu Giai Street, Ngoc Khanh Ward, Ba Dinh District, Hanoi, Vietnam.~~

   ~~Tel: (84-24) 3942 8168 Fax: (84-24) 3942 8169~~

5. Head office address of the Supervisory Bank in Article 7 (Supervisory Bank)

Head office: 3rd Floor, Tower 1 and Tower 2, Room CP1.L01 & CP2.L01, the Capital Place Building, No. 29 Lieu Giai Street, ~~Ward~~Ward Ngoc ~~Khanh, Ba Dinh District~~Ha Noi, Hanoi City.

6. Points d and e, Clause 3, Article 9 (Investment Strategy)

d) Listed shares, shares registered for trading, bonds listed on the stock exchange, public fund certificates~~;~~, publicly offered shares, publicly offered bonds;

e) Listed derivatives traded on the stock exchange for the purpose of hedging risks ~~for the underlying securities held by the fund~~ and minimizing the tracking error relative to the reference index;

7. Points c and f, Clause 2, Article 10 (Investment Restrictions)

Point c, Clause 2, Article 10:

Except where the structured securities are included in the reference index portfolio, do not invest more than thirty percent (30%) of the fund's total asset value in the assets prescribed in point (a), (b), (d) and (e) of Clause 3 Article 9 of the Fund Charter, issued by companies within the same group of companies having ownership relationships with each other in the following cases: parent company, subsidiary; companies owning more than 35% of each other's shares or contributed capital; a group of subsidiaries having the same parent company; in which the investment portion in derivatives is calculated based on the contract's committed value as determined in accordance with applicable laws.

Point f, Clause 2, Article 10:

No investment may be made in real estate~~, unlisted shares, shares of a public company that are not yet listed or registered for trading, capital contributions in a limited liability company, or privately placed bonds; except where such assets are assets from which the fund benefits by virtue of the owner's rights;~~

8. Clause 4, Article 13 (Rights and obligations of Investors)

Any request or proposal of an investor or a group of investors as prescribed in Clause 2, 3 Article 13 hereof must be made in writing and must include the full name, contact address, and ~~Identity Card number or Citizen Identification Card~~ personal identification number or passport or other lawful personal identification; and the name, head office address, nationality, enterprise registration certificate number or establishment decision number in respect of an investor that is an organization; the number of fund certificates held and the holding period of each investor, the total number of fund certificates of the entire group of investors and the ownership ratio over the total number of the fund's outstanding fund certificates; the content of the request/proposal; and the grounds and reasons. In case of convening an extraordinary Investors' General Meeting as prescribed in Point (b) Clause 2 Article 13 hereof, documents evidencing the reasons for convening such extraordinary Investors' General Meeting must be enclosed; or documents and evidence of violations by the fund management company and/or the Supervisory Bank, or of any decision beyond the authority as prescribed in the Fund Charter and the supervision agreement.

9. Point c, Clause 1, Article 15 (Register of Investors)

(c) Information on investors and authorized participants:

(i) For individuals: investor's full name, ~~identity card number or citizen identification card number (valid)~~ personal identification number or valid passport number or other lawful personal identification, contact address, contact telephone number, and email address (if any);

(ii) For organizations: full name, abbreviated name, trading name, head office address, enterprise registration certificate number or establishment decision number; full name, ~~identity~~ card personal identification ~~number~~ or valid passport number, contact address, contact telephone number, and email address of the individual authorized by the organization to transact in fund certificates;

10. Clauses 2 and 3, Article 16 (Transaction for exchanging the basket of component securities for a creation unit (lot) of DCVFMVN30 ETF Fund certificates and vice versa (primary market transaction))

2. Procedure for conducting swap transactions:

(a) Prior to the swap trading session, DCVFM, as the fund management company, is responsible for notifying the Authorized Participant, the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation and disclosing on its own website and that of the Stock Exchange, ~~VSDC~~ the basket of constituent securities to be exchanged for one (01) creation unit of DCVFMVN30 ETF Fund Certificates. The information includes the constituent security codes, weightings, and the quantity of each constituent security in such basket. The above constituent securities basket is determined on the basis of the closing prices of the day immediately preceding the swap trading date of fund certificates.

(b) An investor's swap order shall be submitted to the Authorized Participant directly or via Distribution Agents in accordance with this Charter and the guidance in the Prospectus. Where the Authorized Participant is unable to receive the investor's order via a Distribution Agent, or the Authorized Participant is dissolved, bankrupt, has its establishment and operation license revoked, is suspended, temporarily ceases operations, or due to technical failures of the information technology system or force majeure events such as fire, natural disasters, etc., the swap order of the Authorized Participant/investor shall be forwarded directly to the fund management company.

The swap order of the Authorized Participant/investor shall be forwarded by the Authorized Participant to VSDC before market close in accordance with VSDC's instructions.

(c) Within one (01) business day from the swap transaction date, VSDC shall complete the transfer of the constituent securities basket from the custody account of the Authorized Participant/investor to the custody account of the DCVFMVN30 ETF Fund, or vice versa, and concurrently register and deposit the DCVFMVN30 ETF Fund Certificates into the account of the Authorized Participant/investor. The receipt or refund of cash payments prescribed in clause 3 Article 16 hereof is provided in detail in the Prospectus. The fund management company is responsible for confirming completion of the transaction, and VSDC shall confirm ownership for the Authorized Participant/investor.

Within ~~a maximum period of one (01)~~ 03 business days~~,~~ from the swap transaction date ~~(but not exceeding the time limit~~, the Supervisory Bank must complete the refund of the cash payments to the Authorized Participant/Investor as prescribed in points a and b of Clause 3 of this Article ~~(allocation of transaction results), upon the lawful request of the fund management company.~~

(d) Prior to the order book closing time, if an error due to misunderstanding or mistake is detected during order placement, information consolidation, order receipt, order transmission, or entry of orders into the system, the Distribution Agent and the Authorized Participant must notify VSDC, the fund management company, and the Supervisory Bank, and request correction of the transaction error in accordance with VSDC's procedures and instructions. After the above time limit, the Distribution Agent and the Authorized Participant shall be responsible to investors for any transaction errors made by them.

(e) After receiving the order from the Authorized Participant/investor, VSDC is responsible for checking the customer's ability to execute the order, ensuring compliance with the requirements set out in point (g) and (i) of clause 1 Article 16 hereof, and confirming and executing the swap order of the Authorized Participant/investor in accordance with the provisions of this clause and VSDC's regulations.

3. The constituent securities basket is the primary means of payment in swap transactions between the DCVFMVN30 ETF Fund and the Authorized Participant/investor, except in the following cases:

(a) Where the constituent securities basket is exchanged for creation units of DCVFMVN30 ETF Fund Certificates, the value of the constituent securities basket is lower than the net asset value of such creation units of DCVFMVN30 ETF Fund Certificates. The resulting difference shall be additionally paid in cash by the Authorized Participant/investor into the account of the DCVFMVN30 ETF Fund opened at the Supervisory Bank, as detailed in the Prospectus.

(b) Where creation units of DCVFMVN30 ETF Fund Certificates are exchanged for the constituent securities basket, the value of the creation units of DCVFMVN30 ETF Fund Certificates received by the fund management company from the Authorized Participant/investor is greater than the value of the constituent securities basket. This difference shall be refunded by the fund management company, the Supervisory Bank in ETF fund certificates to the securities custody accounts of the investor/Authorized Participant on the settlement date or in cash ~~to the Authorized Participant/investor~~ as detailed in the Prospectus.

In the event that constituent securities of the ETF generate entitlement to receive stock dividends and the ETF has been included on the securities holders list as at the last registration date prepared by VSDC, but as at the settlement date of the swap transaction the quantity of securities arising from such entitlement has not yet been allocated into the ETF's custody account, the ETF must use the entire quantity of constituent securities already available in the Fund's custody account to return to the Authorized Participant/investor. The ETF may make a cash refund in lieu of the quantity of constituent securities arising from such entitlement but not yet allocated into the Fund's custody account, if permitted by the Fund Charter and the Prospectus. Prior to the swap trading session or at the end of the day immediately preceding the swap trading date, the fund management company is responsible for notifying the Authorized Participant and VSDC, and disclosing information on the fund management company's website and the Stock Exchange's website regarding the list of constituent securities arising from entitlement that shall be settled in cash.

The information includes the constituent security codes and the amount of cash payable for each constituent security. The above constituent securities basket is determined on the basis of the closing prices as at the trading day immediately preceding the swap trading date of fund certificates.

(c) Where the constituent securities basket includes constituent security codes in respect of which the Authorized Participant/investor is subject to investment restrictions, or where the Authorized Participant/investor holds shares issued by such Authorized Participant/investor itself for which the procedures for treasury share transactions have not been completed in accordance with relevant laws, then the Authorized Participant/investor shall make additional payment in cash into the account of the DCVFMVN30 ETF Fund and vice versa, as detailed in the Prospectus. The Authorized Participant/investor shall notify the fund management company of the security codes to be additionally settled in cash, shall bear its own responsibility, and shall provide explanations when requested by the regulatory authority and the fund management company.

11. Clause 10 Article 16 (Swap transactions of constituent securities basket for a creation unit of DCVFMVN30 ETF Fund Certificates and vice versa (primary market transaction))

Issuance service fee; redemption service fee:

(a) Issuance service fee: means the service fee that the Authorized Participant/investor must pay to the fund management company when purchasing creation units of fund certificates in the initial public offering or conducting a swap transaction of the constituent securities basket for creation units of fund certificates. This service fee shall be collected upon execution of the transaction and calculated as a percentage of the transaction value.

(i) The issuance service fee applicable to Authorized Participants is specified in the Authorized Participant Agreement and shall not exceed 0.5% of the transaction value.

(ii) The issuance service fee applicable to Authorized Participants acting as Market Makers is specified in the Market Maker Agreement and shall not exceed 0.5% of the transaction value.

(iii) The issuance service fee applicable to investors shall not exceed 1% of the transaction value.

The specific service fee rates shall be disclosed ~~in the Prospectus and the Summary Prospectus,~~ on the fund management company's website, ~~by the distribution agents or in other forms~~.

(b) Redemption service fee: means the service fee payable by the Authorized Participant and the investor to the Fund Management Company when conducting a swap transaction of Creation Unit(s) of fund certificates for the in-kind securities basket. This service fee is calculated as a percentage of the transaction value of the Creation Unit(s) of fund certificates.

(i) The redemption service fee applicable to the Authorized Participant shall be specified in the Authorized Participant Agreement and shall not exceed 0.5% of the transaction value.

(ii) The redemption service fee applicable to the Authorized Participant acting as a Market Maker shall be specified in the Market Maker Agreement and shall not exceed 0.5% of the transaction value.

(iii) The redemption service fee applicable to investors shall not exceed 1% of the transaction value.

The specific service fee rates shall be disclosed ~~in the Prospectus, the Summary Prospectus,~~ on the website of the fund management company~~, by the distribution agent(s), or in other forms~~.

(c) Any adjustment to the issuance service fee and the redemption service fee applicable to the Authorized Participant and the Authorized Participant acting as a Market Maker shall be implemented in accordance with the agreement between the fund management company and the Authorized Participant, and the Authorized Participant acting as a Market Maker.

(d) Any increase in the issuance service fee and the redemption service fee applicable to investors shall only be implemented if, after such increase, the service fee rate does not exceed 1% of the transaction value. The earliest effective date of the new service fee rate shall be ~~sixty~~/thirty (~~60~~30) days from the date on which the fund management company discloses the new service fee rates on the Company's website.

(e) In the event of a decrease in the issuance service fee and the redemption service fee applicable to investors as compared with the maximum fee rate prescribed in this Article, the earliest effective date of the new service fee rate shall be thirty (30) days from the date the fund management company discloses the new service fee rates on the Company's website~~in the Prospectus disclosing the new service fee rate; the Fund Management Company shall be responsible for updating such new service fee rate in the Fund Charter at the nearest General Meeting~~.

12. Clauses 2, 3 and 5 of Article 20 (Investors' General Meeting)

~~2. The annual Investors' General Meeting shall be held within 04 (four) months from the end of the fiscal year. At the request of the Fund Representative Board, the annual Investors' General Meeting may be extended, but by no more than 06 months from the end of the fiscal year, and the State Securities Commission must be notified.~~

2. The Fund is not required to hold an annual Investors' General Meeting.

3. The annual meeting of the Investors' General Meeting may be held in the form of an in-person meeting, written consultation, or attendance and voting via an online conference, electronic voting, or other electronic form. Ballots for collecting opinions shall be sent by a method that ensures delivery to the investor's contact address (including by post, fax, and email). ~~Holding an Investors' General Meeting in the form of written consultation may be conducted by sending hard-copy letters or emails.~~ The Investors' General Meeting authorizes the Fund Representative Board to adopt the rules of procedure for the form of written consultation meeting, online conference, electronic voting, or other electronic form (if any).

4. [...]

5. The costs of the annual Investors' General Meeting ~~and the first Investors' General Meeting~~ shall be paid by the Fund.

13. Clause 6 of Article 21 (Powers and duties of the Investors' General Meeting)

Dissolution, merger of the Fund, consolidation~~, division, split~~ of the Fund in accordance with the Charter and applicable laws, change of the Fund's operating term;

14. Point b, Clause 5 of Article 23 (Adoption of resolutions of the Investors' General Meeting)

~~Division, split,~~ merger, consolidation of the Fund; dissolution of the Fund; change of the operating term of the Fund;

15. Clause 8 of Article 23 (Adoption of resolutions of the Investors' General Meeting)

~~Any resolutions of the Investors' General Meeting that are adopted in a manner inconsistent with the laws and the Charter shall have no legal effect and no enforceability. Such resolutions shall automatically be null and void. At the same time, the fund management company shall be responsible for notifying the State Securities Commission and investors that the Resolution has no enforceability and is nullified.~~

16. Point a, Clause 9 of Article 23 (Adoption of resolutions of the Investors' General Meeting)

An ETF Fund investor who objects to a resolution adopted by the Investors' General Meeting regarding fundamental changes in the Fund's investment policy or investment objectives; changes in the service fee payable to the Fund Management Company and the Supervisory Bank; replacement of the Fund Management Company or the Supervisory Bank; ~~division, split,~~ merger, consolidation of the Fund; dissolution of the Fund; shall have the right to request the Fund Management Company to redeem his/her fund certificates or to convert to another fund of the same type of the fund management company. Such request must be made in writing, clearly stating the investor's name, address for correspondence , number of fund units, and the reason for

requesting redemption or proposing conversion to another fund of the fund management company. The request must be sent by the investor to the head office of the fund management company or the distribution agent(s) within fifteen (15) days from the date on which the Investors' General Meeting adopts the resolution on the above matters.

17. **Point b, Clause 2 of Article 25 (Term of office and selection criteria for members of the Fund Representative Board)**

~~Having professional qualifications and experience in economic management, finance, and capital markets, not~~ necessarily required to be an investor of the Fund. An independent member must not be a related person of the Fund Management Company or the Supervisory Bank. If a member serves as the Chairperson or Vice Chairperson of the Fund Representative Board, he/she must have qualifications in economic and financial management and have an understanding of the Fund's business operations. The Chairperson of the Fund Representative Board must be an independent member.

18. **Clause 9 of Article 26 (Powers and duties of the Fund Representative Board)**

Approve the Fund's Net Asset Value (NAV) valuation manual and the list of quotation providers; approve the list of credit institutions receiving the Fund's deposits and the money market instruments in which the Fund is permitted to invest in accordance with point (a), (b) Clause 3 Article 9 of this Charter; approve, within its authority, transactions in the Fund's permissible investment assets conducted by way of negotiated transactions ~~carried out off the trading system of the Stock Exchange~~in accordance with law;

19. **Clauses 13, 19, 22 and 23 of Article 26 (Powers and duties of the Fund Representative Board)**

~~13. Participate in voting on the election, removal from office, and dismissal of positions in the Fund Representative Board under the authority of the Fund Representative Board (excluding the position of Chairperson of the Fund Representative Board);~~

~~19. May be authorized by the Chairperson of the Representative Board to decide on certain specific matters in certain areas falling within the authority of the Chairperson of the Representative Board.~~

~~22. Except for the matter specified in Clause 3 Article 21 of this Charter, the Representative Board may decide all matters specified in Article 21 of this Charter if authorized by the most recent Investors' General Meeting.~~

~~23. Within fifteen (15) days from the date the Fund Representative Board decides on the matters specified in Clause 22 Article 26 hereof, the Representative Board, through the Fund Management Company, must send to the State Securities Commission and the Supervisory Bank the meeting minutes and resolution of the Fund Representative Board, and concurrently make information disclosure in accordance with the prevailing regulations on information disclosure in the securities market.~~

20. **Point d, Clause 2, Article 27 (Chairperson of the Fund Representative Board)**

Issue a Notice of removal from office or automatic dismissal as specified in ~~Clause 1~~ Article 28 of this Charter.

21. **Clause 5, Article 29 (Meeting of the Fund Representative Board)**

A meeting of the Fund Representative Board shall be conducted when at least two-thirds (2/3) of the total members are present, in which the number of independent members must account for more than fifty percent (50%), including a person attending on behalf of a member of the Representative Board at the meeting who is authorized to vote, and including members of the Representative Board who do not attend the meeting in person but provide written opinions or via audio-visual communication means in the presence of all members attending the meeting. A decision of the Fund Representative Board shall be passed if it is approved by more than fifty percent (50%) of the members of the Fund Representative Board attending the meeting and more than fifty percent (50%) of the independent members of the Fund Representative Board attending the meeting vote in favor.

22. **Supplement Clauses 4 to 8 of Article 46 (Conditions for selection of distribution agents for open-end fund certificates)**

4. The Fund Management Company is responsible for assessing facilities prior to selecting distribution agents and distribution locations to provide services to investors. Where a distribution agent distributes fund certificates in an online environment, the facilities assessment report must fully list the programs, applications, and websites used for distribution and the assessment contents demonstrating that such distribution agents satisfy the requirements in accordance with law. The facilities assessment report of the distribution agent and distribution locations shall be retained at the head office of the Fund Management Company and provided to the competent state regulatory authority upon request.

5. The fund certificate distribution agreement must, at a minimum, include contents on the scope of distribution activities, and the rights and obligations of the parties to the agreement, including the distribution agent's obligation to comply with applicable laws. The Fund Management Company must regularly supervise the distribution agent and is responsible for ensuring that the distribution of fund certificates by the distribution agent complies with the terms of the distribution agreement.

6. Within 05 working days from the date of change of the distribution agent, the Fund Management Company must notify the State Securities Commission, together with the following documents:

a) Notice of the change of the fund certificate distribution agent and distribution location;

b) In case of addition of a distribution agent, enclosed documents include: the distribution agency agreement executed with the Fund Management Company and the fund founding member(s); the report on appraisal of technical facilities and personnel at the fund certificate distribution locations, as confirmed by the Fund Management Company (except where the distribution agent is already a distribution agent of another fund managed by the Fund Management Company).

7. Where the distribution agent has its Certificate of Registration for distribution agency activities revoked or the distribution agreement expires, the Fund Management Company is responsible for giving prior notice to investors and, at the same time, appointing a replacement distribution agent (if any).

~~6.~~8. The Fund Management Company may only conduct distribution of public fund certificates and shares of public securities investment companies that it manages. In this case, the Fund Management Company must report to the State Securities Commission, update information in the Prospectus, and comply with the regulations applicable to distribution agents. At the same time, the Fund Management Company must ensure that personnel distributing fund certificates may not concurrently work in the asset management, investment analysis, or internal control departments.

23. Article 48 (Criteria for selection and replacement of the Audit Firm)

~~Annually,~~ the Fund Management Company shall propose at least two (02) audit firms for submission to the Investors' General Meeting for selection. ~~Where the Investors' General Meeting authorizes the Fund Representative Board pursuant to Clause 22 Article 26 of this Charter, the Fund Representative Board shall select the audit firm to conduct the audit of the Fund.~~ The selected audit firm must satisfy the following conditions:

[...]

24. Clause 3, Article 51 (Determination of the net asset value of the Fund)

The Fund Management Company is responsible for ~~daily~~ determining the net asset value of the ETF DCVFMVN30 Fund, the net asset value per Creation Unit, and the net asset value per fund certificate on Valuation Dates in accordance with the following principles:

[...]

25. Point d, Clause 2, Article 52 (Method for determining the net asset value of the Fund)

The net asset value shall be determined using the following method:

STT	Asset class	Market-based valuation principles
Cash and cash equivalents, money market instruments		
1.	Cash (~~VND~~VNĐ)	Cash balances in ~~current~~ accounts as of the day preceding the Valuation Date.
2.	Term deposits	Deposit value plus interest receivable accrued up to the day preceding the Valuation Date.
3.	Treasury bills, negotiable certificates of deposit~~,~~ and other money market instruments	Purchase price plus accrued interest up to the day preceding the Valuation Date ~~and in accordance with the guidance in the Valuation Manual approved by the Fund Representative Board~~.

4.	Non-interest-bearing instruments, including bills, bonds, securities and other non-interest-bearing instruments	Average quoted (clean) price on the trading system of the Stock Exchange; if there is no quoted price, the price shall be ~~determined in accordance with the valuation method referred to in the Valuation Manual approved by the Fund Representative Board.~~ Specifically, the price determined under the valuation method shall be the most recent Reuters price (Bid) within 90 days preceding the Valuation Date. If there has been no Reuters (Bid) price for more than 90 days preceding the Valuation Date, or in market conditions with significant volatility, the Fund Management Company shall propose the most appropriate reference price and submit it to the Investors' General Meeting for approval.
Bonds		
5.	Listed bonds / privately placed corporate bonds traded centrally on the Stock Exchange	- Weighted average quoted price (clean price) ~~(weighted average)~~ for normal (outright) transactions on the trading system or other designation, depending on the Stock Exchange's internal regulations, as of the date ~~of~~ the most recent transaction prior to the valuation date, plus accrued interest. In the following cases: ~~In the following cases:~~ - ~~No~~/ no transactions on the Stock Exchange trading system for more than 15 days up to the valuation date; or - The quoted price ~~calculated under the~~ weighted-~~average~~ method shows abnormal fluctuations ~~as detailed~~ exceeding ±0.5% versus the reference price as ~~stated in the Valuation Handbook,~~ determined in accordance with the method set out in note (*). ~~then~~Then the price of the bond ~~shall be determined as stated in the details~~as one of the ~~Valuation Handbook~~at the following price levels: + Purchase price plus accrued interest; or + Par value plus accrued interest; or + Reference price under item (*) plus accrued interest; or + Price determined under the method approved by the Fund's Representative Board / the Board of Directors of the securities investment company. (*) The reference price shall be determined as follows: ➢ Government bonds: - The government bond price (clean price) is determined under the valuation method as the most recent Reuters price (Bid price) within 90 days prior to the valuation date. - If there has been no Reuters price (Bid price) for more than 90 days prior to the valuation date; or in periods of high market volatility, the fund management company shall use the Bloomberg price (Bid price), or the Finpro price, or the most recent purchase price. ➢ Corporate bonds: - Plain-vanilla corporate bonds (straight bonds): one of the following approaches may be applied:

		- The clean price is the price determined under the discounted cash flow method based on a yield equal to the sum of the reference interest rate (the average 12-month deposit interest rate as of the most recent date prior to the valuation date of four state-owned commercial banks) and the Adjusted Yield Spread - The price after allocation of the difference between par value and purchase price (discount/premium) in respect of securities held by the Fund, and after excluding the entire portion of discount/premium value already allocated up to the valuation period immediately preceding the valuation date for the quantity of securities sold during the period. - The observable price of bonds with corresponding characteristics in terms of interest rate, remaining time to maturity, etc. in the domestic and international markets - In other market volatility scenarios, the fund management company shall determine the most appropriate reference price and submit it to the Investors' General Meeting for approval. The Fund's Representative Board ~~approval~~ shall determine the specific application for each period and record it in the Fund's Valuation Handbook. o Convertible corporate bonds: in principle, determined as the sum of the value of the straight bond and the value of the option to convert into shares, in which: (i) The value of the straight-bond component (clean price) is determined based on par value (ii) The option value is determined under the Black-Scholes Model or the Binomial Tree Model (in the case of complex conversion terms) Where a bond is in the period from successful auction to listing, or is pending listing (for publicly offered bonds), or pending admission to the centralized trading system (for privately placed bonds), the bond price shall be determined as the purchase price plus accrued interest. Where a bond is delisted / deregistered from trading due to its near-maturity status, the price shall be determined as par value plus accrued interest. Where a bond is delisted because the issuer redeems it prior to maturity, the price shall be the clean price at which the issuer commits to redeem it plus accrued interest. For bonds delisted for other reasons, the pricing method shall be approved by the Fund's Representative Board on a case-by-case basis.
6.	Unlisted bonds	Average quoted price (Clean price) of successful transactions as of the most recent date prior to the valuation date, based on quotations from at least three (03) quoting institutions that are not related persons and approved by the Fund's Representative Board, plus accrued interest ~~(*)~~. Where one (01) quoting institution is unable to determine a price, the bond price shall be the average clean price of

		successful transactions as of the most recent date prior to the valuation date, based on quotations from two (02) quoting institutions, plus accrued interest ~~(*)~~. In the case that: - ~~not~~Not having sufficient quotations from at least three (03) quoting institutions; or - ~~having~~Having sufficient quotations but from two (02) to three (03) quoting institutions are unable to determine a price; ~~or~~ ~~- the above average clean price under (*) fluctuates abnormally as detailed in the Valuation Handbook.~~ then the price of the bond ~~shall be determined in accordance with the details as stated in the Handbook~~for valuation as the price ~~approved by the Fund's Representative Board.~~purchase price plus accrued interest
~~7.~~	~~Warrants attached to convertible bonds~~	~~Method approved by the Fund's Representative Board~~
~~8~~7.	Bonds of an entity in dissolution or bankruptcy	~~Price~~ The determination ~~shall be made under the method~~; the price shall be approved by the Fund's Representative Board ~~upon occurrence.~~
Shares		
~~9~~8.	Shares listed on the Stock ~~Ex~~Exchange ~~of Securi~~Securities~~,~~; shares placed privately by a listed entity; additional public offering shares of a listed entity. Shares of a public company registered for trading on the ~~UPCOM~~UpCom system; shares placed privately by a trading-registered entity; additional public offering shares of a trading-registered entity	- Closing price (or other designation, in accordance with the Stock Exchange's internal regulations) of the most recent trading day prior to the valuation date; - Where there have been no transactions for more than 15 days up to the valuation date, one of the following price levels shall apply: + Closing price (or other designation, depending on the Stock Exchange's internal regulations) of the day ~~of~~ the most recent transaction within 90 days prior to the valuation date; ~~- Where there have been no transactions for more than 15 days up to the valuation date, priority shall be given in the order from top to bottom to apply one of the following price levels:~~ ~~+ Closing price (or other designation, depending on the Stock Exchange's internal regulations) of the most recent day with transactions within 90 days prior to the valuation date;~~ + Purchase price (cost price); + Book value; + Price determined under the method approved by the Fund Representatives Board. ~~- During the period in which a security is undergoing procedures to transfer its listing to another exchange, use the last closing price of the most recent trading day prior to the valuation date.~~ - In the case where shares have been approved for listing but have not yet had their first trade, valuation shall be conducted as in the case of shares offered in an initial public offering ~~that are~~ in the process of completing listing procedures.

~~10.~~ 9	Shares suspended from trading, or delisted, or deregistered from trading due to a change of Stock Exchange	~~Priority shall be given to~~ the Closing Price (or other term, in accordance with the ~~top-to-bottom order~~ under the internal regulations of the Stock Exchange) of the most recent trading day prior to the valuation date; In the event that there have been no trades for more than 15 days as of the valuation date, one of the following prices: + The Closing Price (or other term, depending on the internal regulations of the Stock Exchange) of the most recent trading day within 90 days prior to the valuation date; + Purchase price (cost price); + Book value; ~~- Par value;~~ + Price determined under the method approved by the Fund Representatives Board.
10.	Shares suspended from trading, or delisted, or deregistered from trading not due to a change of Stock Exchange	One of the following prices: - Book value; - Par value; - Price determined under the method approved by the Fund Representatives Board.
11.	Shares of an entity in dissolution or bankruptcy	~~Priority shall be given, in descending order (from top to bottom), to~~ one of the following prices: - 80% of the liquidation value of such shares as at the date of the most recent balance sheet prior to the valuation date; - Price determined under the method ~~approved by the Fund Representatives Board on a case-by-case basis.~~
12.	Other shares and capital contributions (including shares offered in an initial public offering that are in the process of completing listing procedures)	- The average value ~~of~~ successful transactions on the most recent trading day prior to the valuation date, based on quotations (from at least three (03) quoting institutions that are not related persons and are approved by the Fund Representatives Board) on the most recent trading day prior to the valuation date. - In the event that there are not sufficient quotations from at least 03 quoting institutions that are not related persons and are approved by the Fund Representatives Board, ~~priority shall be given, in descending order (from top to bottom), to~~ one of the following prices: + The average price of successful transactions on the most recent trading day prior to the valuation date, based on quotations from two (02) quoting institutions that are not related persons and are approved by the Fund Representatives Board; + The price under the most recent ~~valuation~~ report period, but not more than 90 days as of the day immediately preceding the valuation date; + Purchase price; + Book value; + Price determined under the theoretical model approved by the Fund Representatives ~~Board~~.
Fund certificates		
13.	Listed public fund certificates	- The closing price (or other term pursuant to the internal ~~regulations~~ of the Stock Exchange) of the ~~most recent~~ trading day prior to the valuation date; - In the event that there have been no trades for more than 15 days as of the valuation date, ~~the price shall be determined~~ as one of the following prices: + The net asset value per fund unit of such fund certificate, as disclosed on the website of the ~~fund~~ management company; or on the Stock Exchange; or on the website of

		the State Securities Commission of Vietnam (UBCKNN) ~~as detailed in the Handbook~~ as of the most recent date prior to the Fund's valuation date; + The closing price (or other term, depending on the internal regulations of the Stock Exchange) of the most recent trading day within 90 days prior to the valuation date; ~~+~~ + Purchase price (cost price); ~~Price determined under another method approved by the Fund Representatives Board.~~
14.	Unlisted public fund certificates	Net asset value per fund unit as disclosed as of the most recent date prior to the Fund's valuation date
~~14.~~ 15	Public fund certificates ~~not~~delisted from listing due to a change of Stock Exchange	One of the following prices: - Net asset value per ~~fund unit~~of the fund certificate, as disclosed as of the ~~most recent~~ valuation date ~~of such fund certificate~~ prior to the valuation date ~~of the DCVFMVN30 ETF Fund~~; or - Purchase price; or - Price determined under the method approved by the Fund Representatives Board/Board of Directors of the securities investment company.
Derivatives securities		
~~15~~16.	Listed derivatives securities	The closing price, or other term depending on the internal regulations of the Stock Exchange, as of the ~~immediately preceding trading day,~~ being the most recent trading day prior to the valuation date. Where there is no Stock Exchange closing price as provided in this Article, the price shall be determined based on the end-of-day settlement price/final settlement price (in the case of maturity) provided by ~~VSDC~~Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation ("VSDC") to derivatives clearing members and published by VSDC on VSDC's website as of the most recent trading day prior to the valuation date.
~~16~~17.	Listed derivatives securities with no trading for more than 15 days as of the valuation date	Price determined under the method approved by the Fund Representatives Board.
~~17~~18.	Commitment value from derivatives contracts	As specified in detail in item ~~(e) clause 2 of Article 52 hereof~~ and Note 3 below.
Other assets		
~~18~~19.	Other permitted investable assets	Depending on each specific case, the price of assets shall be determined as appropriate under one of the following methods: Market price means the average price of successful transactions on the most recent trading day prior to the valuation date as provided by at least 02 (two) quoting institutions; or under the method approved by the Fund Representatives Board ~~Under the method approved by the Fund Representatives Board.~~
20	Share subscription rights	The price of the subscription right is the positive difference between the market price of the share on the most recent trading day prior to the valuation date and the subscription exercise price multiplied by the subscription exercise ratio.

Note ~~*:1: General terms*~~

- Accrued interest: means the interest calculated from the ~~time~~date of the most recent interest payment to the ~~time~~date immediately preceding the valuation date~~;~~.

- Book value ~~(book value)~~ of a share is determined on the basis of the most recent financial statements that have been audited or reviewed.
- The liquidation value of a share is determined as the issuer's shareholders' equity value divided by the total number of outstanding shares.
- "Day" means a day in accordance with the ~~Gregorian calendar.~~

~~• The Valuation Agent shall select a quotation system (Reuters/ Bloomberg/ VNBF...) for reference.~~

~~• The quotation provider must not be a Related Person of the Fund Management Company and the Supervisory Bank, and must be approved by the Fund Representative Board and provided to the Supervisory Bank for supervision of the net asset value calculation.~~

~~• In other circumstances where the valuation method cannot be determined, the detailed guidance in the Valuation Manual, which has been approved by the Fund Representative Board, shall apply.~~

~~• The specific determination method is set out in the Valuation Manual developed by the Fund Management Company in accordance with applicable laws and approved by the Fund Representative Board.~~

- The average 12-month deposit interest rate is the average of the interest rates published by four state-owned joint stock commercial banks (Agribank, BIDV, Vietcombank, Vietinbank).
- A plain bond (Clean bond) is an ordinary bond that is not accompanied by rights to convert into shares.
- A convertible bond is a bond that may be converted into equity securities, specifically shares, at the bondholder's discretion.

Note 3: ***Commitment value from derivative contracts***

1. Commitment value (global exposure) means the monetary value converted from the contract for which the fund is the obligor required to perform. The commitment value is determined based on the market value of the underlying asset, settlement risk, market volatility, and the time required to liquidate the position.

2. When calculating the commitment value, ~~the~~ Fund Management Company may apply:

- The principle of netting derivative positions (opposite directions) in respect of the same underlying security; for example, a position of buying a call option on security XYZ reduces (nets) the commitment value arising from a position of selling a call option on security XYZ;

- The principle of netting derivative positions and spot positions in respect of the same security; for example, a position of buying (holding) security XYZ nets (reduces) the commitment value arising from a position of selling a call option on security XYZ;

- Other principles in accordance with international practice, ensuring that risks can be effectively managed.

STT	Type of ~~securities~~ asset	Commitment value
1	Equity options (buy ~~put option, sell~~ put option, sell put option, call option)	Market value of the option ~~position[1]~~position[1] adjusted by the option's delta factor = ~~Number~~number of contracts × ~~Number~~number of shares per contract × the current market price of the share × the ~~delta[2]~~delta[2] factor
2	Bond options (buy put option, sell put option, sell call option)	Market value of the option ~~position[3]~~position[3] adjusted by the option's delta factor = ~~Number~~number of contracts × par value × the current market price of the bond × delta factor
3	Index futures contract	Market value of the futures position = ~~Number~~number of contracts × value per index point × current index level
4	Bond futures contract	Market value of the futures position = ~~Number~~number of contracts × contract value calculated based on notional value (notional) × the market value of the

~~[1] If the Fund holds a long position (*long position*), the market value may be adjusted upward by adding the option purchase cost (*premium*).~~

~~[3] Delta is the first derivative of the option price with respect to the price of the underlying security. In a simple case, delta may be deemed to be 1. In the case of complex options, delta shall be determined by the Fund Management Company and the Supervisory Bank after obtaining approval from the Fund Representative Board.~~

~~[3] If the Fund holds a long position (*long position*), the market value may be adjusted upward by adding the option purchase cost (*premium*)~~

		cheapest-to-deliver bond
5	Other contracts	In accordance with the model selected by ~~the~~ Fund Management Company, agreed with ~~the~~ Supervisory Bank~~,~~ and approved by ~~the~~ Fund Representative Board

Notes:

[1] If the Fund holds a long position (long position), the market value may be adjusted upward by adding the option purchase cost (premium).

[2] Delta is the first derivative of the option price with respect to the price of the underlying security. In a simple case, delta may be deemed to be 1. In the case of complex options, delta shall be determined by the fund management company and the supervisory bank after obtaining approval from the Fund Representative Board.

[3] If the Fund holds a long position (long position), the market value may be adjusted upward by adding the option purchase cost (premium).

26. Point b, Clause 2, Article 55 (Types of service prices and fees payable by the Fund)

The ~~maximum~~ supervisory service fee ~~is~~ 0.02% of NAV per year and the minimum is VND 16 million per month (exclusive of VAT, if any).

27. Clause 2, Article 62 (Charter registration)

This Charter is made in ~~05~~04 original copies of equal validity in Vietnamese:

- 01 copy filed/registered with the competent State authorities in accordance with law.
- 02 copies retained at the office of the Investment Fund.
- 01 copy retained at the office of the Fund Management Company.
- ~~01 copy retained at the office of the Supervisory Bank.~~

28. Address of the Fund Management Company in Appendix 1 (COMMITMENT OF THE FUND MANAGEMENT COMPANY)

Head office address: 15th Floor, Me Linh Point Building, 02 Ngo Duc Ke, Ward ~~Ben Nghe, District 1~~Sai Gon, Ho Chi Minh City

29. Section 4, Appendix 3 (GENERAL COMMITMENT OF THE FUND MANAGEMENT COMPANY AND THE SUPERVISORY BANK)

Mutually undertake not to receive any ~~any~~ remuneration, profit, or benefit from the performance of transactions in the Fund's assets or transactions in other assets not expressly stipulated in this Charter or the Prospectus.